

	Trang
PHẦN MỞ ĐẦU	
1- Lý do chọn đề tài	1
2- Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	3
3- Giới hạn và phạm vi nghiên cứu	3
4- Lịch sử vấn đề	3
5- Phương pháp nghiên cứu	3
6- Khả năng đóng góp của khoá luận	4
7- Bố cục của khoá luận	4
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH VĂN HOÁ VÀ VIỆC XÂY DỰNG CÁC TUYẾN - ĐIỂM DU LỊCH	
1.1- CÁC KHÁI NIỆM	5
1.1.1- Khái niệm về du lịch	5
1.1.2- Khái niệm về văn hoá	5
1.1.3- Khái niệm về du lịch văn hoá	7
1.1.3.1- Khái niệm du lịch văn hoá	7
1.1.3.2- Nội dung của du lịch văn hoá	7
1.1.3.3- Mối quan hệ giữa du lịch và văn hoá	8
1.1.3.3.1- Ảnh hưởng của văn hoá đến du lịch	8
1.1.3.3.2- Ảnh hưởng của du lịch tới văn hoá	9
1.2- XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA DU LỊCH VĂN HOÁ	10
1.3- KHÁI NIỆM VỀ ĐIỂM DU LỊCH, TUYẾN DU LỊCH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU XÁC ĐỊNH TUYẾN - ĐIỂM DU LỊCH	
1.3.1- Khái niệm về tuyến – điểm du lịch	11
1.3.1.1- Điểm du lịch	11
1.3.1.2- Tuyến du lịch	12
1.3.1.3- Điều kiện để được công nhận là tuyến du lịch	12
1.3.2- Nội dung chủ yếu của việc xác định điểm – tuyến du lịch	13
1.3.2.1- Tài nguyên du lịch	13
1.3.2.1.2- Vị trí địa lý	13
1.3.2.1.3- Tài nguyên du lịch tự nhiên	13
1.3.2.1.4- Tài nguyên du lịch nhân văn	15
1.3.2.2- Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch	18
1.3.2.2.1- Cơ sở hạ tầng	18
1.3.2.2.2- Cơ sở vật chất kỹ thuật	19
1.3.3- Các chỉ tiêu để xác định tuyến - điểm du lịch	20

1.3.3.1- Độ hấp dẫn của tài nguyên du lịch	20
1.3.3.2- Thời gian hoạt động du lịch	20
1.3.3.3- Sức chứa khách du lịch	21
1.3.3.4- Vị trí của điểm du lịch	21
1.3.3.5- Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch	21
1.3.3.6- Chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế	22
CHƯƠNG II: CÁC TIỀM NĂNG CHỦ YẾU ĐỂ XÂY DỰNG TUYẾN – ĐIỂM DU LỊCH VĂN HOÁ Ở HUYỆN THỦY NGUYÊN	
2.1- KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HUYỆN THỦY NGUYÊN	24
2.1.1- Điều kiện tự nhiên	24
2.1.1.1- Vị trí địa lý	24
2.1.1.2- Địa hình	24
2.1.1.3- Khí hậu	25
2.1.1.4- Thủy văn	25
2.1.2- Điều kiện lịch sử, kinh tế - xã hội	25
2.1.2.1- Lịch sử	25
2.1.2.2- Dân cư	26
2.2.3- Một số nét về kinh tế - văn hoá - xã hội	27
2.2- MỘT SỐ DI SẢN VĂN HOÁ TIÊU BIỂU CỦA HUYỆN THỦY NGUYÊN CÓ THỂ ĐƯA VÀO KHAI THÁC PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH	
2.2.1- Các di tích lịch sử văn hoá	31
2.2.1.1- Cụm di tích Bạch Đằng lịch sử	31
2.2.1.2- Đền thờ Trần Quốc Bảo	32
2.2.1.3- Cụm di tích Liên Khê	34
2.2.1.4- Chùa Cầu Tử Ngoại	37
2.2.1.5- Đền thờ trạng nguyên Lê Ích Mộc	39

2.2.1.6- Chùa Hoàng Pha	42
2.2.1.7- Đình Lôi Động	43
2.2.1.8- Đình Kiên Bái	45
2.2.1.9- Đình Lâm Động	48
2.2.2- Những di tích văn hoá khảo cổ	51
2.2.2.1- Mộ cổ Việt Khê	51
2.2.2.2- Di chỉ khảo cổ Tràng Kênh	52
2.2.3- Các lễ hội	54
2.2.3.1- Hội hát Đúm Thủy Nguyên	54
2.2.3.3- Hội Đu xuân Thủy Nguyên	59
2.2.4- Làng nghề truyền thống	60
2.2.5- Các tài nguyên khác	60

CHƯƠNG III: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH VĂN HOÁ VÀ XÂY DỰNG MỘT SỐ TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VĂN HOÁ Ở HUYỆN THỦY NGUYÊN

3.1 ĐÔI NÉT VỀ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH Ở HUYỆN THỦY NGUYÊN	62
3.1.1- Các loại hình du lịch đang được khai thác	62
3.1.2- Lượng khách đến và thị trường khách	62
3.1.3- Cơ sở lưu trú, ăn uống, phục vụ cho du lịch	63
3.1.4 - Các dịch vụ du lịch khác	63
3.1.5- Một số nhận xét	63
3.3- XÂY DỰNG MỘT SỐ TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VĂN HOÁ DỌC CÁC SÔNG QUANH HUYỆN THỦY NGUYÊN	65
3.3.1- Phương pháp xác định các tuyến điểm du lịch văn hoá	65
3.3.1.1- Phương pháp đánh giá	65
3.3.1.2- Đối tượng đánh giá	66
3.3.1.3- Kết quả xác định	67
3.3.2 Xây dựng một số tuyến du lịch văn hoá dọc các sông quanh Thủy Nguyên	70
3.3.2.1- Một số tuyến du lịch văn hoá tiêu biểu:	70

3.3.2.1.1- Chương trình 1:	70
3.3.2.1.2- Chương trình 2:	72
3.3.2.1.3-Chương trình 3:	74
3.3.2.2- Một số giải pháp hỗ trợ để đảm bảo xây dựng thành công tuyến du lịch văn hoá dọc các sông quanh huyện Thủy Nguyên	74
3.3.2.2.1- Phát triển cơ sở hạ tầng	74
3.3.2.2.2- Tăng cường quản lý Nhà nước về du lịch	75
3.3.2.2.3- Tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức về phát triển du lịch.	75
3.3.2.2.4- Bảo vệ và tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá, Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên	76
3.3.2.2.5- Kêu gọi các dự án đầu tư nước ngoài	77
3.3.2.2.6- Kết nối với các đơn vị lữ hành có uy tín	77
PHẦN KẾT LUẬN	78
TÊN TÀI LIỆU THAM KHẢO	81
PHỤ LỤC	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA
Ở HUYỆN THỦY NGUYÊN HẢI PHÒNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

NGÀNH VĂN HÓA DU LỊCH

Sinh viên : Đinh Thị Kim Thủy

Người hướng dẫn : TS. Nguyễn Thanh Sơn

HẢI PHÒNG – 2010

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

1

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : **Đinh Thị Kim Thủy**

Mã số : **101539**

Lớp : **VH 1004**

Ngành : **Văn hóa Du**

lịch

Tên đề tài : **xây dựng một số tuyến du lịch văn hoá**

dọc các sông quanh huyện Thủy Nguyên

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất :

Họ và tên :

.....

Học hàm học vị :

.....

Cơ quan công tác :

.....

Nội dung hướng
dẫn.....

.....
.....
.....

Người hướng dẫn thứ hai :

Họ và tên :

.....

Học hàm học vị :

.....

Cơ quan công tác :

.....

Nội dung hướng
dẫn.....

.....
.....
.....Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2010

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2010

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ

Sinh viên
hướng dẫn

Người

Hải Phòng, ngày tháng năm 2010

HIỆU TRƯỞNG

GS. TS. NGŨT. Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của đề tài (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ ĐTTN trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu ..):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi cả chữ và số):

.....
.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày tháng năm
2010

Cán bộ hướng dẫn

NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ
CỦA NGƯỜI CHĂM PHẢN BIỆN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Tên Đề tài : *Nghiên cứu phát triển du lịch văn hóa ở huyện Thủy Nguyên,*

Hải Phòng

Của sinh viên: **Đinh Thị Kim Thủy**

Lớp VH 1004

1. Đánh giá chất lượng đề tài tốt nghiệp về các mặt thu thập và phân tích tài liệu, số liệu ban đầu; cơ sở lý luận cho phương án tối ưu, cách tính toán chất lượng thuyết minh bản vẽ, giá trị lý luận và thực tiễn của đề tài:

2. Cho điểm của người chấm phản biện:

(Điểm ghi bằng số và chữ)

Ngày Tháng Năm
2010

Người chấm phản biện

LỜI CẢM ƠN

Nhân dịp Khóa luận hoàn thành và đưa ra bảo vệ, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với các thầy cô trong khoa Văn hóa Du lịch trường Đại học Dân lập Hải Phòng, đặc biệt tới thầy Nguyễn Thanh Sơn - người đã tận tình chỉ dẫn và giúp đỡ em trong quá trình thực hiện đề tài khóa luận này.

Em cũng xin chân thành cảm ơn Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch Hải Phòng, Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, Thư viện trường Đại học Dân Lập Hải Phòng... đã tạo điều kiện thuận lợi cho em trong quá trình khảo sát và khai thác tư liệu liên quan đến đề tài Khóa luận.

Tuy nhiên, do kiến thức và kinh nghiệm còn hạn chế, những khiếm khuyết trong Khóa luận này là không thể tránh khỏi. Em rất mong tiếp tục

nhận được sự chỉ dẫn của các thầy cô và sự góp ý của các bạn đồng nghiệp để cho Khóa luận được hoàn chỉnh hơn.

Em xin chân thành cảm ơn.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2010

Đinh Thị Kim Thùy

MỞ ĐẦU

2- Lý do chọn đề tài

Hiện nay, du lịch đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu được của nhân dân hầu hết các nước trên thế giới. Du lịch không chỉ là ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều quốc gia, mà còn là cầu nối giao lưu hoà bình và hữu nghị giữa các dân tộc, hay giữa các vùng miền trong một đất nước.

Theo Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới, ngành Du lịch toàn cầu đã đạt doanh thu trị giá gần 8.000 tỷ USD vào những năm gần đây. Bất chấp nền kinh tế thế giới đang trong bờ vực của sự suy thoái; lạm phát tăng cao; điều kiện chính trị còn nhiều biến động và hậu quả khôn lường của biến đổi khí hậu trái đất; các chuyên gia vẫn dự báo ngành Du lịch thế giới sẽ tăng giá trị doanh thu lên xấp xỉ 15.000 tỷ USD trong vòng 10 năm tới.

Việt Nam ngày càng trở thành điểm đến hấp dẫn của khách du lịch quốc tế. Năm 2007, chúng ta đã đón hơn 4,2 triệu lượt du khách nước ngoài, tăng gần 18% so với năm 2006. Các năm 2008, 2009 lượng khách quốc tế vẫn tiếp tục tăng trưởng với tốc độ trên 8%. Theo ước tính, lượng khách du lịch nước ngoài năm nay sẽ đạt hơn 5 triệu lượt người, lượng ngoại tệ thu được khoảng 5 tỷ USD. Du lịch Việt Nam đã đạt được những bước tiến lớn và ngày càng khẳng định vai trò mũi nhọn trong đời sống kinh tế - xã hội và sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Hải Phòng là một cực quan trọng trong Tam giác động lực tăng trưởng kinh tế phía Bắc, đồng thời là một trong mười trung tâm du lịch lớn nhất của cả nước. Hải Phòng có nền kinh tế năng động, thiên nhiên tươi đẹp, lịch sử lâu đời, văn hoá độc đáo và đa dạng, luôn là một điểm đến lý tưởng của du khách trong và ngoài nước. Năm 2009, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của suy thoái kinh tế toàn cầu nhưng Hải Phòng đã đón và phục vụ trên 4 triệu lượt khách du lịch, đạt mức tăng trưởng hơn 2,9% so với 2008, trong đó có hơn 700.000 lượt khách khách quốc tế. Ngay trong dịp Tết nguyên đán Canh Dần, Hải Phòng đã tổ chức đón 360 khách du lịch từ Mỹ và châu Âu đi trên tàu du lịch hạng 6 sao mang tên Silversia, báo hiệu năm 2010 là năm Hải Phòng tiếp tục thành công trên con đường phát triển du lịch.

Tuy nhiên, hiện nay du khách đến Hải Phòng chủ yếu là theo các tour khám phá những nét độc đáo về du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng biển. Cả một hệ thống các tài nguyên du lịch nhân văn đồ sộ rất có giá trị hầu như vẫn còn bỏ ngỏ. Trừ một số lễ hội như Chọi trâu Đồ Sơn, Kỷ niệm Trưng Trinh, Kỷ niệm ngày Bác Hồ về thăm làng cá... là được tập trung khai thác phục vụ du khách, số còn lại hầu như chưa được đầu tư đưa vào sử dụng. Vì

vậy, các sản phẩm du lịch của Hải Phòng còn đơn điệu, chưa thực sự lôi cuốn khách du lịch cao cấp, thời gian lưu trú của khách cũng không dài. Để đa dạng hoá sản phẩm du lịch, nhằm kéo dài thời gian lưu trú của khách, nhiệm vụ đặt ra cho Hải Phòng trong thời gian tới là phải phát huy các thế mạnh về tài nguyên du lịch nhân văn, xây dựng các tour du lịch văn hoá độc đáo, đặc trưng làm nền tảng để nâng cao chất lượng các tour du lịch.

Thủy Nguyên là một huyện có thế mạnh về du lịch văn hoá, là nơi tập trung nhiều tài nguyên du lịch nhân văn bậc nhất của Hải Phòng. Nơi đây có tới 18 di tích đã được xếp hạng cấp quốc gia. Theo số liệu của Hội Phật giáo Hải Phòng, Thủy Nguyên là huyện có nhiều chùa nhất thành phố. Thời Phong kiến, huyện có 84 ngôi chùa. Đến năm 1962 vẫn còn 70 ngôi chùa lớn nhỏ, trong đó có 4 chùa vừa là chôn Tổ đình vừa là danh thắng. Tiêu biểu là chùa Thường Sơn (Hàm Long tự), thuộc phái Trúc Lâm, được xây dựng năm Chính Hoà hai mươi ba (1702) thời Lê Hy Tông; chùa Mỹ Cự (Linh Sơn tự) được xây dựng vào thời Tiền Lê, hiện còn lưu giữ 6 bộ kinh quý. Tuy nhiên du lịch và du lịch văn hoá Thủy Nguyên chưa phát triển tương xứng với tiềm năng vốn có của nó.

Hệ thống tài nguyên du lịch nhân văn của huyện nằm tập trung chủ yếu ven các con sông quanh huyện, rất thuận tiện cho việc tổ chức các tour vận chuyển bằng đường thuỷ. Nhưng hiện nay chưa được Ủy ban nhân dân huyện cũng như các Công ty lữ hành lớn của Hải Phòng và Việt Nam quan tâm đúng mức. Mặt khác, nhiều di tích lịch sử văn hoá có giá trị ở Thủy Nguyên đang bị xuống cấp một cách nghiêm trọng. Vì vậy phát triển du lịch văn hoá đi đôi với bảo tồn và phát huy những giá trị tài nguyên du lịch nhân văn ở đây là nhiệm vụ cấp thiết đang được đặt ra đối với chính quyền địa phương và ngành du lịch thành phố. Điều đó đòi hỏi có sự góp sức rất lớn của những người làm công tác du lịch.

Sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Thủy Nguyên nơi hội tụ rất nhiều tài nguyên văn hoá có giá trị lớn của dân tộc. Bản thân người viết muốn tìm hiểu, giới thiệu, và đề xuất các biện pháp nhằm khai thác tốt tiềm năng du lịch nhân văn của địa phương, góp phần nhỏ bé vào sự phát triển của quê hương. Xuất phát từ lý do trên người viết đã lựa chọn đề tài ***“Xây dựng tuyến du lịch văn hoá dọc các sông quanh huyện Thủy Nguyên”*** làm nhiệm vụ Khoá luận tốt nghiệp.

2- Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích: xây dựng một số tuyến du lịch văn hoá bằng đường thuỷ dọc hệ thống sông quanh huyện Thủy Nguyên, nhằm tạo ra các sản phẩm độc đáo, có sức hút mạnh mẽ đối với khách du lịch.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Tổng quan những vấn đề lý luận về du lịch văn hoá và việc xây dựng các tuyến điểm du lịch.

- Xác định các tiềm năng để xây dựng các tuyến điểm du lịch văn hoá ở huyện Thủy Nguyên.

- Đánh giá thực trạng phát triển du lịch văn hoá ở huyện Thủy Nguyên và xây dựng một số tuyến du lịch văn hoá dọc các sông quanh huyện Thủy Nguyên.

3- Giới hạn và phạm vi nghiên cứu

Tập trung vào việc xác định các tuyến điểm du lịch văn hoá tại huyện Thủy Nguyên. Đề tài nghiên cứu được giới hạn trong phạm vi không gian lãnh thổ huyện Thủy Nguyên và một số địa phương lân cận ven các sông quanh huyện Thủy Nguyên.

4- Lịch sử vấn đề

Ở Việt Nam, vấn đề tài nguyên văn hoá và tài nguyên du lịch văn hoá đã được nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu. Tiêu biểu có giáo sư Trần Quốc Vượng, Đào Duy Anh, Trần Ngọc Thêm, Phan Ngọc, Toan Ánh, Bùi Thị Hải Yến... Ở Hải Phòng, vấn đề tài nguyên văn hoá và tài nguyên du lịch văn hoá của huyện Thủy Nguyên đã được đề cập trong các tác phẩm như: “Một số di sản văn hoá tiêu biểu của Hải Phòng” (Tập I, Tập II) của Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Hải Phòng; “Du lịch văn hoá Hải Phòng” của tác giả Trần Phương; “Lễ hội truyền thống tiêu biểu của Hải Phòng” của một số tác giả do Trịnh Minh Hiền chủ biên.

Song vấn đề đánh giá tổng hợp tài nguyên du lịch nhân văn của huyện Thủy Nguyên làm cơ sở để xây dựng những tour du lịch chuyên đề văn hoá tại huyện thì hầu như chưa được quan tâm. Đặc biệt là việc nghiên cứu xây dựng một số tuyến du lịch văn hoá bằng đường thuỷ quanh huyện để khám phá những giá trị văn hoá nơi đây thì hoàn toàn mới mẻ không trùng lặp với tài liệu nào.

5- Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp sưu tầm điền dã*: nhằm thu thập các thông tin, trò chuyện trao đổi cùng với nhân dân địa phương, ban quản lý di tích, ghi chép các thông tin cho qua trình nghiên cứu. Đây cũng là phương pháp hiệu quả để người viết tìm được các tư liệu trong dân gian.

- *Phương pháp thống kê và phân tích tổng hợp*: dựa trên các tài liệu sưu tầm được, các nguồn thông tin, chọn lọc, phân tích và tổng hợp thành các mục đích cụ thể cho việc thiết kế và trình bày nội dung trong đề tài.

- *Phương pháp bản đồ và biểu đồ*: qua phương pháp biểu đồ về số lượng khách, doanh thu du lịch và bản đồ các tuyến và điểm du lịch, tài nguyên du lịch nhân văn sẽ thể hiện một cách trực quan các nội dung nghiên cứu, các số liệu cụ thể trên biểu đồ, cũng như xác định đặc điểm và sự phân bố theo lãnh thổ của các đối tượng nghiên cứu chính trên bản đồ.

- *Phương pháp toán học, phương pháp đối chiếu so sánh*

6- Khả năng đóng góp của khoá luận

Cung cấp những đánh giá khách quan và có căn cứ khoa học về tài nguyên du lịch văn hoá và tiềm năng phát triển du lịch ở Thủy Nguyên.

Xây dựng một số tuyến điểm du lịch văn hoá tại huyện Thủy Nguyên nhằm đa dạng hoá loại hình du lịch góp phần thu hút nhiều hơn nữa du khách đến với huyện Thủy Nguyên.

Một lần nữa góp phần tôn vinh và bảo tồn giá trị của các công trình văn hoá tại huyện Thủy Nguyên.

Nêu nên những định hướng cho việc khai thác các giá trị văn hoá theo hướng phục vụ phát triển du lịch văn hoá.

Đề xuất một số giải pháp để phát huy giá trị lịch sử văn hoá phục vụ phát triển du lịch

7- Bố cục của khoá luận

Ngoài các phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, Phụ lục nội dung chính của Khoá luận được chia làm 3 chương:

Chương I: *Cơ sở lý luận về du lịch văn hoá và việc xây dựng các tuyến điểm du lịch văn hoá.*

Chương II: *Tiềm năng chủ yếu để xây dựng tuyến điểm du lịch văn hoá ở Thủy Nguyên.*

Chương III: *Thực trạng hoạt động du lịch văn hoá và thành lập một số tuyến du lịch văn hoá ở Thủy Nguyên.*

CHƯƠNG I

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH VĂN HOÁ VÀ VIỆC XÂY DỰNG CÁC TUYẾN - ĐIỂM DU LỊCH

1.1- CÁC KHÁI NIỆM

1.1.1- Khái niệm về du lịch

Ngày nay trên phạm vi toàn thế giới du lịch đã trở thành nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống văn hoá và hoạt động du lịch đang được phân tích một cách mạnh mẽ trở thành ngành kinh tế quan trọng trên toàn thế giới.

Cho đến nay có rất nhiều định nghĩa về du lịch, nhưng nhìn chung tất cả mọi khái niệm đều đi đến thống nhất rằng: tất cả các hoạt động của con người ngoài nơi ở thường xuyên nhằm mục đích nghỉ ngơi, giải trí hoặc chữa bệnh và ngoài mục đích đi xâm lược, tìm kiếm việc làm và cư trú chính trị đều được coi là du lịch.

Theo quan điểm của I.I.Priôjnik (1985): “Du lịch là một dạng hoạt động của dân cư trong thời gian rời liên quan đến sự di chuyển và lưu trú tạm thời bên ngoài nơi cư trú thường xuyên nhằm nghỉ ngơi chữa bệnh, phát triển thể chất và tinh thần nâng cao trình độ nhận thức, văn hoá, thể thao, kèm theo việc tiêu thụ những giá trị về tự nhiên, kinh tế và văn hoá.”

Hội Nghị Liên Hợp Quốc về Du Lịch ở Roma năm 1963 cho rằng: “Du lịch là tổng hòa các mối quan hệ, hiện tượng, các hoạt động kinh tế bắt nguồn từ các cuộc hành trình và lưu trú của cá nhân hay tập thể ở bên ngoài nơi ở thường xuyên của họ hay ngoài nước của họ với mục đích hòa bình. Nơi họ đến lưu trú không phải là nơi làm việc của họ.”

Hội nghị Quốc tế về Thống kê du lịch ở Ottawa, Canada tháng 06/1991 định nghĩa: “Du lịch là hoạt động của con người đi tới một nơi ngoài môi trường thường xuyên (nơi ở của mình), trong một khoảng thời gian ít hơn khoảng thời gian đã được các tổ chức du lịch quy định trước, mục đích của chuyến đi không phải là để tiến hành các hoạt động kiếm tiền trong phạm vi vùng tới thăm”.

Trong Khoá luận này người viết sử dụng định nghĩa Du lịch đã được thống nhất quy định tại Điều 10 Pháp lệnh Du lịch Việt Nam: “**Du lịch** là hoạt động của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm thỏa mãn nhu cầu tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng trong khoảng thời gian nhất định.”

1.1.2- Khái niệm về văn hoá

Có nhiều định nghĩa khác nhau về văn hóa, mỗi định nghĩa phản ánh một cách nhìn nhận và đánh giá khác nhau. Ngay từ năm 1952, hai nhà nhân loại học Mỹ là Alfred Kroeber và Clyde Kluckhohn đã từng thống kê có tới

164 định nghĩa khác nhau về văn hóa trong các công trình nổi tiếng thế giới. Văn hóa được đề cập đến trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu như dân tộc học, nhân loại học (theo cách gọi của Mỹ hoặc dân tộc học hiện đại theo cách gọi của châu Âu), dân gian học, địa văn hóa học, văn hóa học, xã hội học... và trong mỗi lĩnh vực nghiên cứu đó định nghĩa về văn hóa cũng khác nhau. Các định nghĩa về văn hóa nhiều và cách tiếp cận khác nhau đến nỗi ngay cả cách phân loại các định nghĩa về văn hóa cũng có nhiều. Một trong những cách đó phân loại các định nghĩa về văn hóa thành những dạng chủ yếu sau đây:

Các định nghĩa miêu tả: định nghĩa văn hóa theo những gì mà văn hóa bao hàm, chẳng hạn nhà nhân loại học người Anh Edward Burnett Tylor (1832 – 1917) đã định nghĩa văn hóa như sau: văn hóa hay văn minh hiểu theo nghĩa rộng trong dân tộc học là một tổng thể phức hợp gồm kiến thức, đức tin, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, phong tục, và bất cứ những khả năng, tập quán nào mà con người thu nhận được với tư cách là một thành viên của xã hội.

Các định nghĩa lịch sử: nhấn mạnh các quá trình kế thừa xã hội, truyền thống dựa trên quan điểm về tính ổn định của văn hóa. Một trong những định nghĩa đó là của Edward Sapir (1884 – 1939), nhà nhân loại học, ngôn ngữ học người Mỹ: văn hóa chính là bản thân con người, cho dù là những người hoang dã nhất sống trong một xã hội tiêu biểu cho một hệ thống phức hợp của tập quán, cách ứng xử và quan điểm được bảo tồn theo truyền thống.

Các định nghĩa chuẩn mực: nhấn mạnh đến các quan niệm về giá trị, chẳng hạn William Isaac Thomas (1863 – 1947), nhà xã hội học người Mỹ coi văn hóa là các giá trị vật chất và xã hội của bất kỳ nhóm người nào (các thiết chế, tập tục, phản ứng cư xử...).

Các định nghĩa tâm lý học: nhấn mạnh vào quá trình thích nghi với môi trường, quá trình học hỏi, hình thành thói quen, lối ứng xử của con người. Một trong những cách định nghĩa như vậy của William Graham Sumner (1840 – 1910), viện sĩ Mỹ, giáo sư Đại học Yale và Albert Galloway Keller, học trò và cộng sự của ông là: Tổng thể những thích nghi của con người với các điều kiện sinh sống của họ chính là văn hóa, hay văn minh... Những sự thích nghi này được bảo đảm bằng con đường kết hợp những thủ thuật như biến đổi, chọn lọc và truyền đạt bằng kế thừa.

Các định nghĩa cấu trúc: chú trọng khía cạnh tổ chức cấu trúc của văn hóa, ví dụ Ralph Linton (1893 – 1953), nhà nhân loại học người Mỹ định nghĩa:

a. Văn hóa suy cho cùng là các phản ứng lặp lại ít nhiều có tổ chức của các thành viên xã hội;

b. Văn hóa là sự kết hợp giữa lối ứng xử mà các thành tố của nó được các thành viên của xã hội đó tán thành và truyền lại nhờ kế thừa.

Các định nghĩa nguồn gốc: định nghĩa văn hóa từ góc độ nguồn gốc của nó, ví dụ định nghĩa của Pitirim Alexandrovich Sorokin (1889 – 1968), nhà xã hội học người Mỹ gốc Nga, người sáng lập khoa Xã hội học của Đại học Harvard: Với nghĩa rộng nhất, văn hóa chỉ tổng thể những gì được tạo ra, hay được cải biến bởi hoạt động có ý thức hay vô thức của hai hay nhiều cá nhân tương tác với nhau và tác động đến lối ứng xử của nhau.

Năm 2002, UNESCO đã đưa ra định nghĩa về văn hóa như sau: Văn hóa nên được đề cập đến như là một tập hợp của những đặc trưng về tâm hồn, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội và nó chứa đựng, ngoài văn học và nghệ thuật, cả cách sống, phương thức chung sống, hệ thống giá trị, truyền thống và đức tin.

Định nghĩa của Hồ Chí Minh về văn hoá: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá.”

1.1.3- Khái niệm về du lịch văn hoá

1.1.3.1- Khái niệm du lịch văn hoá

Du lịch văn hóa là hình thức du lịch dựa vào bản sắc văn hóa dân tộc với sự tham gia của cộng đồng nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

Người ta gọi là du lịch văn hoá khi hoạt động du lịch diễn ra chủ yếu trong môi trường nhân văn hoặc hoạt động du lịch đó tập trung khai thác tài nguyên du lịch nhân văn.

Du lịch văn hoá là phương thức khám phá nền văn hoá một nước và ở đó du khách thường ngoạn di tích lịch sử, tham dự lễ hội, thưởng ngoạn các hình thức nghệ thuật biểu diễn, khám phá các lối sống nếp sống văn hoá dân tộc độc đáo.

Một cách hiểu khác nữa: du lịch văn hoá là loại hình du lịch mà ở đó con người được hưởng thụ những sản phẩm văn hoá của một quốc gia, của một vùng hoặc một dân tộc.

1.1.3.2- Nội dung của du lịch văn hoá

Du lịch văn hoá chỉ thực sự có nội dung văn hoá khi gắn liền hoạt động của nó với kiến thức lịch sử xã hội liên quan tới tuyến - điểm du lịch văn hoá.

Văn hoá mà nó gắn liền với hoạt động du lịch được dùng để khai thác phục vụ cho du lịch được gọi là tài nguyên du lịch nhân văn (hay tài nguyên du lịch văn hoá) bao gồm các di tích lịch sử, những di chỉ khảo cổ, các lễ hội truyền thống, trò chơi dân gian, các loại hình văn hoá nghệ thuật, các danh lam thắng cảnh, các công trình kiến trúc đương đại, phong tục tập quán, nghệ thuật ẩm thực, những sự kiện lịch sử... Nó là những bằng chứng trung thành, xác thực cụ thể nhất về đặc điểm văn hoá của mỗi quốc gia. Nó chứa đựng tất cả những gì thuộc về truyền thống tốt đẹp, tinh hoa, trí tuệ, tài năng và sự sáng tạo. Nói như vậy không có nghĩa là tất cả những sản phẩm văn hoá đều đều là sản phẩm du lịch văn hoá mà phải có sự lựa chọn, có điều kiện khai thác để trở thành sản phẩm du lịch.

Cuối cùng mục đích của du lịch văn hoá là nâng cao hiểu biết, là phương tiện truyền tải những giá trị văn hoá của một cộng đồng giúp họ hiểu, giữ gìn vốn văn hoá truyền thống của dân tộc mình. Đồng thời du lịch văn hoá còn tạo ra lợi ích kinh tế cho cộng đồng cư dân địa phương.

1.1.3.3- Mối quan hệ giữa du lịch và văn hoá

1.1.3.3.1- Ảnh hưởng của văn hoá đến du lịch

Giữa văn hoá và du lịch luôn có mối quan hệ biện chứng và trực tiếp. Mối quan hệ này càng thể hiện rõ hơn trong sự liên hệ giữa việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá. Xét dưới góc độ thị trường thì văn hoá vừa là yếu tố cung vừa góp phần hình thành nên yếu tố cầu.

Văn hóa tạo thành nền móng cho hoạt động du lịch phát triển bền vững. Trong ba yếu tố chủ yếu tác động giữ vai trò quyết định sự tồn tại của hoạt động du lịch là: điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái – xã hội, truyền thống lịch sử văn hóa, thì đã có tới hai yếu tố liên quan trực tiếp đến lĩnh vực văn hóa.

Du lịch và văn hóa là hai mặt của một cuộc hành trình không thể thiếu được đối với mỗi khách du lịch. Nền văn hóa càng phong phú càng có điều kiện thu hút du khách đến tham quan du lịch. Có thể nói, một công trình văn hóa, một món ăn tinh ngon, một lời nói ngọt ngào và lời chào hỏi... đều thể hiện nếp sống văn hóa của mỗi một dân tộc, mà đời sống văn hóa bao giờ cũng có xu hướng kế thừa gạn đục khơi trong.

Một ngành kinh tế lớn, ngành du lịch, có liên quan trực tiếp tới văn hóa. Những di sản văn hóa trên lãnh thổ một quốc gia là một chủ bài lớn để thu hút du khách nước ngoài, và từ đó nảy nở những mối giao thương khác. Mặt khác, khi bạn bè hay đối tác nước ngoài tới tìm hiểu đất nước ta, tìm hiểu con người, xã hội và các cơ hội làm ăn với Việt Nam, dĩ nhiên điều tối thiểu là họ phải được tiếp đón với những chuẩn mực văn minh hiện đại. Nhưng như thế chưa đủ. Những ứng xử, những sản phẩm có tính văn hóa cao ngoài việc thu hút và giữ chân du khách, tranh thủ cảm tình của họ, còn góp phần quảng bá hình ảnh Việt Nam tới những nhà đầu tư tiềm năng dù đôi khi miếng bánh lợi nhuận chưa đủ hấp dẫn...

1.1.3.3.2- Ảnh hưởng của du lịch tới văn hoá

- Về mặt tích cực:

Du lịch phát triển trước hết là thỏa mãn nhu cầu của mỗi con người nảy sinh trong đời sống KT-XH, thỏa mãn đời sống văn hóa của con người. Như vậy, du lịch là nhu cầu văn hóa của con người và nhu cầu đó không thể vượt ra ngoài đời sống văn hóa của dân tộc.

Du lịch tạo ra một sự trải nghiệm cho chính du khách, giúp họ nhìn nhận lại những giá trị quý báu của dân tộc mà biết bao thế hệ, ngay cả chính họ đã phải đánh đổi bằng xương máu của mình để tạo dựng nên. Đối với thế hệ trẻ thì du lịch là dịp để họ hiểu hơn về công lao của cha ông mình, đồng thời cũng hiểu những giá trị nhân văn, giá trị truyền thống và thiên nhiên mà họ đang được thừa hưởng. Du lịch ngày nay đã trở thành một hoạt động không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt xã hội, làm cho đời sống xã hội ngày một phong phú hơn, lý thú và bổ ích hơn. Về phương diện kinh tế, du lịch đã trở thành một ngành mũi nhọn, chiếm một tỷ trọng lớn trong thu nhập kinh tế quốc dân. Không những vậy, do đặc tính hoạt động, du lịch còn góp phần không nhỏ trong phát triển kinh tế vùng chậm phát triển, đồng thời giúp xoá đói, giảm nghèo ở những vùng sâu vùng xa. Nhưng quan trọng hơn, du lịch có vai trò to lớn trong việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống dân tộc.

Du lịch cũng tác động trở lại văn hóa thông qua việc xây dựng và cải tạo môi trường văn hóa, xã hội, làm cho môi trường này khởi sắc, tươi mới, làm cho các hoạt động văn hóa năng động và linh hoạt hơn trong cơ chế thị trường. Hoạt động du lịch góp phần khơi dậy các tiềm năng văn hóa giàu có và phong phú đang còn ẩn chứa khắp nơi trên đất nước ta, "đánh thức năng

tiên ngủ trong rừng" để cả xã hội chiêm ngưỡng, thưởng thức cái đẹp, không để cái đẹp ấy bị che phủ, mai một và lãng quên.

- Về mặt tiêu cực:

Dù du lịch có khả năng đóng góp cho việc thúc đẩy và bảo vệ các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, nhưng nếu không được kiểm soát thì nó cũng có thể tác động tiêu cực, làm xuống cấp nguồn lực rất có giá trị này.

Sự bùng nổ số lượng khách tại các điểm du lịch đe dọa việc bảo vệ các di tích lịch sử. Sự có mặt quá đông các du khách cùng một thời điểm ở một di sản tạo nên các tác động cơ học, hoá học với các yếu tố khi hậu nhiệt đới gây ra những huỷ hoại đối với các động sản phụ thuộc như các vận dụng trang trí, đồ thờ tự... cảnh quan văn hoá và môi trường sinh thái tại điểm du lịch.

Khi đi du lịch là tham gia vào các hoạt động văn hoá của địa phương, song nhiều khi xâm nhập biến thành sự xâm hại với mục đích lạm dụng. Giá trị văn hoá bị lu mờ do sự lạm dụng vì mục đích kinh tế, các hoạt động văn hoá được trình diễn thiếu chuyên nghiệp, thiếu hiểu biết về nguồn gốc, ý nghĩa của hành vi lễ hội dẫn tới làm trò cười cho khách.

Sự xâm nhập giao lưu văn hoá Đông-Tây khiến cho một bộ phận giới trẻ từ chối truyền thống và thay đổi cách sống theo một du khách. Nguyên nhân của hiện tượng này là trong hoạt động kinh doanh, người dân bản xứ lấy chuẩn của du khách làm vừa lòng họ nhằm thu hút tối đa lợi nhuận. Tư tưởng vọng ngoại, người dân bản xứ đánh giá cao lối sống của du khách và họ cho đây là biểu hiện của văn minh và giàu có. Tuy nhiên thái độ của cư dân địa phương đối với khách cũng dần thay đổi, từ chỗ hào hứng đón tiếp nồng nhiệt, quý trọng mến khách theo thời gian giảm dần và ngày càng trở nên lạnh nhạt, thay vào đó là quan hệ buôn bán. Trầm trọng hơn là họ có thể dùng thủ đoạn lừa gạt khách.

1.2- XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA DU LỊCH VĂN HOÁ

Hội nghị Bộ trưởng du lịch các nước châu Á Thái Bình Dương đã khẳng định: “Du lịch văn hóa: sự lựa chọn của các nước đang phát triển.”

Bên cạnh những loại hình du lịch như du lịch sinh thái, du lịch khám chữa bệnh, du lịch mạo hiểm, du lịch giáo dục... gần đây du lịch văn hóa được xem là loại sản phẩm đặc thù của các nước đang phát triển, thu hút nhiều khách du lịch quốc tế. Du lịch văn hóa chủ yếu dựa vào những sản phẩm văn hóa, những lễ hội truyền thống dân tộc, kể cả những phong tục tín

ngưỡng... để tạo sức hút đối với khách du lịch bản địa và từ khắp nơi trên thế giới. Đối với khách du lịch có sở thích nghiên cứu, khám phá văn hóa và phong tục tập quán bản địa, thì du lịch văn hóa là cơ hội để thỏa mãn nhu cầu của họ.

Phần lớn hoạt động du lịch văn hóa gắn liền với địa phương - nơi lưu giữ nhiều lễ hội văn hóa và cũng là nơi tồn tại đói nghèo. Khách du lịch ở các nước phát triển thường lựa chọn những lễ hội của các nước để tổ chức những chuyến du lịch nước ngoài. Bởi thế, thu hút khách du lịch tham gia du lịch văn hóa tức là tạo ra dòng chảy mới và cải thiện cuộc sống của người dân địa phương.

Ở những nước kém phát triển hoặc đang phát triển, nền tảng phát triển phần lớn không dựa vào những đầu tư lớn để tạo ra những điểm du lịch đắt tiền, mà thường dựa vào nguồn du lịch tự nhiên và sự đa dạng trong bản sắc dân tộc. Những nguồn lợi này không tạo ra giá trị lớn cho ngành du lịch, nhưng lại đóng góp đáng kể cho sự phát triển của cộng đồng xã hội. Những quốc gia phát triển mạnh du lịch văn hóa là Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Trung Quốc, và một số nước thuộc khu vực Nam Mỹ....

Định hướng phát triển bền vững của du lịch văn hóa là mở rộng các trương trình du lịch mới, đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên chuyên sâu về văn hoá dân tộc, hiểu biết các loại hình văn hoá từ đó ngăn chặn hoạt động mê tín.

1.3- KHÁI NIỆM VỀ ĐIỂM DU LỊCH, TUYẾN DU LỊCH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU XÁC ĐỊNH TUYẾN - ĐIỂM DU LỊCH

1.3.1- Khái niệm về tuyến – điểm du lịch

1.3.1.1- Điểm du lịch

Theo Luật Du lịch Việt Nam định nghĩa: “Điểm du lịch là nơi có tài nguyên du lịch hấp dẫn, có khả năng thu hút khách du lịch” [6].

Theo PGS.TS Nguyễn Minh Tuệ: “ Điểm du lịch là nơi tập trung một loại tài nguyên nào đó (tự nhiên, văn hoá - lịch sử, kinh tế - xã hội) hay một loại công trình riêng biệt phục vụ cho du lịch hoặc kết hợp cả hai trong quy mô nhỏ”[3]. Vì thế mà điểm du lịch được chia làm hai loại:

- Điểm du lịch tài nguyên
- Điểm du lịch chức năng (chữa bệnh nghỉ dưỡng...)

Điểm du lịch là nơi tổ chức phục vụ du khách, còn ở điểm tài nguyên là nơi mà ở đó có một hay nhiều nguồn tài nguyên có sức hấp dẫn với du khách song chưa được tổ chức khai thác. Điểm tài nguyên có thể trở thành điểm du lịch khi có việc tổ chức khai thác. Ngược lại điểm du lịch có thể trở thành điểm tài nguyên khi sản phẩm du lịch vào giai đoạn thoái trào.

Điểm du lịch là cấp thấp nhất trong hệ thống phân vị. Về mặt lãnh thổ, điểm du lịch có quy mô nhỏ. Trên bản đồ các vùng du lịch, người ta thể hiện điểm du lịch là những điểm riêng biệt. Với mỗi điểm du lịch, thời gian lưu lại của khách tương đối ngắn (không quá 1 đến 2 ngày) vì sự hạn chế của đối tượng du lịch. Ở các điểm du lịch cơ sở hạ tầng có thể có có thể chưa hình thành

Điểm du lịch văn hoá gồm những điểm du lịch phát trên thể loại du lịch văn hoá như:

- Trung tâm lịch sử (điểm du lịch lịch sử) là nơi có các công trình xây dựng từ xa xưa. Đó là những thành phố, đô thị hoặc làng cổ vẫn còn giữ được những nét văn hoá truyền thống như kiến trúc nhà ở, các công trình tín ngưỡng tôn giáo và phong tục tập quán lễ hội...

- Trung tâm khoa học nơi có nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, thư viện, bảo tàng...

- Trung tâm nghệ thuật là những điểm du lịch dựa trên những sinh hoạt văn hoá của địa phương có lối sống truyền thống, phong tục tập quán đặc sắc.

- Trung tâm du lịch tôn giáo là điểm gắn với hoạt động tín ngưỡng.

- Trung tâm du lịch khảo cổ là các điểm du lịch gắn với dấu vết hoạt động của người tiền sử khi chưa có chữ viết.

1.3.1.2- Tuyến du lịch là lộ trình liên kết các khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch, gắn với các tuyến giao thông đường bộ, đường sắt, đường thuỷ, đường hàng không.

1.3.1.3- Điều kiện để được công nhận là tuyến du lịch

Điều 4, Điều 25, Luật Du lịch Việt Nam quy định:

* Tuyến du lịch có đủ các điều kiện sau đây được công nhận là tuyến du lịch quốc gia:

- Nối các khu du lịch, điểm du lịch, trong đó có khu du lịch, điểm du lịch quốc gia, có tính chất liên vùng, liên tỉnh, kết nối với các cửa khẩu quốc tế;

- Có biện pháp bảo vệ cảnh quan, môi trường và cơ sở dịch vụ phục vụ khách du lịch dọc theo tuyến.

* Tuyến du lịch có đủ các điều kiện sau đây được công nhận là tuyến du lịch địa phương:

- Nối các khu du lịch, điểm du lịch trong phạm vi địa phương;

- Có biện pháp bảo vệ cảnh quan, môi trường và cơ sở dịch vụ phục vụ khách du lịch dọc theo tuyến.

Về mặt không gian lãnh thổ, tuyến du lịch có thể là tuyến nội vùng (á vùng, tiểu vùng, trung tâm) hoặc tuyến liên vùng (giữa các vùng).

Đối với cấp tỉnh có tuyến du lịch nội tỉnh và tuyến du lịch ngoại tỉnh (liên tỉnh) [6].

1.3.2- Nội dung chủ yếu của việc xác định điểm – tuyến du lịch

1.3.2.1- Tài nguyên du lịch

Theo Điều 4, Luật Du lịch của Việt Nam thì tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch.

Tài nguyên du lịch gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn đang được khai thác và chưa được khai thác.

Tài nguyên du lịch tự nhiên gồm các yếu tố địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch.

Tài nguyên du lịch nhân văn gồm truyền thống văn hóa, các yếu tố văn hóa, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử, cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, các công trình lao động sáng tạo của con người và các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể khác có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch.

Tài nguyên du lịch có thể thuộc sở hữu nhà nước hoặc sở hữu của tổ chức, cá nhân [6].

1.3.2.1.2- Vị trí địa lý

Khi xác định điểm_tuyến du lịch, vị trí địa lý là yếu tố quan trọng được xem xét đầu tiên. Đánh giá vị trí địa lý không chỉ được xác định ở hệ toạ độ, ranh giới lãnh thổ, các mối quan hệ kinh tế, mà còn phải đánh giá ý nghĩa kinh tế của vị trí đó đối với sự phát triển du lịch.

1.3.2.1.3- Tài nguyên du lịch tự nhiên

Tài nguyên du lịch tự nhiên gồm các yếu tố địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch.

a. Khí hậu

Khí hậu cũng được coi là một dạng tài nguyên du lịch. Trong các chỉ tiêu về khí hậu, đáng lưu ý nhất là hai chỉ tiêu: nhiệt độ và độ ẩm không khí. Ngoài ra còn phải tính đến các yếu tố khác như gió, áp suất khí quyển, ánh nắng mặt trời, các hiện tượng thời tiết đặc biệt.

Điều kiện khí hậu có ảnh hưởng đến việc thực hiện các chuyến du lịch

hoặc hoạt động dịch vụ du lịch. Nhìn chung, những nơi có khí hậu ôn hoà thường được du khách ưa thích. Những nơi có nhiều gió cũng không thích hợp với phát triển du lịch. Mỗi loại hình du lịch thường đòi hỏi những điều kiện khí hậu khác nhau. Chẳng hạn du khách đi nghỉ biển mùa hè thường chọn những dịp ít mưa, nắng nhiều nhưng không gắt, nước mát, gió vừa phải. Như vậy, ở mức độ nhất định cần phải chú ý đến những hiện tượng thời tiết đặc biệt làm cản trở đến kế hoạch du lịch. Đó là bão trên các vùng biển, duyên hải, hải đảo, gió mùa đông bắc, gió tây khô nóng, lốc, lũ... vẫn xảy ra ở nước ta.

Tính mùa của khí hậu ảnh hưởng rất rõ rệt đến tính mùa vụ trong du lịch. Các vùng khác nhau trên thế giới có mùa du lịch khác nhau do ảnh hưởng của các yếu tố khí hậu. Sự phụ thuộc chặt chẽ vào các điều kiện khí hậu, hoạt động du lịch có thể diễn ra quanh năm hoặc trong một vài tháng.

b. Địa hình

- Địa hình là một trong những yếu tố quan trọng góp phần tạo nên phong cảnh và sự đa dạng của phong cảnh nơi đó. Đối với du lịch, các dấu hiệu bên ngoài của địa hình càng đa dạng và đặc biệt thì càng có sức hấp dẫn du khách.

- Các đơn vị hình thái chính của địa hình là núi, đồi và đồng bằng, chúng được phân biệt bởi độ chênh cao của địa hình.

+ Địa hình đồng bằng tương đối đơn điệu về mặt ngoại hình, ít gây cảm hứng cho khách tham quan du lịch.

+ Địa hình vùng đồi thường tạo ra một không gian thoáng đãng, bao la... tác động mạnh đến tâm lý của khách ưa thích dã ngoại, rất thích hợp với loại hình du lịch cắm trại, tham quan...

- Ngoài các dạng địa hình trên, địa hình Karst và địa hình ven bờ có ý nghĩa rất lớn cho tổ chức du lịch.

c. Nguồn nước

Tài nguyên nước bao gồm nước chảy trên mặt và nước ngầm. Đối với du lịch thì nước mặt có ý nghĩa quan trọng. Nó bao gồm nước đại dương, biển, sông, hồ (tự nhiên, nhân tạo), suối phun, thác nước...

Nhằm mục đích du lịch, nước được sử dụng theo nhu cầu cá nhân, theo độ tuổi và nhu cầu quốc gia. Nói chung giới hạn về nhiệt độ của lớp nước trên mặt tối thiểu có thể chấp nhận được là 18°C đối với người lớn, trên 20°C đối với trẻ em, ngoài ra còn phải chú ý tới tần số, tính chất của sóng, độ sạch của nước...

Đối với du lịch thể thao nên đánh giá tài nguyên cá, khả năng đánh bắt cá, bảo vệ cá...

Tài nguyên nước mặt không chỉ có tác dụng hồi phục trực tiếp mà còn ảnh hưởng nhiều đến thành phần khác của môi trường sống, đặc biệt nó làm

dịu đi khí hậu ven bờ.

Hiện nay, trên thế giới đã mọc lên nhiều khu du lịch nghỉ dưỡng ven biển, ven hồ... đã thu hút một lượng lớn du khách.

Nước ngầm nhìn chung ít có giá trị đối với du lịch, tuy nhiên cần phải nói tới tài nguyên nước khoáng. Đây là nguồn tài nguyên có giá trị du lịch an dưỡng và chữa bệnh.

d. Sinh vật

Ngày nay thị hiếu về du lịch ngày càng trở nên đa dạng. Sau thời gian lao động mệt mỏi, con người cần được nghỉ ngơi để hồi phục sức khoẻ, đảm bảo khả năng lao động lâu dài... Việc đi du lịch đến các nơi có phong cảnh đẹp, thiên nhiên trong lành,... là cách nghỉ ngơi rất tốt. Bởi lẽ, con người cũng như mọi sinh vật đều được phát sinh và phát triển trong môi trường tự nhiên – nguyên thủy – một môi trường hoàn toàn trong lành và ổn định. Con người đã thích nghi với môi trường đó. Giờ đây sống trong một xã hội phát triển, có những điều kiện thuận lợi do con người tạo ra, nhưng đồng thời môi trường lại bị ô nhiễm, biến đổi bất lợi cho cuộc sống của con người.

1.3.2.1.4- Tài nguyên du lịch nhân văn

Tài nguyên du lịch nhân văn gồm truyền thống văn hóa, các yếu tố văn hóa, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử, cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, các công trình lao động sáng tạo của con người và các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể khác có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch.

a. Quan niệm

Tài nguyên du lịch nhân văn nói một cách ngắn gọn, là các đối tượng, hiện tượng do con người tạo ra trong suốt quá trình tồn tại và có giá trị phục vụ cho nhu cầu du lịch.

Tài nguyên du lịch nhân văn có các đặc điểm sau:

- Có tác dụng nhận thức nhiều hơn. Tác dụng giải trí không điển hình hoặc chỉ có ý nghĩa thứ yếu.

- Việc tìm hiểu các đối tượng nhân tạo thường diễn ra trong thời gian ngắn.

- Số người quan tâm tới tài nguyên du lịch nhân văn thường có văn hoá cao hơn, thu nhập và yêu cầu cao hơn.

- Tài nguyên du lịch nhân văn thường tập trung ở các điểm quần cư và thành phố lớn.

- Ưu thế của tài nguyên du lịch nhân văn là đại bộ phận không có tính mùa vụ (trừ các lễ hội), không bị phụ thuộc nhiều vào các điều kiện khí hậu và các điều kiện tự nhiên khác.

- Sở thích của những người tìm đến tài nguyên du lịch nhân văn rất phức tạp và rất khác nhau...

b. Phân loại tài nguyên du lịch nhân văn

Tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm: các di tích (lịch sử, văn hoá, kiến trúc, cách mạng); các lễ hội; các làng nghề; các đối tượng gắn với dân tộc học; các hoạt động văn hoá thể thao.

- *Các di tích lịch sử văn hoá:*

Luật di sản văn hoá đưa ra định nghĩa: “Di tích lịch sử văn hoá là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học.”

Theo Nguyễn Minh Tuệ: “Di tích lịch sử văn hoá là những không gian vật chất cụ thể, khách quan trong đó chứa đựng các giá trị điển hình lịch sử, do tập thể hoặc cá nhân con người hoạt động sáng tạo ra trong lịch sử để lại.”

Căn cứ Điều 4 Luật di sản văn hoá, Điều 14 Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá, các di tích được phân loại như sau:

+ Di tích lịch sử - văn hoá: Di tích lịch sử - văn hoá là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học.

+Di tích kiến trúc nghệ thuật: Di tích kiến trúc nghệ thuật là công trình kiến trúc nghệ thuật, tổng thể kiến trúc đô thị và đô thị có giá trị tiêu biểu trong các giai đoạn phát triển nghệ thuật kiến trúc của dân tộc. Quần thể các công trình kiến trúc hoặc công trình kiến trúc đơn lẻ có giá trị tiêu biểu về kiến trúc, nghệ thuật của một hoặc nhiều giai đoạn lịch sử.

Di tích khảo cổ: Di tích khảo cổ là những địa điểm khảo cổ có giá trị nổi bật đánh dấu các giai đoạn phát triển của các văn hoá khảo cổ

+Di tích thắng cảnh: Di tích thắng cảnh (danh lam thắng cảnh) là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ, khoa học.

- *Các lễ hội:*

Trong các dạng tài nguyên du lịch nhân văn, lễ hội truyền thống là tài nguyên có giá trị rất lớn.

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hoá đặc sắc phản ánh đời sống tâm linh của mỗi dân tộc. Là một hình thức sinh hoạt tập thể của nhân dân sau những ngày lao động vất vả hoặc là một dịp để mọi người hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại của đất nước, hoặc liên quan đến những sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân, hoặc chỉ đơn thuần là những hoạt động có tính chất vui chơi giải trí. Nhìn chung, các lễ hội nổi tiếng có tính hấp dẫn rất lớn đối với du khách.

Khi đánh giá các lễ hội phục vụ mục đích du lịch cần lưu ý đến các đặc điểm sau:

+ Thời gian lễ hội: nhìn chung ở Việt Nam lễ hội thường diễn ra vào mùa xuân, không phải diễn ra quanh năm mà chỉ tập trung vào thời gian ngắn (tính thời vụ của lễ hội)

+ Quy mô của lễ hội: khác nhau, có lễ hội diễn ra trong địa bàn rộng, có lễ hội chỉ gói gọn trong một địa phương nhỏ hẹp. Điều này ảnh hưởng đến hoạt động du lịch, khả năng thu hút du khách, đến việc xác định tuyến, điểm du lịch cũng như chương trình du lịch

+ Các lễ hội thường được tổ chức tại những di tích lịch sử tích lịch sử – văn hoá.

+ Một số hình thức lễ hội chính:

. Lễ hội mừng sự kiện đời sống.

. Lễ hội “phục hồi” vì chúng làm sống lại một cách ngoạn mục ký ức về quá khứ hay một nền văn hoá bị diệt vong.

. Lễ hội mô phỏng một cuộc tế lễ, nó mang khía cạnh sân khấu và có vẻ đẹp nghiêm trang.

. Lễ hội kỷ niệm tất cả các chế độ, các quốc gia đều tổ chức một cách trang nghiêm, long trọng để nhắc nhở bằng biểu tượng thích hợp một công ước hay khế ước, giữa một dân tộc, hoặc một sự kiện khai sinh ra nhà nước hiện đại.

Khách du lịch thường có nhu cầu tham gia các lễ hội này. Họ thường thấy một sự hoà đồng mãnh liệt, say mê nhập cuộc. Những hội hè như vậy gắn kết vào kết cấu của đời sống khu vực hay quốc gia và chính tại đây tình cảm cộng đồng, sự hiểu biết về dân tộc được bộc lộ mạnh mẽ.

- *Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học:*

Mỗi một dân tộc có những điều kiện sinh sống, những đặc điểm văn hoá, phong tục tập quán, hoạt động sản xuất mang những sắc thái riêng của mình và có những địa bàn cư trú nhất định. Những đặc thù của từng dân tộc có sức hấp dẫn riêng đối với khách du lịch. Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học có ý nghĩa với du lịch là các tập tục lạ về cư trú, về tổ chức xã hội, về thói quen ăn uống, sinh hoạt, kiến trúc, trang phục, ca múa nhạc... cho nên trong việc xác định tuyến_điểm du lịch đây là yếu tố quan trọng nhằm giúp du khách thực sự được quan sát để tìm kiếm bản sắc văn hoá dân tộc mình.

- Các đối tượng văn hoá – thể thao và hoạt động nhận thức khác:

Những đối tượng văn hoá như các trung tâm khoa học, các trường đại học, các thư viện lớn, bảo tàng... đều có sức hấp dẫn rất lớn du khách tới tham quan và nghiên cứu. Những hoạt động mang tính sự kiện: các giải thể thao lớn, các cuộc triển lãm thành tựu kinh tế quốc dân, các hội chợ, liên hoan phim ảnh quốc tế, ca nhạc quốc tế... cũng là đối tượng hấp dẫn.

Thông thường những đối tượng văn hoá tập trung ở các thủ đô và các thành phố lớn. Vì vậy những thành phố lớn đương nhiên trở thành những trung tâm du lịch văn hoá của các quốc gia, vùng và khu vực và là hạt nhân của các trung tâm du lịch.

Tóm lại: du lịch là một ngành có sự định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch là một trong những yếu tố cơ bản, điều kiện tiên quyết để hình thành và phát triển du lịch của một địa phương. Số lượng tài nguyên vốn có, chất lượng của chúng và mức độ kết hợp các loại tài nguyên trên cùng địa bàn có ý nghĩa đặc biệt đối với sự phát triển du lịch. Vì vậy, sức hấp dẫn du lịch của một địa phương phụ thuộc rất nhiều vào nguồn tài nguyên du lịch của địa phương đó. Đây là yếu tố có tầm quan trọng đặc biệt ảnh hưởng trực tiếp đến việc xây dựng tuyến điểm du lịch. Không có tài nguyên du lịch thì không thể hình thành tuyến điểm.

1.3.2.2- Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ du lịch

Nếu như tài nguyên du lịch là nhân tố cơ bản để tạo nên các điểm, các trung tâm, các vùng du lịch thì **Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật là những nhân tố tạo điều kiện để biến những tiềm năng của tài nguyên du lịch trở thành hiện thực.**

1.3.2.2.1- Cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng là những phương tiện vật chất của xã hội, được coi là tiền đề là đòn bẩy cho mọi sự phát triển kinh tế xã hội, trong đó có vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc hình thành và phát triển, đảm bảo việc đi lại tham quan của du khách. Bao gồm:

- *Mạng lưới giao thông vận tải:*

Mạng lưới giao thông vận tải đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội nói chung và việc phát triển du lịch nói riêng, nó là nhân tố không thể thiếu được trong hoạt động du lịch. Sự có mặt của mạng lưới giao thông vận tải và các phương tiện vận tải cho phép việc khai thác tài nguyên du lịch được thuận tiện, và nó làm cho du lịch trở thành hoạt động mang tính phổ biến. Và mỗi loại hình du lịch khác nhau sẽ có ý nghĩa khác nhau đối với hoạt động du lịch.

+ Đường bộ: cơ động, đi được mọi dạng địa hình, mọi cự ly cước phí rẻ, có thể đi theo lộ trình được vạch sẵn hoặc thay đổi lộ trình.

+ Đường sắt: cước phí rẻ, đi đúng theo lộ trình.

+ Đường thủy: giá vừa phải, kết hợp đi du lịch sông nước, trên cạn.

+ Đường hàng không: cước phí cao nhưng tiết kiệm được thời gian di chuyển, tăng thời gian nghỉ ngơi giải trí, phù hợp với những hành trình dài.

Nhìn chung mạng lưới giao thông vận tải ở Việt Nam khá đa dạng và hoàn chỉnh ở chỗ: chúng ta có đủ các loại hình cũng như phương tiện giao thông, mạng lưới đường bộ có mặt ở mọi nơi (17 vạn km), đường sắt với tổng chiều dài 3280km, đường thủy khai thác 11900km.

- *Hệ thống thông tin liên lạc:*

Trong hoạt động du lịch, thông tin liên lạc là điều kiện quan trọng để đảm bảo mối quan hệ giao lưu cho khách du lịch trong và ngoài nước, và các nhu cầu về thông tin liên lạc trong hoạt động du lịch có nhiều loại khác nhau. Ví dụ như thông tin về thời tiết, an ninh, chính trị, các luồng thông tin về văn hoá xã hội, đại chúng, các luồng thông tin liên lạc giữa người với người. Trong hoạt động du lịch đáp ứng bằng các phương tiện như: mạng internet, điện thoại, báo chí, fax... nhờ đó mà có thể nắm bắt được những thông tin cần thiết về nơi mà mình muốn đến du lịch.

- *Hệ thống cung cấp điện:* Đối với hoạt động du lịch thì hệ thống cung cấp điện rất quan trọng, bởi hoạt động du lịch sử dụng nhiều thiết bị hiện đại nên cần sử dụng nhiều năng lượng điện, và đảm bảo sinh hoạt tối thiểu của khách du lịch.

- *Hệ thống cấp thoát nước:* Để hoạt động du lịch diễn ra được thuận lợi thì tại các điểm du lịch cần phải đảm bảo vệ sinh, có hệ thống thoát nước phòng tránh nước bẩn tồn đọng do nước sinh hoạt thải ra.

1.3.2.2.2- Cơ sở vật chất kỹ thuật

Cơ sở vật chất kỹ thuật là yếu tố tạo ra và thực hiện các sản phẩm du lịch, nó có khả năng quy định mức độ khai thác tiềm năng du lịch nhằm thoả mãn nhu cầu của khách du lịch.

Cơ sở vật chất kỹ thuật bao gồm các yếu tố như: các cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành du lịch (hệ thống nhà hàng, khách sạn, phương tiện vận chuyển du lịch, các cơ sở vui chơi giải trí...) và các cơ sở vật chất kỹ thuật của một số ngành kinh tế quốc dân nhưng tham gia phục vụ du lịch như hệ

thống các cơ sở thương nghiệp, y tế, thể thao, du lịch, trạm xăng dầu, thiết bị cấp cứu, phòng rửa tráng phim, hiệu cắt tóc, hiệu giặt là...

1.3.3- Các chỉ tiêu để xác định tuyến - điểm du lịch

Việc xác định tuyến - điểm du lịch trong phạm vi lãnh thổ của một thành phố hoặc xa hơn nữa dựa trên một số chỉ tiêu nhất định. Các chỉ tiêu đó là:

1.3.3.1- Độ hấp dẫn của tài nguyên du lịch

Độ hấp dẫn của tài nguyên du lịch là yếu tố quan trọng nhất để đánh giá tài nguyên du lịch, có tính chất tổng hợp và thường xác định, đánh giá bằng vẻ đẹp phong cảnh, sự đa dạng của địa hình, sự thích hợp của khí hậu, tính đặc sắc của và độc đáo của của tài nguyên tự nhiên và nhân văn.

Độ hấp dẫn thể hiện ở số lượng và chất lượng của các tài nguyên, khả năng đáp ứng được nhiều loại hình du lịch. Đối với phạm vi cấp tỉnh, theo TS Nguyễn Thế Chinh có thể phân độ hấp dẫn thành 4 cấp:

- Rất hấp dẫn: có trên 5 phong cảnh đẹp, đa dạng, có 6 hiện tượng di tích đặc sắc, đáp ứng được trên 5 loại hình du lịch.

- Khá hấp dẫn: có 3 - 5 phong cảnh đẹp, đa dạng, có 2 hiện tượng di tích đặc sắc, đáp ứng được trên 5 loại hình du lịch.

- Trung bình hấp dẫn: có 1- 2 phong cảnh đẹp, đa dạng, có 1 hiện tượng di tích đặc sắc, đáp ứng được 1- 2 loại hình du lịch.

- Kém hấp dẫn: phong cảnh đơn điệu, đáp ứng được 1 loại hình du lịch.

1.3.3.2- Thời gian hoạt động du lịch

Thời gian hoạt động du lịch được xác định bởi số thời gian thích hợp nhất của các điều kiện khí hậu đối với sức khỏe của khách du lịch và số thời gian thuận lợi để triển khai các hoạt động du lịch.

Thời gian hoạt động du lịch quyết định tính chất thường xuyên hay mùa vụ của hoạt động du lịch và liên quan đến hoạt động trực tiếp đến phương hướng khai thác, đầu tư, kinh doanh phục vụ du lịch.

Có thể phân chia thời gian hoạt động du lịch thành 4 cấp:

- Rất dài: có trên 200 ngày trong năm có thể triển khai tốt các hoạt động du lịch và trên 180 ngày trong năm có điều kiện khí hậu thích hợp nhất đối với sức khỏe con người.

- Dài: có 120 - 150 ngày trong năm có thể triển khai tốt các hoạt động du lịch.

- Trung bình: có 100 - 120 ngày trong năm có thể triển khai tốt các hoạt động du lịch.

- Ngắn: có dưới 100 ngày trong năm có thể triển khai tốt các hoạt động du lịch.

1.3.3.3- Sức chứa khách du lịch

Sức chứa khách du lịch đối với mỗi khu vực tổng sức chứa tại mỗi điểm du lịch. Sức chứa khách du lịch phản ánh quy mô triển khai hoạt động du lịch tại điểm du lịch có ảnh hưởng tới khả năng đáp ứng nhu cầu hoạt động du lịch của khách.

Có thể xác định sức chứa theo diện tích hoặc theo tuyến du lịch cho từng thời điểm, điều này phụ thuộc vào hoạt động du lịch cụ thể tại điểm du lịch.

Có thể phân chia sức chứa khách du lịch làm 4 cấp:

- Rất lớn: có sức chứa trên 1000 người /1ngày.
- Lớn: có sức chứa trên 500 - 1000 người /1ngày.
- Trung bình: có sức chứa trên 100 - 500 người /1ngày.
- Nhỏ: có sức chứa 100 người /1ngày.

1.3.3.4- Vị trí của điểm du lịch

Vị trí của điểm du lịch có ý nghĩa quan trọng trong việc triển khai các hoạt động du lịch và thu hút khách du lịch. Các chỉ tiêu đánh giá về khoảng cách. Thời gian đi đường và phương tiện vận chuyển. Nếu tài nguyên du lịch ở vị trí thuận lợi, chất lượng đường tốt, giảm bớt thời gian và chi phí thì đương nhiên sẽ thu hút được nhiều khách du lịch hơn. Có thể nói, vị trí của điểm du lịch cũng là một trong những giá trị vô hình để thu khách, nên khi đánh giá tài nguyên cần phải được quan tâm tới.

Có thể phân chia vị trí điểm du lịch thành bốn cấp:

- *Rất thích hợp*: khoảng cách 10-200km, thời gian đi đường nhỏ hơn 3 giờ, có thể đi bằng 2-3 loại phương tiện thông dụng.
- *Thích hợp*: khoảng cách 10-200km, thời gian đi đường 3-4 giờ, có thể đi bằng 2-3 loại phương tiện thông dụng.
- *Trung bình*: khoảng cách trên 200km và dưới 500km, thời gian đi đường mất 5 giờ, có thể đi bằng 1-2 loại phương tiện thông dụng.
- *Kém thích hợp*: khoảng cách trên 500km, thời gian đi đường lớn hơn 5 giờ, có thể đi bằng 1-2 loại phương tiện thông dụng.

1.3.3.5- Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật là yếu tố đáng kể với hoạt động du lịch. Nếu như thiếu nó thì hoạt động du lịch không có điều kiện thuận lợi để tiến hành, thậm trí có khi phải đình chỉ. Nơi nào chưa xây dựng được cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật thì nơi đó dù có điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch thuận lợi đến mấy cũng chỉ tồn tại ở dạng tiềm năng.

Có thể phân chia làm 4 cấp như sau:

- *Rất tốt*: cơ sở hạ tầng - cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đồng bộ, đủ tiện nghi đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- *Tốt*: cơ sở hạ tầng - cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch tương đối đồng bộ, đạt tiêu chuẩn quốc gia.

- *Trung bình*: cơ sở hạ tầng - cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch chưa đầy đủ, chưa đủ tiện nghi đạt tiêu chuẩn quốc gia.

- *Kém*: cơ sở hạ tầng - cơ sở vật chất kỹ thuật chưa có, hoặc số đã có thì chất lượng thấp và có tính chất tạm thời.

1.3.3.6- Chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế

Đối với mỗi điểm du lịch, để xác định hiệu quả kinh tế trong tổng thể phát triển của vùng thường xuyên phải đưa ra những tiêu chuẩn đo lường về mặt kinh tế. Nhưng tiêu chuẩn đó thì nhiều, song có thể chia làm hai nhóm:

- Những tiêu chuẩn quyết định khả năng sinh lợi đối với những giá trị hiện hành hàng năm, dựa vào lợi nhuận thu được hàng năm tại nơi kinh doanh du lịch:

$$+\text{Lợi nhuận} = \text{tổng doanh thu} - \text{tổng chi phí} (\sum B_t - \sum C_t)$$

$$\text{Lợi nhuận} \quad \sum B_t - \sum C_t$$

$$+\text{Tỷ suất lợi nhuận} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Tổng chi phí}} \left(\frac{\sum B_t - \sum C_t}{\sum C_t} \right) \times 100\%$$

$$\text{Tổng chi phí} \quad \sum C_t$$

- Mặt khác, có thể căn cứ vào số lượng khách đến hàng năm tại các điểm du lịch, bao gồm tổng lượng khách trong nước và khách quốc tế.

Dựa vào 2 nhóm tiêu chuẩn trên, căn cứ vào từng đơn vị lãnh thổ du lịch cụ thể, có thể chia ra làm 4 mức độ và hiệu quả kinh tế phát triển du lịch như sau: Rất cao, cao, trung bình và thấp.

Sáu chỉ tiêu trên là căn cứ cơ bản để tính toán và xác định các điểm – tuyến du lịch trên lãnh thổ.

TIÊU KẾT CHƯƠNG I

Qua phần trình bày ở Chương I, về mặt lý luận có thể rút ra kết luận: nội dung chủ yếu của việc xác định tuyến, điểm du lịch là tài nguyên du lịch, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho du lịch. Các chỉ tiêu cụ thể để xác định tuyến, điểm du lịch là độ hấp dẫn của tài nguyên du lịch, thời gian hoạt động du lịch, sức chứa khách du lịch, vị trí, cơ sở hạ tầng – cơ sở vật chất kỹ thuật và hiệu quả kinh tế của điểm du lịch.

CHƯƠNG II

CÁC TIỀM NĂNG CHỦ YẾU ĐỂ XÂY DỰNG TUYẾN – ĐIỂM DU LỊCH VĂN HOÁ Ở HUYỆN THỦY NGUYÊN

2.1- KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HUYỆN THỦY NGUYÊN

2.1.1- Điều kiện tự nhiên

2.1.1.1- Vị trí địa lý

Huyện Thủy Nguyên là một huyện duyên hải của thành phố Hải Phòng, có diện tích khoảng 242,7km², dân số 203.870 người (số liệu năm 2005) nằm ở phía Bắc thành phố Hải Phòng. Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ninh qua các sông Bạch Đằng, Đá Bạc; phía Tây Nam giáp tỉnh Hải Dương; phía Đông và Nam giáp các quận Hải An, Ngô Quyền và Hồng Bàng qua sông Cấm. Nhìn trên bản đồ huyện Thủy Nguyên như một hòn đảo, xung quanh đều là sông bao bọc.

Huyện có 37 đơn vị hành chính bao gồm: thị trấn Núi Đèo, thị trấn Minh Đức và 35 xã là: Gia Minh, Gia Đức, Minh Tân, Trung Hà, Ngũ Lão, Hoà Bình, Thủy Đường, Thiên Hương, Hoa Động, Lâm Động, Hoàng Động, Tam Hưng, Phục Lễ, Phả Lễ, Lập Lễ, Thủy Triều, Thủy Sơn, An Lư, Tân Dương, Dương Quan, Liên Khê, Lưu Kỳ, Kỳ Sơn, Lưu Kiếm, Chính Mỹ, Quảng Thanh, Kênh Giang, Đông Sơn, Mỹ Đồng, Lại Xuân, An Sơn, Phù Ninh, Hợp Thành, Cao Nhân, Kiên Bái.

2.1.1.2- Địa hình

Vùng đất Thủy Nguyên là kết quả của sự hoạt động địa chất, địa mạo lâu dài; quá trình biển tiến, biển lùi phức tạp qua nhiều triệu năm. Địa hình nơi đây bao gồm hai hình thái trái ngược nhau; vùng đồi núi chia cắt khá mạnh và vùng đồng bằng ô trũng.

Đồi núi chiếm khoảng 12%, phân bố chủ yếu ở phía bắc Thủy Nguyên. Đồng Bằng ở Thủy Nguyên chiếm khoảng 80% diện tích tự nhiên của huyện. Khu vực này nằm ở phía Nam huyện, trải rộng trên toàn bộ diện tích các xã Hợp Thành, Cao Nhân, Mỹ Đồng, Kiên Bái, Thiên Hương, Đông Sơn, Tân Dương, Dương Quan, An Lư, Thủy Triều, Tam Hưng, Phục Lễ, Phả Lễ, Lập Lễ và chiếm phần lớn các xã Phù Linh, Kênh Giang, Thủy

Đường, Hoà Bình, Trung Hà, Ngũ Lão... Ngoài ra một số cánh đồng nhỏ hẹp còn nằm xen kẽ giữa các dải núi đồi ở khu vực phía Bắc của huyện.

2.1.1.3- Khí hậu

Nằm trong mảnh đất Hải Phòng nhưng với những đặc trưng về vị trí địa lý, địa hình riêng biệt nên khí hậu Thủy Nguyên vừa mang tính chất của khu vực nhiệt đới ẩm gió mùa vừa có những đặc trưng kiểu khí hậu của khu vực đồng bằng xen kẽ với núi đá vôi. Nhiệt độ trung bình hàng năm vào khoảng 23°- 24°C, lượng mưa trung bình hàng năm vào khoảng 1500mm – 1650mm. Khí hậu ở Thủy Nguyên chia làm 2 mùa rõ rệt: mùa Đông lạnh, mùa Hạ nóng và thường có nhiều mưa bão vào các tháng 7, 8, 9. Mùa Đông kéo dài từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau.

2.1.1.4- Thủy văn

Huyện Thủy Nguyên được bao quanh bởi sông Kinh Thầy, Thái Bình, Bạch Đằng, sông Giá, sông Hàn, sông Ruột Lợn... Nội địa vùng đất, Thủy Nguyên là hệ thống kênh mương dày đặc. Các dòng sông chính chảy qua phần đất Thủy Nguyên đều là phần hạ lưu cuối cùng của hệ thống sông Thái Bình, gồm: sông Bạch Đằng (30km), sông Kinh Thầy (27km), sông Hàn (8km), sông Ruột Lợn (5km) và sông Giá. Đặc biệt, sông Bạch Đằng là nơi ghi dấu những chiến công lừng lẫy trong lịch sử đấu tranh của dân tộc (năm 939 Ngô Quyền đánh quân Nam Hán, năm 1288 chiến thắng Nguyên – Mông).

2.1.2- Điều kiện lịch sử, kinh tế - xã hội

2.1.2.1- Lịch sử

Tên đầu tiên của huyện là Nam Triệu Giang. “Giang” có nghĩa là một đơn vị hành chính tương đương cấp huyện. Thời Hùng Vương, Thủy Nguyên thuộc bộ Dương Tuyền (Thanh Thuyền) một trong 15 bộ của nước Văn Lang xưa. Vào thời Minh đô hộ, trong sử sách tên Thủy Đường được nhắc đến nhiều lần. Thời Nguyễn, Thủy Nguyên thuộc phủ Kinh Môn, Trấn Hải Dương. Từ 31-01-1898 sát nhập vào tỉnh Phù Liễn (năm 1906 tỉnh Phù Liễn đổi tên là tỉnh Kiến An). Tháng 11 năm 1949 thuộc tỉnh Quảng Yên, đến năm 1953 thuộc khu Hồng Quảng. Năm 1956 được cắt chuyển về tỉnh Kiến An, ngay sau đó lại thuộc thành phố Hải Phòng. Khi Kiến An và Hải

Phòng sát nhập (20-10-1962), Thủy Nguyên chính thức trở thành một huyện ngoại thành thuộc thành phố Hải Phòng. Đến nay Thủy Nguyên có 35 xã và 2 thị trấn Núi Đèo, Minh Đức. Năm 1886 kiêng tên húy vua Đồng Khánh (Ứng Đường) nên Thủy Đường đổi tên là Thủy Nguyên và được duy trì đến ngày nay [5].

Trong suốt chiều dài lịch sử, Thủy Nguyên luôn là địa bàn chiến lược, nơi đầu sóng ngọn gió, đồng thời cũng là địa thế hiểm yếu, phải đương đầu với muôn vàn biến động của lịch sử. Đặc điểm đó tạo nên bản sắc đáng trân trọng của con người Thủy Nguyên: cần cù, sáng tạo trong lao động; dũng cảm trong đấu tranh dựng nước và giữ nước. Mảnh đất này không ít lần chứng kiến và góp phần lập nên nhiều chiến công hiển hách, chôn vùi ý đồ xâm lăng của nhiều đạo quân xâm lược. Tiêu biểu là các trận quyết chiến tiêu diệt quân Nam Hán (năm 938), quân Nguyên Mông (năm 1288). Cũng trên mảnh đất này đã sản sinh biết bao người con ưu tú cống hiến cho sự nghiệp dựng nước mà tên tuổi họ còn sống mãi với truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc Việt Nam như Vũ Hồng, Vũ Thị Lê Hoa, Trần Độ, Trần Cao, Lê Na... [1].

2.1.2.2- Dân cư

Thủy Nguyên nằm trên hành lang phía Bắc thành phố Hải Phòng, nằm trên trục giao thông chính nối liền hai thành phố công nghiệp Hải Phòng và Quảng Ninh. Nguyễn Trãi đã từng ví đây là “phiên dậu lớn nhất phía Đông” vùng đất này được hình thành từ rất sớm, dân cư sống ở vùng đất này có mặt từ xa xưa. Những di chỉ khảo cổ học tìm thấy mộ cổ Việt Khê (Phù Ninh) được khai quật vào năm 1962 có niên đại khoảng 2000 năm.

Theo các kết quả nghiên cứu khảo cổ học ở di chỉ Tràng Kênh (thuộc văn hoá Phùng Nguyên), di chỉ Việt Khê (thuộc văn hoá Đông Sơn) từ rất sớm con người đã có mặt ở Thủy Nguyên. Khi ấy họ cư trú trên các sườn đồi, chân núi rồi xuống đồng bằng ven biển, cùng nhau chinh phục tự nhiên,

khai khẩn đất đai, xây dựng nên xóm làng trù phú, chống lại thiên tai, giặc giá xâm lấn.

Nét nổi bật của cư dân Thủy Nguyên là đa thành phần, đa dòng họ. Theo bia ký, ngọc phả của các làng còn được lưu giữ, dân cư thuộc khu vực xã Phù Ninh, Thủy Đường, Minh Đức thuộc vào lớp đã có mặt ở Thủy Nguyên từ cổ xưa. Cư dân các xã còn lại đều là có nguồn gốc từ các vùng khác. Họ di cư đến Thủy Nguyên quai đê, lập ấp, thành lập thôn trại cách đây chưa lâu lắm.

Chính vì có nguồn gốc khác nhau nên cư dân ở mỗi xã có một giọng nói riêng. Thậm chí hai làng sát nhau, chỉ cách nhau một con đường mà phong cách, nếp sống, lời ăn tiếng nói của dân cư ở đó cũng khác nhau. Dân ở xã An Lư, Trung Hà, Thủy Triều khi nói không có sự phân biệt giữa thanh (?) và thanh (~). Dân ở xã Phả Lễ, Lập Lễ thường nhấn mạnh ngữ điệu vào âm cuối tạo giọng ngân nga, kéo dài trong khi nói.

Thiên nhiên đã ban tặng cho Thủy Nguyên, khung cảnh non xanh, nước biếc, sông ngòi uốn khúc, đồi núi trập trùng có đồng nội làng mạc trù phú, khí hậu biển quanh năm mát mẻ... Vì thế con người sông ở nơi đây có điều kiện rất tốt phát triển cả thể lực và trí lực. Từ ngàn xưa Thủy Nguyên đã là vùng quê giàu có, và là vùng đất nổi tiếng có nhiều trai tài gái sắc, thông minh lịch lãm. Sách Đại Nam nhất thống chí có ghi chép về Thủy Nguyên đã từng coi nơi đây là vùng đất quân yếu của bờ cõi mặt biển. Bởi trong lịch sử dân tộc, những lần giặc phương Bắc xâm lược nước ta, chúng thường đi bằng hai con đường: một là đường bộ qua Lạng Sơn, hai là đường thủy men theo ven biển đến Hạ Long, theo sông Bạch Đằng rồi tới sông Lục Đầu để tiến sâu vào nội địa.

2.2.3- MỘT SỐ NÉT VỀ KINH TẾ - VĂN HOÁ - XÃ HỘI

Thủy Nguyên như một hòn đảo nằm trong vòng ôm của những dòng sông, ở phía Tây Bắc là sông Hàn nối với sông Đá Bạc, sông Bạch Đằng kéo dài suốt phía Bắc tới phía Đông huyện, phía Tây là sông Hàn nối liền với sông Văn Dương và sông Cẩm ngăn cách huyện Thủy Nguyên với các vùng xung quanh. Nằm ngang huyện là hồ sông giá thơ mộng, bốn mùa nước trong xanh với trữ lượng nước lớn chạy dài từ Đông sang Tây Bắc, nằm giữa hai dãy đồi đất sa diệp thạch kì thú.

Tận dụng tối đa các thế mạnh của một vùng đất giàu tiềm năng kinh tế, đa dạng về ngành nghề, Thủy Nguyên đã nắm bắt thời cơ, khai thác tối đa

những tiềm năng sẵn có. Trên cơ sở đó, nhanh chóng xác định các ngành kinh tế mũi nhọn để đầu tư phát triển, tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn. Trong giai đoạn 1998 - 2002, tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm từ 58% xuống 47,9%; công nghiệp - xây dựng tăng từ 11,9% lên 26,4%; ngành dịch vụ cũng được điều chỉnh hợp lý hơn. Nhờ đó, năm 2002, tổng giá trị các ngành sản xuất và dịch vụ đạt 688,7 tỷ đồng, tăng 16,5% so với năm 2001, trong đó ngành nông nghiệp tăng 5,1%, ngành công nghiệp - xây dựng tăng 26,4%, ngành dịch vụ tăng 22,8%.

Những năm gần đây, Thủy Nguyên nhận nhiệm vụ đại công trường xây dựng với 3 khu công nghiệp Minh Đức- Bến Rừng, Nam Cầu Kiền; Lưu Kiếm- Gia Minh và hàng trăm dự án ngoài các khu công nghiệp này. KCN Minh Đức - Bến Rừng có 14 dự án thuộc lĩnh vực đóng mới, sửa chữa tàu biển, nhiệt điện, dự án hạ tầng giao thông, công trình phúc lợi và nhà ở. KCN Nam cầu Kiền có 6 dự án lớn như xây dựng KCN VINASHIN-SHINEC, đóng tàu Sông Cấm, Thành Long, VINASHIN An Dương, sửa chữa phương tiện giao thông đường bộ do Công ty TNHH Thương mại-Vận tải Hoàng Hải làm chủ đầu tư. KCN Lưu Kiếm-Gia Minh có 6 dự án đầu tư gồm: tổ hợp resort tại Lưu Kiếm, Chính Mỹ và, Liên Khê, Nhà máy sản xuất công nghiệp nặng FeLix, xi- măng Liên Khê, sản xuất vôi, xăng dầu khu vực 3 và đóng tàu Nam Sơn. Các dự án mang lại hiệu quả thiết thực, đóng góp lớn cho ngân sách và thúc đẩy tăng trưởng GDP trên địa bàn, tạo việc làm cho số lượng lớn lao động, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế Thủy Nguyên theo hướng công nghiệp-xây dựng chiếm chủ yếu (42,1%); dịch vụ 28,9%; nông nghiệp- thủy sản 29%. Năm 2008, tổng giá trị sản xuất các ngành của Thủy Nguyên đạt hơn 2100 tỷ đồng tăng 16,9% so với năm 2007, tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp thủy sản, công nghiệp xây dựng, dịch vụ đạt khá. GDP đạt 980 tỷ đồng, tăng 16,6% so với năm 2007.

Hiện trên địa bàn Thủy Nguyên có 39 dự án đã và đang triển khai, trong đó có 30 dự án mới với tổng diện tích đất thu hồi 964,6 ha, khoản tiền bồi thường cho hơn 10 nghìn hộ dân lên tới 1323 tỷ đồng. 32 dự án có quyết định thu hồi đất của UBND thành phố với 599 ha, 7611 hộ dân liên quan phải di dời, trong đó có 317 hộ cần tái định cư và bố trí giãn dân.

Năm 2009, mặc dù chịu tác động nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu, nhưng nhờ sự nỗ lực và quyết tâm cao của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện, tình hình kinh tế - xã hội của Thủy Nguyên vẫn tiếp tục ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực: nông nghiệp - thủy sản 26%, công nghiệp - xây dựng 43,7%, dịch vụ 30,3%. Tổng giá trị sản xuất đạt 2.443,8 tỷ đồng, tăng 15,9%; tổng thu ngân sách đạt 194 tỷ đồng, tăng 42%; huy động đầu tư toàn xã hội đạt 710 tỷ đồng, tăng 18,3% so với năm 2008.

Tín hiệu đáng mừng là: dịch vụ thương mại tăng 23,2%, dịch vụ vận tải tăng 20,5%, dịch vụ khác tăng 16,6%; quy hoạch các điểm dịch vụ thương mại và hệ thống ga rác ở các xã, thị trấn cũng như quy hoạch phát triển hệ thống lưới điện đến năm 2020, các cụm công nghiệp ven sông Kinh Thầy, sông Đá Bạc, khu xử lý chất thải Gia Minh đã cơ bản hoàn thành. Lúc này ở Thủy Nguyên, tỷ lệ hộ dân dùng nước hợp vệ sinh đạt 85%, số trường học đạt chuẩn quốc gia là 47 (riêng năm 2009 xây dựng được 5 trường), tỷ lệ hộ nghèo còn 4,51%.

Năm 2010, huyện đề ra các nhóm giải pháp tập trung tháo gỡ khó khăn để phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội; giữ vững quốc phòng – an ninh, xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh nhằm thực hiện tốt 9 chỉ tiêu kinh tế - xã hội. Trong đó, phân đấu tổng giá trị sản xuất các ngành 2.851 tỷ; tốc độ tăng trưởng kinh tế 16,6%; 91% hộ dân được dùng nước sạch... (*Báo an ninh Hải Phòng 15/06/2010*).

Bên cạnh đó, phát huy lợi thế của vùng ven đô giáp hải cảng, Thủy Nguyên có điều kiện phát triển du lịch, thương mại và dịch vụ với nhiều thắng cảnh đẹp như: hồ Sông Giá, hang Lương, hang Vua, khu vực núi Tràng Kênh... và nhiều công trình kiến trúc độc đáo, đền thờ, miếu mạo đã được Nhà nước công nhận và xếp hạng cùng với những lễ hội truyền thống độc đáo, đậm đà bản sắc dân tộc.

Về mặt văn hoá - xã hội, cư dân Thủy Nguyên đã sinh sống trên mảnh đất này ngay từ buổi đầu dựng nước. Trải qua các biến động, thăng trầm lịch sử, dựa vào tự nhiên để sinh tồn, cộng đồng dân cư ở đây đã sáng tạo, củng cố và hoàn thiện được những đặc trưng văn hoá của riêng mình. Phong tục tập quán, tín ngưỡng và hệ thống lễ hội của họ đã hình thành, tồn tại và phát triển qua hàng nghìn năm. Ngày nay, nó vẫn được duy trì củng cố và hoàn thiện trong hoàn cảnh mới.

Nét đặc trưng về phong tục, tập quán trong lao động sản xuất ở Thủy Nguyên có: Lễ Hạ điền (xuống đồng) để mở đầu một chu kỳ sản xuất mới hàng năm. Lễ hội này được tổ chức nhằm cầu mong cho mùa màng bội thu. Thời gian tổ chức thường vào một ngày cuối tháng 5 hoặc đầu tháng 6 (âm lịch). Đáng chú ý là tục tế thần nông cầu mong mưa thuận, gió hoà cho lúa và hoa màu tươi tốt, được mùa, ấm no. Đến nay các lễ hội này đã mai một. Gần như mỗi làng ở Thủy Nguyên đều có một lễ hội riêng. Đó thường là lễ hội cúng Thành Hoàng, người có công với dân với nước hoặc hội đình, hội đền, hội chùa. Các lễ hội tiêu biểu ở Thủy Nguyên phải kể đến: lễ hội Trần Quốc Bảo ở Minh Đức (6/ Giêng), lễ hội cúng Thành Hoàng làng ở đình Kiền Bái (10/10 âm lịch), lễ hội chùa ở Lâm Động (17/ Giêng), hội chùa Mỹ Cự xuất xứ từ ngày giỗ Sư tổ mừng 6 tháng Giêng thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia... nhằm giúp cho việc tổ chức lễ hội được tốt đẹp, suôn sẻ. Hàng năm các làng thường có tục làm “cai đám”. Các giáp trong làng mỗi năm cử một người thay mặt giúp mình để đăng cai việc tổ chức đình đám. Người “cai đám” này được chia cấy ruộng hậu của làng để lo việc.

Cũng như bao làng quê khác, tục thờ cúng tổ tiên là nghiã cử cao đẹp được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác trong các gia đình, dòng họ ở địa phương. Trong các làng xã đều thờ Thành Hoàng làng là những anh hùng có công với đất nước, làng xã, là người sáng lập làng hoặc ông tổ nghề. Ở Thủy Nguyên đó là các anh hùng dân tộc: Cao Sơn, Quý Minh, Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Trần Quốc Bảo ...hoặc sáng lập ra quê mình như: ông Vũ Đại, ông Lũì... được nhân dân tôn thờ. Ở Thủy Nguyên, hai tôn giáo có nhiều tín đồ, ảnh hưởng sâu rộng trong tư tưởng tín ngưỡng nhân dân trong huyện là: Phật giáo, Thiên Chúa giáo. Phật giáo được truyền vào Thủy Nguyên từ đầu công nguyên nhưng qua nhiều năm thăng trầm, tới thế kỷ X mới phát triển, đến thế kỷ XVII thì hệ thống truyền tam pháp của thiên gia được thành lập.

Theo thống kê chưa đầy đủ ở Thủy Nguyên có khoảng 130 di tích lịch sử văn hóa, phân bố khá đều ở các làng xã với mật độ trung bình 1 di tích/1km². Do vậy Thủy Nguyên là một trong những huyện có mật độ di tích lịch sử văn hóa cao nhất cả nước. Trong đó đã có 18 di tích được xếp hạng

quốc gia và 23 di tích được xếp hạng thành phố (Phụ lục 3) cũng thuộc mật độ cao nhất trong cả nước. Hiện nay, Thủy Nguyên là huyện có nhiều chùa nhất ở Hải Phòng, trong đó có 4 chùa vừa là chốn tổ đình vừa là danh thắng. Tiêu biểu là chùa Thường Sơn (Hàm Long tự), được xây dựng năm Chính Hoà hai mươi ba (1702) thời Lê Hy Tông thuộc phái Trúc Lâm; chùa Mỹ Cự (Linh Sơn tự) được xây dựng vào thời Tiền Lê, hiện chùa còn lưu giữ 6 bộ kinh quý của Nhà Phật.

Tính đa dạng của tự nhiên ở Thủy Nguyên là tiền đề quan trọng tạo cho con người nơi đây cởi mở, phóng khoáng, thẳng thắn. Đồng thời cũng tạo điều kiện phát triển các hình thức hoạt động kinh tế với nhiều ngành nghề khác nhau. Trên cơ sở cuộc sống lao động đó cư dân huyện Thủy Nguyên tạo dựng được bản sắc văn hoá riêng.

2.2- MỘT SỐ DI SẢN VĂN HOÁ TIÊU BIỂU CỦA HUYỆN THỦY NGUYÊN CÓ THỂ ĐƯA VÀO KHAI THÁC PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

2.2.1- Các di tích lịch sử văn hoá

2.2.1.1- Cụm di tích Bạch Đằng lịch sử

Dân tộc Việt Nam trong lịch sử đã trải qua bao thế hệ chống xâm lăng, đã tạo cho mình một truyền thống chiến đấu bền bỉ và kiên cường. Trải qua những năm dài chiến đấu đó biết bao địa danh đã thành tên chiến thắng: sông Như Nguyệt gắn với chiến công vang dội của Lý Thường Kiệt; ải Chi Lăng - của Lê Lợi; Đống Đa, Rạch Rào - của Nguyễn Huệ, Điện Biên Phủ mang tính chất quyết định trong chiến tranh Đông Dương... Nhưng không ở một vùng đất nào những chiến công kỳ hoành tráng lại xảy ra liên tiếp tại một nơi như sông Bạch Đằng lịch sử.

Sông Bạch Đằng, còn gọi là Bạch Đằng Giang (chữ Hán: 白藤江), là một con sông dài 32 km, nằm trong hệ thống sông Thái Bình, chảy qua rìa đông huyện Thủy Nguyên. Điểm đầu đối diện với thôn Bạch Đằng, xã Gia Đức, Thủy Nguyên. Điểm cuối là cửa Nam Triệu, một bên là đảo Đình Vũ, một bên là đảo Cát Hải, Hải Phòng. Đây là con đường thủy tốt nhất để đi từ miền nam Trung Quốc vào Hà Nội (Thăng Long ngày xưa).

Chính tại nơi đây, tổ tiên người Việt đã lập nên những chiến công hiển hách và cũng bằng cách đóng cọc ngăn sông chống quân xâm lược, đó là trận Ngô Quyền chống quân Nam Hán năm 938, trận Lê Hoàn chống quân Tống năm 981, và oanh liệt nhất là trận Trần Hưng Đạo chống quân Nguyên

năm 1288. Xưa kia sông Bạch Đằng là con đường thủy tốt nhất để đi vào Thăng Long từ miền nam Trung Quốc, từ cửa sông Nam Triệu các chiến thuyền đi vào sông Kinh Thầy, sông Đuống và cuối cùng là sông Hồng đoạn chảy qua Hà Nội.

Theo sử sách xưa kia sông có tên gọi là Vân Cừ, nhưng trong dân gian nó lại mang một cái tên mộc mạc: sông Rừng. Người dân bảo rằng do ngày xưa hai bên bờ có rất nhiều cây cỏ thụ và thường có sóng bạc đầu nên còn có tên gọi là Bạch Đằng giang. Sông Bạch Đằng xưa kia còn là một dòng sông rộng mà câu ca dao truyền lưu ở Thủy Nguyên đã mô tả:

Nhất cao là núi U Bò

Nhất lớn chợ Giá, nhất to sông Rừng.

Đi vào các làng ven sông Bạch Đằng, du khách sẽ được nghe các sự tích thành hoàng, hay thấy bản sắc phong ở đình miếu do vua chúa các triều đại ban cho các vị danh tướng, công thần trong đó nhiều nhất là đời Trần. Họ được nhân dân ghi công và lập đền thờ: đình và đền thờ Ngô Quyền, đền thờ Trần Hưng Đạo, đền thờ bà cụ bán nước có công giúp Trần Hưng Đạo đánh giặc... Ở bãi sông Chanh dưới chân núi Tràng Kênh còn tìm thấy nhiều cọc gỗ lim đầu vạt nhọn, cao đến ba, bốn mét, hiện được trưng bày ở Viện bảo tàng lịch sử Việt Nam.

2.2.1.2- Đền thờ Trần Quốc Bảo

Trần Quốc Bảo là cháu vua Trần. Khi quân Nguyên sang xâm lược nước ta lần thứ ba (1287), Trần Quốc Bảo được giao nhiệm vụ trấn thủ miền ven biển. Ông đã đóng quân ở vùng Áng Hồ, Áng Lác trong dãy núi đá Tràng Kênh.

Vào khoảng tháng 2-1288, tướng giặc Nguyên là Ô-mã-nhi, chờ mãi không thấy thuyền lương của Trương Văn Hổ tới, đã kéo quân đến An Bang (Quảng Ninh ngày nay) vừa để đón Văn Hổ, vừa đi cướp bóc lấy lương thực ăn. Quân Nguyên bị quân ta chặn đánh. Trần Quốc Bảo đã đưa quân sang chiến đấu ở vùng này để giúp sức cho Trần Khánh Dư. Trong một trận giáp chiến quyết liệt giữa quân ta và quân Nguyên, tướng Trần Quốc Bảo bị trọng thương. Quân lính đưa ông về khu vực Áng Hồ phía sau. Mặc dù được sự chăm sóc tận tình nhưng vết thương quá nặng, Trần Quốc Bảo đã qua đời.

Khi ông mất, nhân dân và quân lính đưa ông đến nơi an nghỉ cuối cùng ở chân núi Phụng Hoàng. Ngày nay mộ Trần Quốc Bảo hãy còn. Nhân dân còn xây đền thờ ông ngay dưới chân núi Hoàng Tôn thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên.

Đền thờ Trần Quốc Bảo là công trình tưởng niệm về vị tướng của vương triều Trần (1225-1400) có công trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông của dân tộc ta ở thế kỷ XIII. Di tích nằm ở phía

nam chân núi Hoàng Tôn, thôn Tràng Kênh, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Căn cứ vào các nguồn tư liệu như bản ngọc phả, văn bia, sắc phong của đền và chính sử nước ta thì thấy Trần Quốc Bảo là con trai của một vị Hoàng tộc trong vương triều Trần, cháu gọi vua Trần Nhân Tông (1279-1293) bằng ông. Trong trận chiến thắng Bạch Đằng năm 1288, Trần Quốc Bảo đã anh dũng hi sinh, góp phần quan trọng vào thắng lợi vĩ đại của quân và dân nhà Trần. Vì vậy sau khi ông mất, triều đình nhà Trần đã truyền cho nhân dân địa phương vùng Tràng Kênh (nơi ông đóng quân và hy sinh) lập miếu thờ và truy phong làm Thái Tử. Các triều đại phong kiến tiếp theo đều thừa nhận công lao của Trần Quốc Bảo và suy tôn là “Thượng đẳng phúc thần”, phong sắc Thành hoàng làng Tràng Kênh.

Kiến trúc đền thờ Trần Quốc Bảo tiêu biểu cho mô hình của một trung tâm sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng, gồm có hai phần. Phần trong còn gọi là hậu cung (hay nội điện), nơi thờ tự đức thánh Trần Quốc Bảo. Phần ngoài còn gọi là tiền đường (hay đại bái) có kiến trúc độc đáo gồm 2 tầng, 8 mái đao cong, đắp mô tít “rồng châu, phượng múa”, xung quanh bái đường không xây tường, làm cửa nhà mà để ngỏ 4 mặt, tạo ra sự thông thoáng, mát mẻ. Chính giữa là 'Trung đình', nơi đặt hương án, đồ thờ. Hai bên tả hữu của đại bái là nơi hội họp của các quan viên làng xã xưa kia.

Đền Trần Quốc Bảo đã phải trải qua rất nhiều lần tu sửa do đổ nát, xuống cấp, vết tích vật chất thể hiện ở kiến trúc, đồ thờ...có niên đại sớm ở thời kỳ Trần Lê hầu như không còn. Lần tu sửa mới đây (1994) chỉ giữ lại được các cột vì xà trong hậu cung mang phong cách nghệ thuật thời Nguyễn (thế kỷ XIX). Nhưng nét độc đáo của quần thể kiến trúc chữ 'nhị' rất tiêu biểu thường thấy ở các di tích thuộc huyện Thủy Nguyên (như miếu Thủy Tú, đình Trung, đình Thượng ở Thủy Đường, đền Đông Môn ở Hoà Bình). Toà đại bái thường có một khoảng cách với toà hậu cung, không có toà “ống muống”, nhưng mô tít kiến trúc toà đại bái với kiểu 2 tầng, 8 mái thì chỉ thấy có ở đền Trần Quốc Bảo Tràng Kênh mà thôi.

Lễ hội đền Trần Quốc Bảo (hay lễ hội Tràng Kênh) bắt đầu vào mùng 6 tháng giêng âm lịch và kéo dài sau đó khoảng 5 ngày. Đây là một lễ hội có qui mô lớn nhất ở huyện Thủy Nguyên được duy trì và tổ chức đều đặn hàng

năm, có sức lôi cuốn sự tham gia đông đảo của cả một vùng cư dân rộng lớn (Hải Phòng - Quảng Ninh). Từ một di tích để khói hương tôn thờ, tưởng niệm đến một không khí hội hè với nhiều trò, cảnh. Lễ hội ở đây đã kết tinh tình cảm cao quý đối với một vị tướng của vương triều Trần với lễ hội. Đó cũng là nét bản sắc của lễ hội dân gian truyền thống tiêu biểu mang sắc thái của một làng cư dân ven biển Hải Phòng.

Tràng Kênh đã đi vào lịch sử dân tộc như một địa bàn quan trọng của chiến thắng Bạch Đằng vĩ đại. Đền thờ Trần Quốc Bảo vị danh tướng của vương triều Trần đứng sừng sững trông ra cửa sông Bạch Đằng Nam Triều như một tượng đài kỷ niệm, nhắc nhở chúng ta về những chiến công oanh liệt chống giặc ngoại xâm [8].

2.2.1.3- Cụm di tích Liên Khê

Liên Khê là một xã ở phía đông bắc huyện Thủy Nguyên. Nơi đây là một danh thắng, một khu di tích lịch sử trong phòng tuyến Trúc Động Tràng Kênh - Bạch Đằng của quân đội nhà Trần hồi thế kỷ XIII. Cách Hải Phòng chưa đầy 30 km, giao thông thuận tiện, Liên Khê là một trong những nơi thu hút du khách tới thăm quan.

Trong vùng còn lưu truyền nhiều câu chuyện, huyền tích lịch sử đầy thú vị về thuở trước cách đây hơn 700 năm, kể từ khi Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn lấy Trúc Động (tên cũ của Liên Khê) làm căn cứ để tiến ra cửa sông Bạch Đằng, sông Chanh tiêu diệt và bắt sống đạo thủy binh của đế quốc Nguyên Mông, viết lên một trang sử hào hùng của dân tộc.

Liên Khê xưa kia thuộc tổng Trúc Động, huyện Thủy Đường, phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương. Liên Khê là vùng đất có lịch sử lâu đời, nằm trên mạch núi già của vòng cung Đông Triều. Con người đến sinh cơ lập nghiệp tại mảnh đất này từ rất sớm. Những hiện vật khảo cổ học tìm thấy dưới lòng đất Liên Khê gồm đồ gốm và đồ đá mách bảo về một nền văn minh cách đây trên 2000 năm. Thư tịch cổ cho thấy vào những năm tháng đầu công nguyên, nhân dân Liên Khê dưới sự lãnh đạo của ba anh em họ Trương, người trang Thiểm Khê đã kéo về Mê Linh (Vĩnh Phúc) theo Hai Bà Trưng đánh đuổi quân Đông Hán.

Ba mặt của Liên Khê được bao bọc bởi sông Đá Bạc, sông Giá (tên cổ là Đô Lý), phía đông bắc có tám dãy núi đá vôi cao nằm sát sông Đá Bạc, tạo thành tám bình phong thiên nhiên kỳ vĩ. Mươi quả núi sa diệp thạch liên

nhau chạy dọc theo chiều dài của xã là chỗ dựa cho các ngôi nhà và vườn đồi bậc thang qui tụ thành những xóm thôn trù mật. Lịch sử đã đi qua mảnh đất này và để lại những nét son oanh liệt.

Không những đẹp về cảnh, có lịch sử lâu đời, Liên Khê còn có vị trí chiến lược quan trọng. Các triều đại nhà Trần, nhà Mạc, nhà Nguyễn và thời thuộc Pháp đều nhận thấy điều đó và đặt đồn lũy ở đây.

- Đền Thụ Khê

Lịch sử kể rằng, trước nguy cơ bị quân dân Đại Việt tiêu diệt, Thoát Hoan viên tướng cầm đầu đạo quân viễn chinh Nguyên Mông phải tìm cách rút quân về nước. Quân Nguyên Mông chia làm hai đạo rút binh, cánh quân bộ do Thoát Hoan trực tiếp chỉ huy chạy theo đường Lạng Sơn, cánh quân thủy do Ô Mã Nhi cầm đầu tháo lui theo đường cửa sông Bạch Đằng. Do vị trí hiểm yếu nên Liên Khê được chọn là trận địa chốt giữ, đánh chặn không cho thuyền giặc lọt vào sông Giá. Tương truyền trận đánh này trực tiếp do Trần Quốc Tuấn chỉ huy. Ngày mùng 7 tháng 3 âm lịch (tức ngày 8-4-1288), đoàn chiến thuyền của Ô Mã Nhi sau nhiều ngày đánh nhau liên tục với phục binh ta trên nhiều tuyến đường, mệt mỏi rẽ vào sông Giá để ra sông Bạch Đằng liền bị quân ta chặn đánh kịch liệt, buộc phải quay thuyền tháo lui theo đường sông Đá Bạc.

Để ghi lại chiến thắng Trúc Động (tên cũ của Liên Khê) và nhớ ơn vị anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo, người trực tiếp chỉ huy trận Trúc Động - Bạch Đằng, nhân dân địa phương đã xây một ngôi đền thờ ông trên nền đại bản doanh xưa. Đó là đền Thụ Khê (còn gọi là Từ Thụ). Cạnh đền thờ Trần Quốc Tuấn có ngọn núi Từ Thụ cao vút là nơi quốc công truyền lại cho dân làng thanh gươm báu và kế sách chống giặc.

Đền Thụ Khê trước đây là một công trình lớn, kiến trúc theo kiểu 'Nội công, ngoại quốc', gồm toà bái đường, cung chữ 'đình' và hai dãy dải vũ. Thời gian và chiến tranh đã làm cho ngôi đền không còn nguyên vẹn như xưa, nhưng hiện tại đền Thụ Khê vẫn còn những hiện vật quý như: cỗ ngai và bài vị thờ đức thánh Trần Hưng Đạo trong tư thế thiết triều; ngai thờ, bài vị cùng duệ hiệu tướng quân Phạm Ngũ Lão (con rể đức thánh Trần Hưng Đạo) và một số hiện vật khác còn lại trong di tích mang niên đại nghệ thuật Nguyễn đầu thế kỷ XX.

- Chùa Thiểm Khê

Đôi diện với bên kia đền Thụ Khê qua dãy núi chạy dài là một thung lũng hiểm yếu, nơi Hưng Đạo luyện quân sĩ, người xưa đã dựng chùa Thiêm Khê ghi dấu. Chùa Thiêm Khê có tên chữ là Hoa Linh Tự, được xem như đài tưởng niệm về chiến thắng Trục Động. Chùa được dựng trên sườn cao của một thung lũng, lưng dựa vào núi Thiêm, bên phải có núi chùa Hang, bên trái là núi Mẫu Ba. Dưới con mắt phong thủy, chùa Thiêm Khê tọa lạc trên khu đất mang thể ỷ ngại, hai bên có tay long, tay hổ.

Về kiến trúc, chùa Thiêm Khê do bị giặc phá hoại hồi kháng chiến chống Pháp, nên hầu hết những công trình hiện tại tuổi đời còn rất non trẻ. Nhưng trong chùa còn bảo lưu nhiều pho tượng quý, có giá trị nghệ thuật cao, được xếp vào loại tượng gỗ cổ nhất còn lại ở nước ta như: bộ Tam Thế, bộ Di Đà Tam Tôn, Quan Âm Chuẩn Đề, hai pho Bồ Đề Đạt Ma, tượng Bồ Tát, Ngọc Hoàng và Nam Tào, Bắc Đẩu, Thích Ca sơ sinh và tượng Đức Ông, Thánh Tăng. Đáng chú ý nhất là chùa Thiêm Khê còn bảo tồn được pho tượng Quan Âm thiên phủ thiên nhân đại thế kỷ XVI rất đẹp, là một trong những pho tượng gỗ có niên đại sớm nhất được tìm thấy ở nước ta.

- Chùa Mai Động

Đến cụm di tích Liên Khê, người ta không thể bỏ qua ngôi chùa Mai Động - một công trình lưu niệm về chiến thắng Bạch Đằng (1288) chống đế quốc Nguyên Mông của dân tộc. Tương truyền, chùa Mai Động được xây dựng trên mảnh đất đã từng là kho quân lương tiền phương của quân đội nhà Trần.

Chùa Mai Động tên chữ là Lễ Sơn Tự - một công trình kiến trúc có qui mô vừa phải và vẫn giữ được dáng dấp của nghệ thuật dân tộc cổ truyền. Chùa nằm trên sườn của dãy núi yên ngựa thấp. Khuôn viên chùa dốc theo độ thoải của sườn đồi khoảng 15 độ. Chùa quay hướng đông nam, trước chùa còn bảo lưu được 4 ngôi tháp mộ trong số hơn hai chục tháp sư của chùa.

Kiến trúc chùa có bố cục hình chữ “đình” quen thuộc gồm 3 gian tiền đường và 3 gian hậu cung. Trong chùa có nhiều di vật quý hiếm: đó là hệ thống tượng tháp; toà tam bảo được bày trọn trong toà hậu cung trên hệ thống bệ thờ xây bằng gạch chắc khoẻ, cân đối. Chùa Mai Động còn lưu giữ một số bia đá, Thạch thiên đài, những thư tịch cổ văn của thế kỷ XVII, XVIII. Thạch thiên đài trụ dựng ở sân chùa là một cột đá hình chữ nhật

vuông (cao 1,65m, rộng 22cm). Đỉnh cột tạo dáng búp sen tròn trên một đầu vuông thắt đáy (cạnh trên 38cm, cạnh dưới 30cm và chiều cao 16cm). Mặt trên đầu sen trang trí hình cánh sen đẹp, mỗi cạnh ba cánh. Trụ đá, hai đầu tạo đầu vuông. Đầu phía trên, mặt trước, mặt sau chạm nổi rồng và phượng đối nhau, hai bên mặt chạm cánh sen cách điệu. Đầu vuông chân cột mặt trước chạm nổi hình thú vờn chân, mặt sau chạm 3 con cá chụm đầu vào nhau tạo thành bông hoa ba cánh và hai mặt bên chạm bông sen mãn khai. Diềm cột trụ chạy hàng hoa dây cúc, rồng, phượng. Thân trụ khắc chìm chữ Hán trong ô tạo dáng cánh sen chữ nhật.

Liên Khê còn là căn cứ hoạt động của nghĩa quân Đốc Tít (1885-1887) và của phong trào Mạc Thiên Bình (1897-1898) chống thực dân Pháp xâm lược. Trong cuộc kháng chiến 9 năm, dưới sự lãnh đạo của Đảng, hang sâu, núi cao ở Trúc Động, Liên Khê đã che chở cho du kích bộ đội ta bám trụ, diệt thù.

Cụm di tích Liên Khê (Trúc Động xưa) là niềm tự hào của huyện Thủy Nguyên, của thành phố Cảng Hải Phòng và đã được Bộ Văn hoá thông tin cấp bằng công nhận di tích lịch sử văn hoá ngày 13-2-1996 [10].

2.2.1.4- Chùa Câu Tử Ngoại

Lịch sử hình thành và tên gọi:

Thời xưa, chùa này thuộc trang Hùng Khê và nguồn gốc cư dân, ở các vùng Ngọc Khê, Việt Khê ra đây khai khẩn đất đai sản xuất, tạo lập văn minh xóm làng trên dải đất mới ven sông. Trải qua quá trình phát triển dân cư, hình thành ruộng đồng, thôn xã, Hùng Khê trang được đổi thành Câu Tử. Người địa phương kể: Hùng Khê trang được khai phá, lập nên làng xóm ấm cúng, bên dòng suối mát uồn lượn hình chữ 'Mã' trên bàn cờ tướng. Vì lẽ đó, địa danh Hùng Khê trang ban đầu đã được chuyển thành Câu Tử. Một câu phong dao lưu truyền tại địa phương còn nhắc:

*Câu Tử ngựa non vờn những bước
Hoang vu ngày trước chỉ còn địa danh.*

Câu Tử đã trở thành đơn vị hành chính cấp xã, trong bản danh sách các tổng, xã, thôn dưới triều Nguyễn (1802-1945). Vì thế, Câu Tử ngoại ngoài tên chữ là Bảo Phúc còn được gọi tắt là chùa Câu Tử, xã Câu Tử, tổng Thái Lai, huyện Thủy Đường (dưới triều Nguyễn).

Kiến trúc tổng quan:

Chùa Câu Tử Ngoại được dựng trên một khu đất cao phía nam của thôn Câu Tử. Chùa quay hướng nam, đối mặt với dòng sông Kinh Thầy

quanh năm nước chảy. Sông Kinh Thầy đã góp phần bồi đắp, tạo lập mảnh đất Câu Tử, Hợp Thành ngày nay.

Chùa là một tổng thể kiến trúc nhiều toà ngang dãy dọc, nhưng được bố cục gọn gàng. Kiến trúc chính hình chữ 'công' (I) đơn giản gồm 5 gian tiền đường và 4 gian hậu cung. Bên hồi trái dọc theo kiến trúc là một sân rộng vuông vức. Sau sân là toà thờ Tổ 3 gian; trước sân là điện thờ thánh mẫu Quận Đa phu nhân. Bên kia sân là nhà khách 3 gian. Kiến trúc chính của chùa vẫn giữ được phong cách của nghệ thuật kiến trúc cổ truyền Việt Nam. Phía trước toà tiền đường có vườn chùa, với 5 ngôi tháp mộ, trông như bút tháp Hồ Gươm thu nhỏ. Nổi bật hơn cả là cây tháp đá kê bên đường thần đạo. Tháp này hình vuông, ba tầng nhỏ dần từ dưới lên, được ghép bằng những phiến đá vôi xám, lớn, mài nhẵn. Đỉnh tháp là bầu đá hình nụ sen cách điệu trên một đài sen cong vút, đắp đầu rồng cách điệu hoa lá. Ngăn cách các tầng tháp là những phiến đá phẳng, vuông, nhô ra khỏi thân tháp. Những phiến đá giới hạn chia tầng có tác dụng làm tăng qui mô, dáng bề thế cho ngôi tháp. Mặt ngoài tường tháp điểm xuyết một vài chữ Hán lớn và các gờ chỉ trang trí.

Mái chùa lợp ngói rồng cổ kính, rêu phong. Bờ nóc đắp trang trí; hồi tiền đường xây cuốn hình quai chảo, trông uyển chuyển, tạo nên nét sống động trong không gian cổ tích. Hồi hậu cung xây kiểu bố trụ, giạt hai cấp chắc khoẻ. Nhìn chung, kiến trúc chùa Câu Tử Ngoại ít dùng hình thức chạm khắc trang trí. Trang trí nội thất dường như chỉ tập trung ở một vài câu đối hình chữ nhật phẳng, hình lòng máng sơn son thiếp vàng treo trên cột và hai lớp y môn trong toà hậu cung: y môn thứ nhất chạm nổi đôi phượng châu hồ phù, ngậm chữ 'thọ'; y môn thứ hai chạm lưỡng long châu nguyệt và dải mây.

Phật điện của chùa được bày trong toà hậu cung theo kiểu thấp dần từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài. Hàng trên cùng là bộ tam thế, tiếp theo là bộ A di đà tam tôn. Hàng thứ ba là Di đà tiếp dẫn, tiếp theo là hàng cửu long ở giữa, hai bên là quan âm tổng tử và bồ tát hiện thân. Hàng cuối cùng của toà tam bảo là Ngọc Hoàng và Nam Tào, Bắc Đẩu. Hai bên gian tả, hữu, gian hoà tiền đường đặt tượng Hộ Pháp. Gian hồi phải đặt bàn thờ Đức Ông ngồi trong khám gỗ. Chính giữa toà nhà tổ đặt hương án thờ 6 pho tượng tổ và những người tu từ, hành pháp ở chùa.

Ngoài việc thờ Phật, chùa Câu Tử Ngoại còn phối thờ Quận Đa phu nhân - vị thành hoàng có công đánh giặc ngoại xâm dưới triều Trần. Chuyện kể rằng xưa kia trên mảnh đất này có tên là Trang Hùng Khê do dòng họ Hoàng, họ Đoàn khai sáng, các dòng họ Bùi, Mạc xây dựng tiếp theo sau.

Dưới vương triều Trần, làng Câu tử có người họ Hoàng đỗ Thái học sinh đến nay nhân dân vẫn gọi là Hoàng tướng công vì có làm quan trong triều. Gia đình Hoàng Công sinh hạ được một người con gái đặt tên là Hoàng Thị Bính, xinh đẹp nét na, được cha mẹ dạy dỗ cho theo học nghiên bút, văn chương. Đến 19 tuổi, Hoàng thị Bính đi ngắm cảnh hái hoa rồi tắm mát bên dòng Hùng Khê. Bên suối gò Rùa có xuất hiện vết chân lạ, nàng liền ướm thử chân mình. Từ đó mang thai, qua 10 tháng sinh được 2 người con trai, diện mạo khác thường. Người anh đặt tên Hoàng Minh Hộ, người em tên Hoàng Minh Thống. Người mẹ nuôi dạy 2 con ngày một lớn khôn, theo học cung kiếm, bút nghiên.

Năm 1287, khi quân Nguyên xâm lược nước Đại Việt lần thứ 3, từ trang Hùng Khê người mẹ đã tiến đưa 2 người con trai yêu quý của mình lên đường giết giặc, báo đền nợ trước. Trận Bạch Đằng lịch sử 8/3 năm Mậu Tý đại thắng, hai người con của bà đã anh dũng hy sinh nơi chiến trận. Bà buồn phiền qua đời ngày 18/8 năm Mậu Tý. Bà Hoàng thị Bính được truy phong là Quận Đa phu nhân làm thành hoàng của Câu Tử Nội và Câu Tử Ngoại ngày nay, được tạc tượng lập đền thờ. Cả 2 con là Hoàng Hộ và Hoàng Thống được tạc tượng tôn thờ ở đình Câu Tử Nội và Câu Tử Ngoại. Đền thờ 3 mẹ con bà Hoàng thị Bính ngày nay không còn nữa, dân làng thờ 3 mẹ con bà ở chùa Câu Tử Nội và Câu Tử Ngoại [10].

2.2.1.5- Đền thờ trạng nguyên Lê Ích Mộc

Lê Ích Mộc (1462 - 1552) ngụ cư ở làng Ráng xã Thanh Lăng, huyện Thuỷ Đường xưa, nay là xã Quảng Thanh, huyện Thuỷ Nguyên, Hải Phòng. Ông đỗ trạng nguyên khoa Nhâm Tuất (1502) niên hiệu Cảnh Thống đời vua Lê Hiến Tông (thế kỷ XVI). Đền thờ chính trạng nguyên Lê Ích Mộc hiện nay ở thôn Quảng Cư, ngoài ra ở thôn Thanh Lăng (cùng xã Quảng Thanh) còn lưu lại nhiều dấu tích như lăng mộ, từ đường... Đây là cụm di tích tưởng niệm về vị trạng nguyên đầu tiên của thành phố Hải Phòng.

Theo gia phả Lê tộc để lại thì Lê Ích Mộc sinh ngày mùng 2 tháng 2 năm 1458 tại làng Ráng, huyện Thuỷ Đường, bậc khởi tổ là cụ Lê Văn Hộ từ đất

Tây Kinh Thành Hoá đến đây sinh cơ lập nghiệp . Đến đời thứ 3 kết quả mỗi tình giữa cụ Lê Văn Quang và bà Nguyễn Thị Lê sinh thành ra Lê Ích Mộc . Theo sinh đồ Lê Tuấn Mậu trong : “Tiểu sử thiền sư chùa Thành Lãng “soạn năm 1597 cho biết : Dưới triều Lê Thánh Tông, ở làng Ráng, huyện Thủy Đường, phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương, có một người nổi nghiệp nho, tư gia hiếu thảo, họ Lê tên Quang, vợ là Nguyễn Thị Lê, cửa nhà thanh bản, kính sư sùng Phật, hay giúp đỡ người nghèo khó. Một đêm kia vợ chồng nằm chiêm bao thấy quan thế âm bồ tát cho một đoá hoa Sen và một bài thơ:

*Phật cho Lê Thị một bông sen
Hiển hách nghìn thu dậy tiếng khen
Đích xác sang năm sinh quý tử
Danh lừng tam giáo gọi ơn trên.*

Hôm sau vợ chồng nói chuyện lấy làm vui mừng. Từ ngày ấy bà Lê có mang và sinh hạ được một người con trai mặt vuông, tai lớn đặt tên là Lê Ích Mộc. Tục truyền rằng, thừa nhỏ Lê Ích Mộc là một cậu bé thông minh, ham học và ngoan ngoãn được bà con làng xóm yêu quý. Hàng ngày sau những buổi phụ giúp cha mẹ, cậu bé Mộc thường hay tới chùa Ráng giúp đỡ các vị tăng ni quét dọn nhà cửa, xới đất trồng cây và trồng cây và chăm chỉ học hành, nghe nhờ văn sách. Cảm động trước tấm lòng say mê hiếu học, nhà chùa đã nhận Lê Ích Mộc vào làm đệ tử, kèm cặp kinh sử. Ngày ngày ăn chay niệm Phật Lê Ích Mộc vẫn dành thời gian cho đèn sách. Đêm đêm, dưới ánh sáng mờ nhạt của ánh trăng khuya, ông lấy mâm cát làm sách học, Lê Ích Mộc chăm chỉ dùi mài kinh sử. Ông lấy cát đổ lên mâm xoa phẳng, dùng ngón tay viết lên chữ để đọc, ghi nhớ rồi xoa đi. Đó là cách học “nhập tâm” giúp người tanhở lâu hiểu kỹ. Ích Mộc cho rằng : Việc học là việc khó nhưng không vì thế mà không học. Bởi thế mà ông nổi tiếng trong vùng là người nhớ lâu hiểu kỹ. Tài học của ông, sách Đại Việt có ghi: “Tam công túc ngọc đáo Kim cương”. Tức là sau 3 năm ông đã thông hiểu đủ giáo lý, giáo pháp của bộ kinh Kim cương. Một hôm, Ích Mộc đang đi ở ngoài đường, gặp một vị sư già, nhà sư thấy Lê Ích Mộc có tướng và cơ duyên, là một cao tăng nên Ông theo Lê Ích Mộc về nhà. Cha Lê Ích Mộc thấy khách quý đến chơi xiết đổi vui mừng, ân cần mời làm thượng khách. Nhà sư chỉ Lê Ích Mộc và nói rằng: Ông là người từ thiện nên cậu bé này có tướng làm nên sự nghiệp lớn, rạng danh gia phong. Nếu cho cậu ấy xuất gia đầu Phật tương lai phong đồ cao làm vinh hiển gia đình. Tiền đề không thể hạn định được. Ông Lê Quang bèn hỏi: Ý kiến con thế nào? Ích Mộc nhận lời. Từ đó Lê Ích Mộc xuất gia học đạo, gánh sách theo thầy đến ở chôn xa. Nhà sư là một vị cao tăng trụ trì tại chùa Yên Lãng (tức chùa Láng, Hà Nội). Khoảng 5 năm Ích Mộc đủ thông hiểu các pho kinh Phật, tiếng tăm của ông lừng lẫy khắp làng.

Thời gian theo học ở chùa Yên Lãng, Ông cũng là người đứng ra tu sửa chùa Ráng đã đổ nát thành chùa Diên Phúc Thọ. Đồng thời ông vẫn gần gũi dân quê, hướng dẫn từ công việc cày cấy, đồng áng đến cấy cấy, đan lưới đánh bắt tôm cá.

Sau mấy lần thi không đỗ, ông trở lại quê hương tiếp tục việc học hành. Bằng nghị lực, lòng kiên trì và trí thông minh, tại khoa thi năm 1502 đời vua Lê Hiến Tông, Lê Ích Mộc đỗ trạng nguyên khi đã ngoài tuổi 40. Bài thi của ông được đánh giá cao, khúc triết, mạch văn chặt chẽ, ý tứ sâu sắc, không hề sai sót.

Lê Ích Mộc bước vào con đường làm quan khi xã hội phong kiến Việt Nam thời Lê đã trở nên rối ren, bất công. Ông bèn treo ấn từ quan. Năm 1527, nhà Mạc hưng thịnh, mến mộ tài đức của ông, liền cho ông giữ chức Tả thị lang. Nhờ có đóng góp nhất định của Lê Ích Mộc, đạo Phật thời Mạc đã phát triển trở lại, sau một thời gian Lê Ích Mộc xin nghỉ hưu. Về trí sĩ tại quê nhà, vốn là người có học vấn sâu rộng, đạo đức mẫu mực, Lê Ích Mộc đã có nhiều công lao đóng góp cho quê hương như mở trường dạy học, xây dựng chùa chiền, làm đường, trồng rừng, dấu tích đến nay vẫn còn như cánh đồng ở Quảng Cư, rừng lim 'Quan Trạng' ở Thanh Lãng.

Để ghi nhớ công lao của trạng nguyên Lê Ích Mộc, nhân dân nơi đây đã lập đền thờ tưởng niệm, thể hiện truyền thống dân tộc tôn sư trọng đạo, uống nước nhớ nguồn. Ngôi đền xưa được dựng trên gò đất cao giữa cánh đồng, nơi ông cùng dân khai phá đất hoang lập nên đồn điền Quảng Cư. Trong những năm kháng chiến chống Pháp thực hiện tiêu thổ kháng chiến, ngôi đền cổ xưa không còn. Kiến trúc hiện nay mới được khôi phục nhưng dấu ấn thời đại thế kỷ XIX vẫn còn ghi lại ở một vài đồ án trang trí. Đền dựng theo hướng chính nam, có kiến trúc truyền thống với nhiều mái đao cong vút. Di vật có giá trị nhất còn lại là tượng Trạng nguyên. Tượng tạc bằng gỗ, ngồi trong ngai, hình dáng hài hoà mang tư thế của vị quan đương thời có giá trị điêu khắc của thế kỷ XIX.

Đền thờ trạng nguyên Lê Ích Mộc là một trong những di sản văn hoá ít ỏi còn lại góp phần nghiên cứu truyền thống khoa bảng ở Hải Phòng trong lịch sử. Cuộc đời và sự nghiệp của trạng nguyên Lê Ích Mộc là tấm gương sáng cho thế hệ nối tiếp nhau phấn đấu, học tập. Là một di sản văn hoá giáo dục,

đền thờ Trạng nguyên Lê Ích Mộc đã được nhà nước công nhận cấp quốc gia năm 1991 [10].

2.2.1.6- Chùa Hoàng Pha

Chùa Hoàng Pha có tên là An Lạc Tự thuộc xã Hoàng Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Không chỉ thờ Phật, hiện nay tại tòa nhà tổ của Chùa còn có ban thờ 4 vị thành hoàng làng Hoàng Pha, được nhân dân nơi đây rất tôn kính, đó là 4 danh tướng thời Nhà Lý (1010 – 1225) có nhiều công lao chống giặc ngoại xâm, bảo vệ và xây dựng đất nước. Đặc biệt là công ơn đóng góp xây dựng quê hương Hoàng Pha, Hoàng Động của 3 anh em họ Lý : Lý Minh, Lý Khả, Lý Bảo và Nguyễn Quốc Hồng. Tên tuổi và sự nghiệp của họ gắn liền với quá trình phát triển của làng xóm nơi đây.

Chùa Hoàng Pha có niên đại xây dựng muộn nhất vào đầu thế kỷ XVIII. Trên chiếc trống bằng đá do nhân dân địa phương cúng vào chùa ghi rõ niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 2 (1706). Chùa tọa lạc trên khuôn viên hình chữ nhật (rộng khoảng 1300m²) xung quanh xây tường gạch, ngăn cách chùa với xóm làng, đồng ruộng....Chùa quay về hướng tây nhìn ra dòng sông Cấm, đó cũng là hướng nhìn về đất tổ của đạo Phật (Tây Trúc).

Toàn bộ kiến trúc của chùa hiện gồm 4 tòa nhà, cấu trúc theo hình chữ “quốc”

Mặt trước là tòa nhà kiểu chữ “đỉnh” gồm 5 gian tiền đường và 3 gian hậu cung. Các bộ vì kèo có kết cấu “chồng rường độc thước” quen thuộc. Ba gian giữa lắp hệ thống cửa gỗ kiểu “cửa thùng khung khách”. Tại gian đốc bên phải tòa tiền đường đặt bàn thờ Đức ông, gian bên trái đặt bàn thờ Mẫu, phía ngoài treo quả chuông đồng khá lớn cao 1,5m rộng 0,8m, niên đại ghi chuông là Tự Đức nguyên niên (1848). Ba gian hậu cung đặt tòa Tam Bảo, thứ tự trên cùng là bộ tượng Tam Thế, tiếp đến là tượng A di đà bên phải là Đại thế chí Bồ Tát, bên trái là Quan âm Bồ tát; hàng thứ 3 là Quan Âm nghìn mắt, nghìn tay, hàng thứ 4 giữa là Quan Âm chuẩn đề, bên phải là A Nan Đà, bên trái là Di Lặc Tôn Phật; hàng thứ 5 là tượng Ngọc Hoàng, hai bên là Nam Tào, Bắc Đẩu, cuối cùng là tòa “ Cửu long và Thích ca sơ sinh”. Nhìn chung các pho tượng Phật ở đây được tác đơn giản, đáng quan tâm hơn cả là 3 pho tượng Tam Thế và tượng Quan Âm chuẩn đề mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XIX.

Chùa Hoàng Pha còn là cơ sở Cách mạng và kháng chiến chống Pháp. Hiện nay chùa đang được mở rộng và xây thêm một số công trình có qui mô khá lớn. Chùa còn bảo lưu được một số kiến trúc, tượng Pháp, đồ thờ có giá trị cần được quan tâm giữ gìn, bảo tồn, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc ở địa phương. Chùa Hoàng Pha được Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa năm 1992.

2.2.1.7- Đình Lôi Động

Đình Lôi Động thuộc làng Lôi Động (tên Nôm là làng Lở), xã Hoàng Động. Đình Lôi Động là điểm hội tụ văn hóa tín ngưỡng của một làng quê ven sông Cấm, có truyền thống làm nghề chài lưới. Đình thờ nhiều vị thần như: Nhân Linh tôn thần, Duệ Trí tôn thần, Linh Ứng tôn thần, Linh Phù địa giới uy linh tôn thần, Quý Minh thượng đẳng thần. Đình đã được công nhận là di tích lịch sử văn hoá cấp quốc gia ngày 13/2/1996.

Kiến trúc:

Đình Lôi Động là một công trình kiến trúc cổ của làng Lôi Động, có tiếng văn minh, nề nếp bởi thuần phong mỹ tục và cảnh sắc lao động của thần đất Thủy Nguyên. Đình cấu trúc kiểu chữ Đinh gồm năm gian đại đình, ba gian hậu cung. Phía trước ba bậc tam cấp bằng đá xanh, hai phía tả hữu có hai toà dải vũ năm gian và hệ thống cột trụ, cổng tam quan khiến người ta dễ hình dung ra cấu trúc của ngũ môn (ba cửa chính, hai cửa bên).

Từ khoảng sân rộng nhìn vào mặt trước đại đình ta thấy bờ nóc mái năm gian tiền đường đắp một mặt nhật và những đao lửa toả về hai bên, đắp đầu hoa hình con triện và đôi nghê chầu trong tư thế động. Trên ba cấp bậc thềm bằng đá xanh, có kích thước 13 - 14 - 70cm là ngưỡng gỗ gian trung tâm cao 30cm, trên có bộ cửa từng khung khách. Do có hệ thống hành lang bao quanh nhà tiền đường và mái đao kiểu "cháo đao tàu góc", đồng thời dấu vết các lỗ mộng trên các cây cột cái và cột quân giúp ta liên tưởng đến hình ảnh một ngôi đình Lôi Động (cũ) có đầy đủ ván sàn, do việc tu sửa không được quản lý chặt chẽ ô con triện nay đã bị biến đổi so với ban đầu.

Nhìn từ phía trước ta thấy thanh mái tàu được gói lên 6 thanh bẩy hiên; 4 thanh ở hai gian chính mặt khắc chữ triện. Đình trang trí bằng các mảng điêu khắc cúc trúc hoá long. Nét chạm to, nổi hẳn lên mặt thân bẩy, rồng 4 móng như móng chim, đuôi xoáy 4 chẽ; bụng bẩy để trơn, không

trang trí gì. Kết cấu vì nóc mái theo kiểu trụ chông giá chiêng, khung chịu lực được tạo bởi một mặt gỗ vát hình thang ngược khắc chữ 'thọ', gác lên đôi cột trụ, đôi đầu sen. Toàn bộ kết cấu nóc mái đứng trên câu đầu nối hai đầu cột cái. Cột cái và cột quân là những cây gỗ lim nguyên cây, đứng trên các đầu, kê đá xanh giạt hai cấp, đáy vuông, đỉnh tròn, là biểu tượng trời tròn, đất vuông như ông cha ta đã nghĩ trước kia. Phía dưới, những thanh câu đầu của mỗi vì cột được lắp các đầu dư hình đầu rồng. Quan sát kỹ ở một vài bộ phận trang trí trên kiến trúc, ta thấy có tận dụng một số vật dụng của ngôi đình cũ, nghệ thuật điêu khắc thế kỷ XVII: 4 đầu dư hình rồng, có từng chùm đao mác, có các loài thú 4 chân cùng đùa giỡn. Do lối dải hoàn kiểu thượng tam, hạ tứ đã tạo ra một độ dốc vừa phải của mái đình. Ba gian cung của đình được tạo ra từ hai thanh xà thượng, nối hai ngọn cột cái phía trong, hai cây gỗ nối hai cột quân và thanh kê, tạo thành kết cấu mái xối vuông góc với 5 gian tiền đường. Kết cấu vì nóc mái gian cung thiêng kiểu giá chiêng, còn gỗ bung kín, nước sơn trang trí rồng mây...

Di vật:

Trong đình có nhiều hiện vật có giá trị nghệ thuật cao, trong đó nổi bật nhất là hương án và ngai tượng. Hương án được kê chính giữa, nửa phía trong gian trung tâm tiền đường, có kích thước cao 114cm, rộng 150cm, ngang 84cm, phủ sơn son thếp vàng. Nét độc đáo của chiếc hương án đình, ngoài chức năng bày đặt đồ tế tự còn có hoa văn cả 4 mặt. Phần trang trí chạm khắc khá độc đáo, bằng cả kỹ thuật chạm thủng và nổi, cảnh bên nước, con thuyền, diềm hoa dây, hồi mai điều, chùa tháp 6 tầng. Ngai tượng có tượng 4 vị thành hoàng trong tư thế thiết triều, mặt đỏ, râu đen, trang phục đủ áo mũ, cân đai, mang kiến trúc nghệ thuật Nguyễn cuối thế kỷ XIX.

Những đồ tế khí được thờ trong đình Lôi Động còn phải kể đến: Long đình, bát bửu, chấp kích, bát hương men lam cao 29cm, đắp nổi đôi rồng

Nguyễn, đôi độc bình cao 57cm vẽ cảnh sơn thủy, tùng lộc và một số sắc phong niên hiệu Khải Định năm thứ 9.

Đình làng Lôi Động là một trong những điểm hội tụ của hoạt động văn hoá, tâm linh của nhân dân địa phương. Không gian kiến trúc nội, ngoại thất của ngôi đình vẫn còn bảo lưu hàng chục mảng trang trí, chạm khắc gỗ nơi kẻ nách, bẩy hiên... Mặc dù ngôi đình đã trải qua nhiều lần tu sửa, tuy nhiên những tiêu bản trang trí nghệ thuật còn lại trên kiến trúc cho thấy ngôi đình được khởi dựng vào cuối thế kỷ 18.

Đến thăm ngôi đình Lôi Động, du khách hầu như bị lôi cuốn vào một không gian thoáng đãng trầm mặc, cổ kính như cảnh bến sông, làng xóm cây đa... Đình Lôi Động thờ các nhân vật lịch sử có từ đời Hùng Vương thứ 18: Quý Minh - thường được gọi là Đức Thánh Ba; Đức Thánh Cả hay còn gọi là Địa Giới nhân thần có công phò nhà Lý đánh giặc Ai Lao. Đức Thánh Nhị thường được gọi là Cao Vị nhân thần có công đánh giặc ngoại xâm, nhưng sự tích chỉ được truyền khẩu trong nhân gian như những vị thần linh có công với làng xã. Đức Thánh Trị hiệu gọi là Trung Nghi; đức Thánh Nam hiệu gọi là Linh Ứng. Một điểm chung nhất của các vị thành hoàng làng Lôi Động là đều có công đánh giặc, bảo vệ đất nước, có sắc phong, kèm mỹ tự, do các triều vua phong kiến Việt Nam như Tự Đức, Thành Thái, Duy Tân... phong tặng. Cụm di tích đình – chùa, khu Văn Chỉ làng Lôi Động là những công trình kiến trúc nghệ thuật cổ, được bảo toàn khá nguyên vẹn đã được nhà nước xếp hạng di tích năm 1996 [10].

2.2.1.8- Đình Kiền Bái

Đình Kiền Bái nằm ở xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên. Xưa kia, Kiền Bái còn có tên là Hồ Bái Trang thuộc huyện Thủy Đường, phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương. Trang Hồ Bái có 12 xóm, dân cư tập trung đông hơn cả là xóm Đông. Do đó, đình Kiền Bái nằm ở ngay xóm Đông.

Theo "Thủy Nguyên huyện thần tích" hiện lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán - Nôm, Hà Nội đình Kiền Bái thờ hai vị thành hoàng Ngọc và Bích, là hai anh em sinh đôi. Tương truyền lúc mới sinh, 2 vị đề khôi ngô tuấn tú, nhưng đề mất sớm, rất linh thiêng, đã nhiều lần phù hộ dân làng Kiền có cuộc sống yên ổn, làm ăn thịnh vượng. Khi quân Nguyên sang xâm lược nước ta (1287 - 1288), 2 vị âm phù Vua Trần đánh giặc. Vua cho lập đền thờ và phong thần hiệu: Trung Quốc Cảm Ứng thượng đẳng thần và Lôi Công Uy Diệu thượng đẳng thần.

Đình Kiền Bái được xây dựng vào nửa cuối thế kỷ XVII, có cấu trúc kiến trúc đình gồm 5 gian tiền đường, 2 gian hậu cung. Tiền đường, trừ gian giữ (khoang thuyền), 4 gian đều bưng gỗ, lát ván sàn. Trên cột cái, vì xà

chính ghi năm tạo dựng (1681) và tên những đóng góp công đức. Đây là công trình kiến trúc điêu khắc tiêu biểu của nghệ thuật kiến trúc thời Lê hiện còn lại ở Hải Phòng. Điểm nổi bật của đề tài trang trí trên công trình kiến trúc nghệ thuật này là bên cạnh hình ảnh rồng, phượng, hoa lá cách điệu, tia lửa, lưỡi mác... còn thấy rất nhiều cảnh sinh hoạt dân gian rất tự nhiên, sinh động. Đó là hình rồng nối đuôi nhau, trước mặt rồng có nhiều con thú 4 chân leo trèo trong đám mây rồng; có mảng hình rồng đan xen với thú 4 chân như thần lân, voi, ngựa, lợn ăn lá dáy; có mảng cảnh sinh hoạt hình em bé chẵn trâu ngồi vắt vẻo trên mình trâu... Hội làng Kiền tổ chức từ ngày 10 đến ngày 13 tháng Giêng âm lịch hàng năm. Vào những ngày này, dân làng ra đình tế lễ và nô nức vào hội: hội hát đúm, hội nấu bánh chưng... nổi bật là trò chơi dân gian: cướp cây bông.

Để có được hội cướp cây bông, cả làng phải đi chọn 2 cây tre cao nhất. Nhà nào chọn được tre thì phải mang bánh chưng ra đình tế. Ông mạnh bái chọn 10 thanh niên 18 tuổi trở lên chưa vợ hoặc là con trai đầu lòng chặt cành của 2 cây tre, rồi mỗi người chọn 2 mắt tre làm 2 cây côn (gậy) dài độ 5 trượng đem vào thờ trong đình.

Cũng 2 cây tre đó được chặt hai khúc thành 2 cây bông. Trong 10 trai tráng trẻ, chọn ra 2 người vót cây bông. Người vót cây bông, trước hết phải nạo hết vỏ xanh của tre, rồi dọc theo tre mà vót thành hình cái hoa ở 2 đầu. Để cho cây bông được đẹp, người ta lấy giấy kim tuyến quấn vào từng tua tre một, rồi buộc chỉ ngũ sắc vào... Hai cây bông được rước vào đình.

Cướp cây bông diễn ra 2 đợt: trước tiên là lễ cướp thờ (không có giải), sau đó mới là lễ cướp giải. Tại lễ cướp thờ, khi ông mạnh bái tung cây bông lên thì 10 thanh niên quần đỏ, khăn điều, thắt lưng xanh xông vào cướp dưới sự hò la cổ vũ của dân làng. Tiếp đến là lễ cướp giải, tất cả mọi người đều tham gia. Cuộc cướp cây bông diễn ra rất vui, có khi kéo dài đến sáng.

Ai được giải cướp cây bông thì được ăn bánh của người giải nhất cuộc thi bánh chưng.

Thường thường, những người đoạt giải nhất cuộc thi cướp cây bông, cuộc thi nấu bánh chưng, nếu họ chưa vợ, chưa chồng thì được dân làng vun vén thành vợ, thành chồng. Người được trúng giải cướp cây bông thường được dân làng nể nang vì họ đã được diễm phúc của thần ban cho.

Vì cướp cây bông vui nhất trong hội làng nên người ta cũng đặt thành câu ca để nhắc nhở nhau:

*"Làng Kèn (Kiền) có lẽ cây bông
Rước lên Dọc Muống hội đồng giao quân
Mười một đánh bài giao quan.
Mười hai té yến thì chàng phải sang..."*

Còn trong hát đúm, thanh niên nam nữ thường tế nhị biểu thị tình cảm với nhau:

*- Mười hai nữ hội thi rồi
Sao anh còn ở tại nơi sân đình
Ngó ngang ngó dọc chi tình
Đây mà thua cuộc trách mình lăm thay.
- Ai ơi đừng trách anh đây
Cối đâu mà già bành dày thêm ngon.
- Nếu ai thắng giải đình xuân
Minh đây xin có tranh phần cây bông.*

Đình là một bức tranh được khắc gỗ hoành tráng, được tái tạo trên nền của một công trình kiến trúc cổ kính và tao nhã phản ánh rõ nét xã hội Việt Nam lúc đó. Thông qua các mảng điêu khắc trang trí, những khát vọng, tư tưởng của nhân dân được thể hiện một cách sâu sắc. Đây chính là nơi sản sinh ra nghệ thuật điêu khắc cổ truyền của dân tộc.

Trước hết là hình tượng con rồng. Mặc dù là di tích thờ một vị Thành Hoàng làng (không phải vua) nhưng rồng lại là đề tài chủ yếu được thể hiện ở đình Kiền Bái. Bởi trong tâm thức người Việt, rồng luôn là con vật linh thiêng luôn mang lại điềm lành, mùa màng tốt tươi. Với mỗi mảng chạm khắc ở trung tâm bao giờ cũng có một con rồng lớn, thân mập ngấn, trên phủ một lớp vẩy, xung quanh có rất nhiều rồng con quấn quýt trong mây, thể hiện sự mong muốn con đàn cháu đống hội tụ, đoàn viên. Đi kèm với rồng là các con vật trong bộ tứ linh như phượng, lân, được tạo tác trong tư thế uyển chuyển của những vũ điệu quyển rũ.

Nét đặc sắc nhất của đình Kiền Bái là nghệ thuật điêu khắc đã phản ánh sự hoà quyện giữa vương quyền và thần quyền. Điều đó thể hiện ước muốn công bằng xã hội. Ở đây không chỉ có các con vật linh thiêng mà còn có cả

voi, ngựa, cá, dê, mào... Đáng chú ý nhất là tượng con ngựa được thể hiện ở đình, lợn có than hình mập mạp, sống động và hoang dã trong những hoạt cảnh như lợn ngồi trên lưng rồng nắm chặt râu và đuôi rồng (cảnh lưỡng long châu người, lưỡng long châu lợn). Ngoài ra còn có những mảng chạm khắc như bày tỏ sự mong muốn về cuộc sống thanh bình như mèo ngủ ngày, lợn ăn lá ráy, ngựa voi âu yếm. Lại có cảnh cá chép vượt vũ môn hoá rồng. Trên bức chõng gian hồi lại chạm khắc cảnh người cưỡi phượng trong tư thế bay lên.

Đình Kiền Bái là di tích lịch sử văn hóa có giá trị nghệ thuật cao, được Nhà nước xếp hạng cấp quốc gia năm 1986 [10].

2.2.1.9- Đình Lâm Động

Địa bàn xã Lâm Động huyện Thủy Nguyên ngày nay nằm ven tả ngạn sông Cẩm, lại có lạch triều lớn chảy từ Kiền Bái xuống Bính Động đổ ra sông Cẩm tạo thành một cù lao nhỏ gồm các làng Hoàng Pha, Lôi Động, Bính Động, Phương Lăng (tên cũ là Hoa Lăng).

Theo các nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Chính và Nguyễn Quang Ngọc, các làng Lâm Động, Hoàng Pha, Đồng Lý có từ thời Bắc thuộc. So với thời mà các phát hiện khảo cổ ở Dục Liễn - Trịnh Xá với những quan tài cả cây gỗ mít khoét hình thuyền gàn đây thì vùng đất này nhiều chỗ có người Việt sinh tụ còn sớm hơn. Nhưng trải qua thiên tai địch họa, sử liệu thành văn hầu như không còn nên khó kê cứu.

Địa danh theo trí nhớ của các cụ làng này vốn là trong Tùng Động. Sau kiêng húy Bình An Vương Trịnh Tùng nên đổi là Tòng Động. Vì nơi giáp sông, gần biển, đất rộng có nguồn nước ngọt dân nhiều nơi đến làm ăn với nghề nông, nghề đánh cá, trồng dâu, dệt lụa và một số nghề thủ công khác như mộc, nề, rèn. Nghề buôn cũng khá phát triển. So với các làng thôn quanh vùng, làng Lâm trước nay được xếp vào làng văn minh, giàu có. Làng có đủ đình, chùa, miếu, quán, từ vũ, từ văn, phong tục thuần hậu. Trải qua chiến tranh, cả xã chỉ bảo tồn được duy nhất ngôi chùa cổ có cây bảo tháp đẹp nổi tiếng. Còn công trình kiến trúc, lịch sử văn hóa khác chỉ còn lưu lại ít nhiều qua cuộc điều tra của Pháp quốc Viễn Đông học viện năm 1938-1939. Ngôi đình có thể được làm vào năm 1688, đã qua nhiều lần tu bổ, nhưng không có tài liệu ghi chép. Các già làng cũng không nhớ. Lần làm năm 1931-1935 thì dân làng nhớ rất rõ. Những năm ấy, làng Lâm kinh tế phát đạt, có nhiều người làm ăn phương xa giàu có nên sự đóng góp công sức tiền của khá lớn. Làng lại có phường mộc của ông phó Bảng, ông trương Trúc nổi tiếng khéo léo đã đi làm đình cho nhiều nơi.

Làng thuê 2 phường mộc và đặt giải thưởng: Mỗi phường làm một phần đình theo thiết kế của làng. Tất nhiên, họ phải giấu kín ngón nghề. Đến ngày dựng đình, phần việc của các nhóm thợ rất khớp về mộng, những mảng phù điêu chạm khắc công phu tỉ mỉ khiến làng khó phân hơn kém. Cuối cùng phường mộc Thủy Nguyên thắng vì có bộ đầu võng đẹp hơn. Đình gồm 5 gian, 2 dĩ, 2 hậu cung. Dân làng Lâm ngày ấy tự hào ngôi đình làng mình to đẹp nhất huyện. Ngày khánh thành mở hội mấy ngày liền, mời cả quan trên về dự. Đình Lâm thờ 6 vị thần thành hoàng, thần tích, thần sắc không còn. Chỉ biết chắc chắn đó là:

- Đức thánh Niệm, tức Phạm Tử Nghi quê xã Niệm Nghĩa, huyện An Dương, danh tướng triều Mạc, làm quan đến chức Phò mã Đô úy Thái úy Thành Quốc công, sau khi qua đời được phong phúc thần với thần hiệu Nam Hải đại vương.

- Phạm Thượng Quận tên là Phạm Đình Trọng, quê ở thôn Kinh Dao, xã An Hồng, huyện An Dương, đậu Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1739) đã dẹp các cuộc khởi nghĩa của Quận Hèo, Quận He, giữ yên bình cho xứ Nghệ An, lại đánh tan giặc bể Quan Lan mà nhà Thanh không dẹp được. Sau khi mất, vua phong phúc thần. Các làng Kinh Dao, Lâm Động và Trung Thanh Lang huyện An Lão lập đền thờ.

- Cung phi vua Lê, người họ Vũ xã Trung Hành, huyện An Dương. Họ Vũ Trung Hành nổi tiếng hiền đạt, nhiều người làm quan to. (Xác định được hai vị thần này vì ở đình có đôi câu đối:

Vũ Thị sản cung nga, tú dục Trung Hành thiên khai thánh

Lê triều thanh hải phi, hóa qui Tùng Động địa chung linh

Nghĩa là:

Họ Vũ sinh vị cung nga, đất quý Trung Hành trời ban thánh

Triều Lê dẹp giặc bể, chết về Tùng Động đất chung linh

Tộc phả họ Vũ Trung Hành chép: Có con gái được vua Lê Hiến Tông (1840-1887) nạp vào cung. Lịch sử xã Lâm Động cho rằng tên bà là Vũ Thị Sản thì không đúng vì phạm húy và chữ “sản” (sinh) đối với chữ “thanh” (dẹp). Nếu hiểu chữ “sản” là tên riêng thì về đối sai ngữ pháp vì không có động từ)

- Theo truyền ngôn: Hai vị thần nữa là Triệu Quang Phục, vị tướng tài triều Tiên Lý (544-602) và Nguyễn Minh người Lâm Động tham gia chiến dịch Bạch Đằng năm 938 dẹp quân Nam Hán.

- Đình còn thờ 12 vị tiên công, tức 12 ông tổ của 12 dòng họ Cao, Đàm, Nguyễn Điều, Phạm, Đặng, Ngô, Vũ, Trần, Đoàn, Hoàng, Lại, Đào.

Trong cuốn Lịch sử xã Lâm Động (NXB Hải Phòng 1996) có đoạn: “Làng Sưa cũ nay là xã An Lư có ngôi đền thờ Trần Triều hiển thánh. Trong đền còn lưu giữ được tấm bia lớn khắc từ năm 1285 đến 1293 mới xong. Bia

ghi tên những người trong làng xã có công trong chiến thắng Bạch Đằng, trong đó có 6 vị là người làng Lâm Động.

Đình làng còn là di tích của vụ hơn 100 người con của làng và các làng bên tham gia hoạt động cách mạng bị thực dân Pháp thảm sát trong 2 ngày 13, 14 - 2 - 1949 (âm lịch). Nhưng tấm bia đền thờ Trần triều ở làng Sưa (tức An Lu) thì không phải bia tạo đời Trần mà qua hoa văn trang trí, kiểu chữ thuộc đời Nguyễn. Một mặt bia bị xây áp vào tường không rõ năm tạo bia, người soạn văn bia. Trán bia mặt ngoài ghi rõ Tiên hiền bi ký. Vậy đây là bia Văn từ huyện Thủy Nguyên ghi tên các tiên hiền toàn huyện.

Nội dung bia có các địa danh Hoa Lãng, Hoa Chương. Hoa là tên húy bà Hồ Thị Hoa, mẹ vua Thiệu Trị. Bà nổi tiếng hiếu hạnh, được vua tuyển vào cung khi Thái tử Nguyễn Phúc Đảm chưa làm vua (sau lên ngôi lấy niên hiệu Minh Mệnh). Tháng 5-1807, bà sinh hoàng trưởng tử Miên Tông (sau làm vua lấy niên hiệu Thiệu Trị). Nhưng chỉ 13 ngày sau khi sinh, bà qua đời khiến dòng tộc và gia đình vô cùng thương cảm. Vì vậy, vua Gia Long xuống dụ phải tránh chữ Hoa. Những từ Hoa phải đổi là Ba, là Huê, là Phương, là Hóa, là Bông...

Như vậy, bia Tiên hiền bi ký lưu ở đền An Lu đời Gia Long (1802-1819). 6 vị tiên hiền làng Lâm ghi trong bia này là Đô chỉ huy sứ Ngô tiên sinh, Tổng binh Đàm tiên sinh, Hùng Thắng bá Đặng tiên sinh, Lâm Thọ hầu Cao tiên sinh, Đại tướng quân Nguyễn tiên sinh. Rất tiếc các tiên hiền chỉ ghi chức tước, họ và quê, không ghi tên. Ở Viện nghiên cứu Hán Nôm, còn có thạc bản văn bia Bản tổng hưng tạo từ vũ bi ký (số 8435-38) tạo năm Lê Vĩnh Thịnh thứ 5 (1709). Văn bia do Cao Đức Lập là hiệu sinh người bản xã soạn, hiệu sinh Đỗ Đăng Triều viết chữ. Nội dung ghi việc: Văn chức các xã trong tổng Lâm Động huyện Thủy Đường phủ Kinh Môn tu sửa từ vũ, dựng bia ghi tên các vị văn chức trong tổng. Xã Lâm Động có xã sử Đào Đăng Đệ, xã ty xã chính, trưởng tổng. Xã Bính Động có các vị câu đương, xã xử, trưởng thị. Xã Lôi Động có các vị câu đương, hiệu sinh, xã chính... Qua bia từ vũ tổng Lâm Động trên thấy rõ 6 vị quan chức của xã không thể là người đời Trần.

Sau hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, ngôi đình quý của làng Lâm làm những năm 1931-1935 bị đổ nát hết. Từ ngày có đường lối đổi mới của Đảng, Nhà nước, nhân dân làng Lâm mong muốn phục dựng đình làng. Nguyễn vọng chính đảng của dân được lãnh đạo huyện Thủy Nguyên, xã Lâm Động ủng hộ. Dân làng người góp của, người góp công. Con em làng làm ăn xa quê nhiệt tình đóng góp, có người góp đến 350 triệu đồng. Sau 10 năm, vượt qua nhiều khó khăn gian khổ, đến nay, đình Lâm Động dựng xong về cơ bản với 3 gian, 2 dĩ tòa đại bái, 2 gian hậu cung chủ yếu bằng đá Ninh Vân (Ninh Bình) cùng gỗ tứ thiết. [11]

2.2.2- Những di tích văn hoá khảo cổ

2.2.2.1- Mộ cổ Việt Khê

Tục chôn cất người chết của người xưa hết sức phong phú, thể hiện ở các loại hình mộ táng thời Đông Sơn: loại mộ huyệt đất, mộ có quan tài hình thuyền, mộ có quan tài được đóng đinh đồng, mộ nồi - vò úp nhau... Qua nghiên cứu các loại mộ cổ thuộc văn hoá Đông Sơn có thể thấy rõ một hiện tượng: hình thức mai táng có thể khác nhau ở mỗi vùng đất có địa sinh thái khác nhau, nhưng tập tục chôn cất thì lại hoàn toàn giống nhau, Người Đông Sơn quan niệm rằng chết là sự chấm dứt cuộc sống ở thế giới bên này và bắt đầu cuộc sống ở thế giới bên kia. Cuộc sống sau khi chết cũng tương tự như khi đang sống, nghĩa là người chết vẫn phải lao động, sinh hoạt và chiến đấu. Do vậy người Đông Sơn đều thực hiện táng tục giống nhau; chôn theo đồ vật cho người chết. Bộ đồ vật chôn theo người chết thường đủ ba thành phần: dùng sinh hoạt, công cụ sản xuất và vũ khí.

Mộ cổ Việt Khê là một minh chứng điển hình cho táng thức và táng tục của cư dân Đông Sơn cách ngày nay khoảng 2.500 năm. Mộ Việt Khê là loại mộ có quan tài hình thuyền (hoặc cũng gọi là mộ thân cây khoét rỗng). Loại mộ này thường tìm được ở những vùng trũng gần sông nước.

Trước hết là một nhóm mộ gồm 5 ngôi, nằm cùng hướng trên giải ruộng hẹp bên bờ sông Hàn. Nói đặc biệt vì áo quan là một phần than cây lớn được khoét rỗng bên trong hình lòng máng, đầu to đầu nhỏ. Nhìn toàn bộ giống như một chiếc thuyền. Cổ áo quan lớn dài 4m60 trong lòng sâu từ 0,24-0,39m, chiều rộng của đầu to là 0,76m, của đầu nhỏ là 0,57m. Nắp áo quan cũng có hình lòng máng nhưng nông hơn. Chiều cao kể cả nắp tới 0,60m. Cổ áo quan nhỏ về hình dáng tương tự cổ lớn nhưng cấu trúc đơn giản và dài 4,54m

Mộ Việt Khê được phát hiện năm 1961 tại thôn Ngọc Khê, xã Việt Khê, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Mộ chôn một người, đáng tiếc là di cốt đã mủn nát, nhưng đồ vật chôn theo hầu như còn nguyên vẹn gồm 107 hiện vật. Số hiện vật này gồm ba thành phần: đồ dùng sinh hoạt (âu, bình, thố, chậu...); công cụ sản xuất (rìu, dũa, đục, đục, nạo móc...), vũ khí chiến đấu (lao, giáo, kiếm, dao găm, rìu chiến...). Chất liệu đồ vật chôn theo khá đa dạng: đồng (chiếm tỷ lệ cao nhất), gỗ, da, đất. Trong số 107 di vật, nổi bật lên một số hiện vật đặc sắc có giá trị nhiều mặt như: mảnh da có dấu ấn (có thể là chiếc hộ tâm phiến da thuộc được sơn màu trang trí), chiếc muôi đồng dáng hình quả bầu cán có tượng người thổi khèn độc đáo, chiếc boi chèo gỗ có vết sơn ta màu đỏ, những ngọn giáo còn nguyên lưỡi và cán... Những di vật này giúp chúng ta hiểu thêm được, nhiều khía cạnh về đời sống xã hội của cư dân Đông Sơn đặc biệt là những chất liệu có liên quan tới

một số ngành nghề thủ công truyền thống của Việt Nam như nghề thuộc da, nghề sơn.

Theo các nhà nghiên cứu, số lượng đồ vật chôn theo cùng với loại hình và giá trị của đồ vật, chủ nhân của mộ Việt Khê thuộc tầng lớp quyền quý giàu có và như vậy xã hội thời văn hoá Đông Sơn phát triển đã bước vào giai đoạn phân hoá, hình thành giai cấp trong xã hội. Tư liệu khảo cổ học nói chung của văn hóa Đông Sơn, đặc biệt tư liệu mộ táng của văn hoá này nói riêng, đã cho thấy sự phân hoá xã hội - phản ánh sự phân hoá tài sản, trên cơ sở sức sản xuất phát triển tạo ra của cải dư thừa - đã dẫn tới hình thành các tầng lớp xã hội khác nhau mà sự phát triển ở giai đoạn sau của văn hoá này đã đạt tới mức hình thành các giai cấp đầu tiên trong xã hội.

2.2.2.2- Di chỉ khảo cổ Tràng Kênh

Khu di tích lịch sử và danh thắng Tràng Kênh thuộc thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có bề dày lịch sử văn hóa, đồng thời đây còn là một danh thắng với cảnh quan thiên nhiên đẹp đẽ do hệ thống núi đá vôi và sông ngòi tạo thành. Tràng Kênh, vùng đất cổ được biết đến qua di chỉ khảo cổ học nổi tiếng, hiện còn bảo lưu trong lòng đất. Nơi đây - một vùng đất, một vùng núi, một vùng trời "bát ngát sóng kinh muôn dặm, thướt tha đuôi trĩ một màu". Đó là miền đất mang đậm dấu tích lịch sử Tràng Kênh - Bạch Đằng ở phía bắc huyện Thủy Nguyên, cách nội thành Hải Phòng 20km. Về phía nam có sông Giá, phía đông có sông Chanh.

U Bò là một ngọn núi trong quần thể đồi núi này, tương truyền đây là nơi Trần Hưng Đạo đã đứng để chỉ huy trận thủy chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông. Đứng trên núi U Bò, du khách có thể ngắm nhìn toàn cảnh sông Bạch Đằng. Sông núi tĩnh lặng, trời nước mênh mang với nhiều huyền thoại làm cho cảnh sắc nơi đây càng thêm hấp dẫn.

Quanh Tràng Kênh có nhiều động kỳ thú. Hang Vua thuộc xã Minh Tân, cao 18m, rộng 10m. Trong hang có nhiều ngách, có suối nước quanh năm trong mát. Gọi là hang Vua vì tương truyền rằng vua Hùng thứ 18 đã lập li cung ở đây. Đền thờ vua Hùng được đặt ở chính giữa hang, tượng vua được tạc bằng đá, trông rất sinh động.

Nguyễn Trãi từng viết về đất này: *các sông giao lưu, sóng nước liền trời, cây cối che bờ, thật là nơi hiểm yếu ở biên cảnh*. Tràng Kênh - Bạch Đằng như dấu son đỏ chói ghi vào lịch sử, gợi lòng tự hào sâu sắc về nước non này, về những chiến công hiển hách ba lần chiến thắng quân xâm lược phương Bắc, cùng những trang sinh động về cuộc sống của ông cha thời dựng nước. Những di tích bãi cọc, hang động ở chân núi U bò, núi Phụng Hoàng, nơi dấu quân, nơi Quốc công Tiết chế Trần Hưng Đạo đánh trống chỉ huy trận đánh. Đền thờ Trần Quốc Bảo còn đó rêu phong. Trong những năm 1960 - 1970, nhiều nhà khảo cổ đã khai quật, phát hiện những ngôi mộ

cổ, có bếp đun nấu và trên 30 mảnh gốm, nhưng giá trị nhất là 3.476 hiện vật bằng đá quý. Đó là những chiếc rìu nhỏ xinh xắn, những chiếc vòng trang sức tròn nhẵn bóng chứng tỏ người thợ đá cổ Tràng Kênh thời xa xưa đã đưa kỹ thuật chế tác đồ đá lên đỉnh cao nghệ thuật. Người Tràng Kênh thời Hùng vương đã biết làm nông nghiệp, chăn nuôi, đánh cá, săn bắn tê giác, voi, hổ, báo, lợn rừng, hươu, nai, ba ba, rùa, rái cá, làm gốm, đúc đồng, thì người Thủy Nguyên nay cũng lắm nhân tài và sản vật.

Bây giờ Tràng Kênh - Bạch Đằng đã trở thành khu công nghiệp phía đông bắc của thành phố. Nơi đây có các xí nghiệp khai thác đá nung vôi hoá chất, đất đèn Tràng Kênh, có Nhà máy xi măng Chinfon với biểu tượng hoa Đào. Ở cửa sông Giá trông ra sông Bạch Đằng có Nhà máy sửa chữa tàu biển Phà Rừng do Phần Lan giúp ta xây dựng, có âu đả hiện đại. Biết bao nhiêu con tàu viễn dương đã vào đây để được trẻ lại với đại dương.

Hồi niệm về những chiến công oanh liệt Tràng Kênh - Bạch Đằng càng thấy trân trọng: *nước trời một sắc, phong cảnh ba thu, bờ lau kiếm nát*, càng đồng cảm với cách nói đầy tự hào của Phạm Sư Mạnh ở thế kỷ 13:

Non sông vượng khí Bạch Đằng thu!

Theo các nhà nghiên cứu, Tràng Kênh là một di chỉ khảo cổ học, một công xưởng chế tác đồ trang sức bằng đá lớn nhất vùng Đông bắc Tổ quốc, có niên đại cách ngày nay gần 4000 năm, thuộc sơ kỳ thời đại kim khí. Từ buổi khai sơn, phá thạch, tạo dựng cuộc sống, người Tràng Kênh với bàn tay khéo léo đã chế tác ra những đồ trang sức bằng đá tinh xảo, với những vòng tay, hoa tai, chuỗi hạt đa dạng, phong phú, đầy màu sắc. Thông qua các cuộc khai quật và nghiên cứu, các nhà khảo cổ học đã kết luận rằng: Tràng Kênh cách đây gần 4000 năm đã thực sự là một công xưởng chế tác đồ đá có quy mô lớn, sản phẩm của nó không chỉ được trao đổi ở nội địa, mà còn vượt biển tới các nước Đông Bắc Á và Đông Nam Á. Trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, vùng đất này được coi là một phen đậu chống giặc ngoại xâm.

Dấu ấn lịch sử để lại đến nay cho biết, Tràng Kênh là một trận địa quan trọng trận thủy chiến Bạch Đằng năm 1288 do Quốc công Tiết chế Trần Hưng Đạo chỉ huy, đánh tan đội quân xâm lược Nguyên - Mông thế kỷ XIII. Với các địa danh đã đi vào sử sách dân tộc như núi U Bò, Hoàng Tôn, Phụng Hoàng hay cửa Bạch Đằng, nơi hợp lưu của 3 con sông đổ về, cùng các dấu tích về những trận địa cọc hay những địa danh như Áng Hồ, Áng Lác cho biết vùng đất này đã ghi dấu về một chiến trường do quân và dân triều Trần bày trận đón đánh quân thù. Ngày nay dưới chân núi Hoàng Tôn trong hệ thống núi đồi ở Tràng Kênh còn ngôi đền thờ một vị tướng của vương triều Trần. Đó là đền thờ Trần Quốc Bảo. Ông thuộc tôn thất nhà Trần có công trong trận Bạch Đằng năm 1288, khi mất được nhân dân địa

phương lập đền thờ. Theo nội dung tấm bia dựng vào niên hiệu Vĩnh Tộ thứ 8 (1626) đời vua Lê Thần Tông, ngôi đền được xây dựng ở nơi có thắng cảnh đẹp vào hạng thứ nhất của xứ Hải Dương.

Tràng Kênh - Bạch Đằng, một địa danh lịch sử từ lâu đã đi vào tiềm thức của người dân thành phố Hải Phòng như một ký ức không thể nào quên về một chiến công vĩ đại chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta cách đây trên 7 thế kỷ. Cùng với nhiều di sản mang những nội dung lịch sử văn hóa có giá trị, Tràng Kênh - vùng đất thuộc thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã được nhà nước xếp hạng di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh năm 1962...[10], [12].

2.2.3- Các lễ hội

2.2.3.1- Hội hát Đúm Thủy Nguyên

Hình thành và phát triển trên vùng đất có lịch sử lâu đời, nơi sinh tụ của những nền văn hóa thuần Việt như văn hóa đồ gốm Tràng Kênh, đồ đồng Việt Khê (2)..., hát đúm đã có một thời gắn bó với những buồn vui của cư dân Thủy Nguyên và là một sinh hoạt văn hóa phổ biến trên vùng đất ven biển này.

Lâu nay, khi nói tới hát đúm, nhiều người thường nhắc tới khái niệm *đàn đúm* hoặc là "lối hát dân gian dịp hội hè đầu xuân ở miền Bắc, Việt Nam do nhiều thanh niên trai gái cùng tham gia, thường ở dạng đối đáp" và tên gọi hát đúm thường gắn với địa danh Thủy Nguyên - Hải Phòng. Tuy nhiên, chúng tôi muốn nói thêm rằng, hình thức ca hát mang tính cộng đồng, cộng cảm như vậy còn thấy ở nhiều loại hình dân ca. Riêng với hát đúm, ngoài khái niệm nghiêng về tính hình thức, còn là đặc trưng của một loại hình, làn điệu thuộc thể loại dân ca đối đáp của người Việt. Hơn nữa, ở Thủy Nguyên chỉ có ba địa danh: xã Phục Lễ, Phả Lễ, Lập Lễ thuộc tổng Phục Lễ xưa, được coi là cái nôi của hát đúm người Việt ở vùng ven biển Bắc Bộ.

Theo người dân vùng ven biển Thủy Nguyên - Hải Phòng thì hát đúm đã có ở đây cách ngày nay khoảng bảy, tám trăm năm (khoảng TK XIII - thời nhà Trần), nhưng có lẽ phải tới TK XVI (thời nhà Mạc), sau khi chùa Kiến Linh được tạo dựng ở Phục Lễ thì nó thực sự mới được hát trong lễ hội chùa. "Chùa Kiến Linh có bia tạo năm Thuận Phúc 2 (1563) và Bình Dân (1566) thời Mạc, nội dung nói đất Phục Lễ địa linh nhân kiệt, Lê Thái Tổ (Lê Lợi) từng đến thăm".

Là loại hình dân ca hình thành trong môi trường lao động, sau đó trở thành dân ca trong lễ hội, hát đúm vùng tổng Phục - Thủy Nguyên đã gắn với những sắc thái văn hóa độc đáo của cư dân ven biển. Trong xã hội xưa, một trong những tục lệ phổ biến có liên quan đến hát đúm ở đây là tục bịt khăn che mặt của phụ nữ. Đến những năm 60 của TK XX, nếu ai có dịp về vùng tổng Phục - Thủy Nguyên thì vẫn được chứng kiến cảnh các cô thôn nữ

thường che kín mặt bằng chiếc khăn đen mỏ quạ, chỉ để hở hai con mắt trong lúc làm việc cũng như trong sinh hoạt hàng ngày. Các cụ kể lại rằng, xưa ở tổng Phục, đặc biệt là Phục Lễ, Phả Lễ, Lập Lễ khi khách đến chơi nhà, nếu gặp các cô gái mà muốn hỏi thăm thì rất khó, vì bình thường họ đã bịt khăn che kín mặt, nhưng thấy khách lạ, họ càng kín đáo hơn, thậm chí e thẹn trốn xuống nhà dưới không trả lời khách, càng gọi càng không thấy mặt. Thói quen bịt khăn còn được duy trì đến khi các cô gái ra tham gia hội hát đúm đầu xuân ở chùa làng. Trong hội, khi bắt đầu hát, không cô gái nào bỏ khăn mà còn che kín mặt hơn. Họ thường đi thành tốp năm, sáu người, khi vào cuộc hát với bên nam, các chàng trai chỉ thấy nghe tiếng hát phát ra trong tốp nữ mà không nhìn thấy mặt ai. Chàng trai nào diễm phúc được xem mặt một cô nào đó thì chắc chắn phải chiếm được cảm tình của đối tượng, sau khi đã hát đối đáp với nhau khá nhiều bài. Nếu trường hợp hai bên hát với nhau một số bài mà cô gái vẫn không “mở mặt”, nghĩa là không “tâm đầu ý hợp”, chàng trai phải chọn người khác để làm quen và mời hát.

Xưa, trong xã hội cổ truyền, nếu hát đúm vùng tổng Phục hấp dẫn và lôi cuốn mọi người bởi những câu hát tình tứ, thơ mộng, thì tục bịt khăn che mặt của phụ nữ lại tạo ra sự tò mò, cuốn hút khách thập phương. Rồi trải qua năm tháng, tục cổ này đã trở thành nét văn hóa độc đáo. Bịt mặt ắt phải có... mở mặt, đây chính là chi tiết hấp dẫn đối với du khách xa gần, thậm chí với cả những người dân ở các làng bạn. Khi các cô gái mở mặt để hát đối đáp với các chàng trai, mọi người không khỏi trầm trồ, vì cô nào mặt cũng đẹp, da trắng, môi đỏ, mắt đen láy như hạt na...

Như nhiều loại hình văn hóa nghệ thuật dân gian khác, hát đúm ở tổng Phục cũng trải qua những biến cố, thăng trầm. Có lúc, sinh hoạt hát đúm còn bị cấm đoán bởi quan niệm sai lệch, vì có người cho rằng hát hò, cầm tay nhau là “không lành mạnh”. Dầu vậy, sinh hoạt hát đúm ở tổng Phục vẫn được duy trì, được người dân địa phương yêu thích.

Hành trình này sẽ đưa du khách về với không gian của lễ hội hát Đúm. Hát đúm ở đây rất giàu làn điệu: trống quân, cò lả, sa mạc, lý giao duyên. Vào hội, một khi bên nữ - vốn hay đột ngột chuyển làn điệu trong khi hát mà phía bên nam không kịp đổi là thua. Hát đúm ở Phục Lễ gắn với Hội mở mặt. Con gái Phục Lễ quanh năm dùng khăn chít che mặt chỉ để hở hai đôi mắt đen như hạt nhãn. Ngày hội mở mặt còn được coi là ngày các cô gái thi sắc đẹp, làm quân cò người. Chiếc khăn tung ra để lộ những khuôn mặt trắng mịn, môi hồng như hoa lựu, làm cho Hội thi hát đúm thêm say mê, hào

húng. Thẻ lệ hát được quy định khá chặt chẽ, tốp hát cùng giới (nam hoặc nữ) thường là những người cùng lứa tuổi, không hát với người trong gia đình, họ tộc (anh em ruột, chồng, anh em chồng, chị dâu, em dâu...). Mọi người cho rằng thú vị nhất là hát với người làng bên (hát đúm là của cả tổng Phục). Đã ra đến hội và đi hát, tất cả các ông chồng hay bà vợ không được ghen khi thấy vợ (hay chồng) mình cầm tay người khác để hát (vì có tục khi hát thường nắm cổ tay nhau).

Khi hát, bạn hát (đặc biệt là nam) không được chọn các từ nghĩa khó hiểu cho bạn hát của mình. Khi ứng đối không được, bạn hát có thể nhờ bạn hát trong tốp hát của mình ứng đối hộ, sau đó họ lại có thể tiếp tục cuộc hát, người hát không được dừng hát giữa bài (khổ thơ đối) bởi như vậy sẽ bị phạt: phải mời những người đi hát uống rượu, ăn quà.... Cuộc hát được tuân thủ theo các bước (hát) sau:

- Hát chào mừng (lời chào và làm quen).
- Hát thăm hỏi - mời (hỏi gia cảnh, tình ý cha mẹ và mời đến chơi nhà).
- Hát đố - giảng (thường đố với các hiện tượng thiên nhiên cảnh vật, nghề nghiệp...).
- Hát hoạ (ví - lấy môi trường thiên nhiên, tích truyện để ứng ví với tình cảm).
- Hát huê tình (lời hát bày tỏ tình cảm kết nghĩa bạn bè hoặc kết tình chồng vợ, cuối còn có hát thách cưới).
- Hát ra về (hát chia tay).

Hãy nghe bên nữ hát đố:

*Tam sơn, tứ hải, nhất phân điền
Chàng mà giải được, em liền theo không?*

Bên trai hát giải:

*Tam sơn là núi, tứ hải là sông
Nhất phần điền là ruộng, theo không là nàng.*

Và bên trái tách ra, một chàng cầm tay cô gái hát giao duyên:

*Thấy em vừa đẹp, vừa xinh
Anh thuận nhân tình, anh nắm cổ tay
Nắm rồi, anh hỏi cổ tay
Ai nặn nên trắng, ai day nên tròn?*

Rồi chàng kể nỗi gian truân:

*Vì nàng anh phải đi đêm
Ngã năm ba cái, đất mềm không đau
Vì nàng anh phải đi thăm
Ngã sứt đầu gối, ngã thâm bánh chè!*

Bên gái cũng bộc lộ tình cảm:

*Yêu nhau quá đôi quá chùng
Trèo non quên mệt, ngậm gừng quên cay.*

Không ít các chàng trai, cô gái vì cảm mến nhau qua lời ca, điệu múa mà rồi nên vợ nên chồng. Và vì thế, hát đúm luôn là lễ hội hấp dẫn, trẻ trung, trở thành nét đặc trưng trong kho tàng văn hoá truyền thống của vùng đất này.

Theo truyền thống, ngày bắt đầu của hội hát đúm đồng thời cũng là ngày những cô gái của Tổng Phục bỏ chiếc khăn mỏ quạ bịt mặt trong suốt cả năm. Vì thế, hội hát đúm ngày xuân cũng còn là ngày hội mở mặt. Trong những ngày này, các chàng trai, cô gái Tổng Phục (trước đây, ba xã Phục Lễ, Phả Lễ và Lập Lễ thuộc Tổng Phục) thường tập trung để hát đúm tại đình Phục Lễ, một trong những ngôi đình lớn.

Hát đúm cũng có thể diễn ra ở trên đường đi, ngoài cánh đồng khi các tốp trai thanh, gái lịch trong những bộ quần áo truyền thống ngày hội gặp nhau. Họ nắm tay nhau say sưa hát đối những làn điệu giao duyên thể hiện khát vọng về tình yêu đôi lứa thông qua nhiều câu hát ví von mang đậm chất dân gian của vùng quê.

Cho đến hôm nay, chúng ta vẫn không thể khẳng định hát đúm có từ bao giờ. Các cụ già ngoài 80 tuổi ở Phả Lễ và Phục Lễ cho chúng tôi biết, từ

khi còn nhỏ tuổi các cụ đã theo người lớn tuổi đi nghe hát đúm. Những canh hát đúm có khi kéo dài nhiều ngày mà vẫn đầy sức quyến rũ các chàng trai, cô gái Tổng Phục. Bài bản của hát đúm rất phong phú. Đầu tiên, khi mới gặp nhau là những câu hát chào, những câu hát mừng. Tiếp sau đó có thể là hát hỏi, hát đố, hát họa, hát huê tình, hát cưới... và cuối cùng là hát ra về.

Trong góc tiếp cận về phương diện âm nhạc học thuần túy, hát đúm không phức tạp và ở cấp độ cao như hát quan họ Bắc Ninh. Thậm chí, các làn điệu âm nhạc mới chỉ ở cấp độ đầu trong tương quan của các hình thái sinh hoạt âm nhạc dân gian Việt Nam. Nhưng nếu nhìn nhận hát đúm trong cách tiếp cận tổng thể một hiện tượng văn hóa dân gian lại là vấn đề không đơn giản, đòi hỏi nhiều trí tuệ của các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian. Hát đúm sinh ra từ chính nhu cầu của người dân lao động, được bao thế hệ nghệ nhân sáng tạo không ngừng qua năm tháng, và đến hôm nay vẫn là hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian được nhiều người yêu thích nhất ở miền quê này.

Về quê hương hát đúm, du khách gặp cảnh nô nức đi nghe hát đúm của già trẻ, gái trai nơi đây. Khi nghe hát, nếu trên gương mặt người già dường như bừng lên, ánh lên những kỷ niệm của một thời tuổi trẻ cùng những canh hát đúm say sưa, đắm thắm, mà không ít cặp hát sau đó đã nên vợ, nên chồng. Nếu như các anh chị trung niên đến đây không chỉ thưởng thức những làn điệu dân gian vốn là tài sản vô giá của cha ông để lại, mà còn tâm chí hướng về trách nhiệm bảo tồn cho thế hệ mai sau loại hình văn hóa độc đáo này, thì trên gương mặt của những cô bé, cậu bé là sự đắm chìm trong những làn điệu dân ca, gọi cho chúng ta cảm giác hình như dòng máu đang chảy trong huyết quản của chúng ngoài nhu cầu tiếp nhận ô-xy trong không khí, còn có cả nhu cầu tiếp nhận những âm hưởng dân ca vốn đã vang vọng từ bao đời.

Kỳ diệu thay sức sống của văn hóa dân gian. Nó không chỉ làm giàu thêm thế giới tâm cảm của con người, mà còn làm cho cuộc sống trở nên có ý nghĩa hơn. Và đó cũng chính là cơ sở cho niềm tin về sức sống trong tương lai của loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian hát đúm độc đáo này ở huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng. Đã từ lâu hàng năm cứ vào ngày mùng 4 đến ngày mùng 10 tháng giêng âm lịch, tổng Phục lại mở Hội làng. Hội làng đầu xuân có rất nhiều cuộc thi: Thi cỗ bánh, thi dệt cửi, thi đánh đu, đánh vật, đánh cờ...nhưng cuốn hút nhất vẫn là thi hát Đúm. Ngày Hội trên sân chùa có nhiều cặp hát, cặp hát nào giọng hát trong và cao, lời hát phong phú hấp dẫn đông người xúm quanh nghe hát. Trên sân chùa rộng kê nhiều bàn hát, khách phương xa muốn thưởng thức nghệ thuật hát Đúm thì ngồi vào hai tràng kỷ của bàn hát, sẽ có người tới hát cho nghe. Hát Đúm còn diễn ra trên bãi, trên đường. Đâu đâu từ mờ sáng cho đến tận khuya vẫn còn nghe tiếng hát véo von của các cặp trai gái đang say hát. Ngày Hội làng, có

cặp hát với nhau từ mờ sáng tới lúc trăng lên, cá biệt còn có cặp hát với nhau được hai ngày liền.

Người hát phải hát được nhiều làn điệu như: Cò lả, trống quân, quan họ, sa mạc...Giai điệu gần với hát ví của đồng bằng Bắc Bộ nhưng khác ở chỗ luyến láy, nhấn giọng. Nội dung nói về tình yêu đôi lứa là chính, nên thường dành cho thanh niên. Nét đặc sắc của hát Đúm tổng Phục là ứng khẩu, tùy hứng từ những hoàn cảnh cụ thể nên đòi hỏi người hát phải thông minh, nhanh trí. Trình tự của cuộc hát đúm thường là gặp gỡ, hát chào, hát mừng, hát hỏi, hát mời trầu, hát cưới, kết thúc là hát tiễn, hát ra về. Trong hoàn cảnh cụ thể có thể hát họa, hát mời đến chơi nhà, hát khuyên nhau đi học, hát đi lính, hát gửi thư... Ngày xưa “miếng trầu là đầu câu chuyện” trai gái đến hội gặp nhau mời hát phải mời trầu. Nếu không có trầu mời hát, các cô gái sẽ hát hỏi trầu.

Hát Đúm gắn liền với hội mở mặt, ở tổng Phục (Thủy Nguyên) các cô gái bắt đầu vào tuổi dậy thì, tục lệ là phải bịt mắt bằng khăn vuông đen, chỉ để hở đôi mắt. Họ mong đợi ngày hội mở mặt, trai gái hy vọng tìm hiểu nhau để sau đó nên vợ, nên chồng. Do đó, hát Đúm Thủy Nguyên không đặt ra chuyện thắng thua. Nếu như cuối buổi hát, bên nam thua phải trao ô, bên nữ thua phải trao khăn thì cũng chỉ là vật kỷ niệm của tình yêu. Hát Đúm tổng Phục Thủy Nguyên là loại hình nghệ thuật đặc sắc, góp phần làm phong phú văn hóa dân gian Hải Phòng. Di sản văn hóa ấy cần được kế thừa và phát huy [9], [13].

2.2.3.3- Hội Đu xuân Thủy Nguyên

Khách du lịch biết đến Thủy Nguyên - với những di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh đẹp bậc nhất của Hải Phòng như: đình Kiền Bái, đền Lê Ích Mộc, chùa Hoàng Pha, đình chùa Trịnh Xá, hang Vua...hẳn sẽ thấy thích thú hơn nếu được hòa mình trong không khí lễ hội với nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật dân gian đặc sắc diễn ra trong những ngày Tết cổ truyền của dân tộc.

Hàng năm vào dịp Tết nhiều nơi ở huyện Thủy Nguyên như: xã Thiên Hương, Thủy Sơn, Thủy Đường, An Lư, Hòa Bình, Thủy Triều, Tam Hưng, Liên Khê, Lưu Kiếm... thường tổ chức vui xuân bằng cách trồng cây đu quen thuộc

Theo truyền ngôn của các già làng địa phương huyện Thủy Nguyên thì Đu xuân ở đây đã có từ lâu. Đây là một trong những trò chơi của ngày hội xuân khá hấp dẫn, là trò chơi thể thao dân tộc và được tuổi trẻ rất thích, là dịp để trai, gái gặp gỡ nhau.

Trước ngày hội, khoảng 28 đến 29 tháng Chạp âm lịch tại các bãi đất khô ráo, rộng rãi mỗi địa phương đều trồng từ một đến nhiều cây đu trên nhiều địa điểm khác nhau. Họ chọn cây tre to, dài, để trồng đu. Một cây đu

có thể được trồng bởi 4-6 cây tre to. Cần đu cũng là những cây tre dài nhưng thon nhỏ, thường phải là tre đực để lúc người đu nắm vào cho gọn và chắc tránh xảy ra trượt hay tuột tay lúc đu nhanh, mạnh.

Chơi đu cũng giống như một cuộc đua tài đòi hỏi ở bạn sự nhanh nhẹn, tháo vát, dẻo dai và cả sự dũng cảm. Khi một người lên cần đu có thể nhờ một người khác đẩy cho mình có đà. Sau đó là tự người đu nhún tùy ý. Muốn đu được cao, đu đẹp, đu lâu phải có sức khỏe dồi dào và luyện tập công phu. Bắt đu cũng cần phải biết cách và có sức khỏe, nếu không đu vắng sẽ bị ngã, người nào mà bắt được đu thì không ai tranh nữa. Đó là quy định chung của hội, khi đu lúc muốn xuống phải báo hiệu cho mọi người biết bằng cách khép tay đu lại vòng qua ngực.

Tùy theo sở thích bạn có thể chọn đu một người, hoặc đu đôi nam nữ, một trai một gái. Nhưng đẹp nhất vẫn là đu đôi, các đôi trai gái ưng ý lựa chọn nhau lên đu, người nhún người đẩy. Tài năng và lòng dũng cảm của các chàng trai cô gái được phô bày ở đây như dịp tự thể hiện bản thân. Nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương đã miêu tả trò chơi đu rằng:

*“Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới
Đôi hàng chân ngọc duỗi song song”*

Không khí ngày tết xung quanh gốc đu hết sức đông vui, người dân nơi đây thường có tục chơi đu, tết mà không có đu thì không phải là tết. Các thanh niên trai tráng trở tài, các cụ già cũng góp vui vài kiểu nhúm lão luyện và đẹp mắt, mọi người xung quanh quây quần bên dưới chiêm ngưỡng và reo hò khi có những đường đu đẹp mắt. Bên cạnh đó là những trò tập thể như đá bóng hay cờ người.

Chơi đu xuân là một trò chơi thể thao dân tộc có từ lâu đời được tuổi trẻ rất thích, là dịp trai gái gặp gỡ nhau thi tài tìm hiểu và cũng là một nét văn hóa đậm sắc dân gian của người dân nơi đây [9], [13].

2.2.4- Làng nghề truyền thống

Một trong những tài sản văn hoá quý báu của huyện là các làng nghề truyền thống. Căn cứ vào kết quả khảo sát trong toàn thành phố, Hải Phòng hiện có 12 làng nghề được công nhận đủ tiêu chuẩn để tập trung đầu tư phục vụ phát triển du lịch. Trong số đó huyện Thủy Nguyên đứng đầu thành phố kể cả về số lượng và đặc thù nghề. Cụ thể cả 5 làng nghề của huyện đều có quy mô cấp toàn xã gồm: nghề đúc Mỹ Đồng, trồng cau Cao Nhân, mây tre đan Chính Mỹ, vận tải An Lư và khai thác đánh bắt thủy sản Lập Lễ. Mỗi một làng nghề đều chứa đựng những nét văn hoá riêng mang tính, đa dạng, phong phú và đặc sắc. Trong xu thế hội nhập, du khảo văn hoá qua các làng nghề hiện nay cũng là một khuynh hướng được nhiều du khách quan tâm. Do vậy các làng nghề truyền thống đang là tiềm năng du lịch quan trọng có

khả năng đóng góp những sản phẩm hữu ích trong việc phát triển du lịch ở Thủy Nguyên.

2.2.5- Các tài nguyên khác

Hiện nay Thủy Nguyên có các dự án sẽ đưa vào hoạt động du lịch trong tương lai như: khu sân golf Sông Giá, khu trung tâm thương mại, du lịch, nghỉ dưỡng VISP (2 dự án này đều nằm ven hồ sông Giá, thuộc địa phận xã Lưu Kiếm), khu thể thao nước ở Minh Tân. Đây là các dự án du lịch trọng điểm của Hải Phòng, vì vậy Thủy Nguyên trong tương lai không xa có khả năng trở thành một điểm đến lý tưởng của du khách

TIỂU KẾT CHƯƠNG II:

Thủy Nguyên là một huyện có lịch sử lâu đời, là một trong những cái nôi của nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc của nước ta. Lịch sử ngàn năm bồi đắp và hội tụ đã để lại cho vùng đất này nhiều di tích lịch sử - văn hoá quý báu. Thủy Nguyên còn là quê hương của nhiều lễ hội hấp dẫn và làng nghề truyền thống nổi tiếng.

Như vậy, tài nguyên du lịch nhân văn của Thủy Nguyên khá phong phú và có giá trị cao. Nếu được đầu tư và khai thác tốt có thể mang lại sức hút lớn chẳng những đối với khách du lịch trong nước, mà cả khách quốc tế.

CHƯƠNG III

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH VĂN HOÁ VÀ XÂY DỰNG MỘT SỐ TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VĂN HOÁ Ở HUYỆN THỦY NGUYÊN

3.1 ĐÔI NÉT VỀ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH Ở HUYỆN THỦY NGUYÊN

3.1.1- Các loại hình du lịch đang được khai thác

Với tài nguyên du lịch phong phú việc phát triển du lịch ở huyện Thủy Nguyên có thể làm tốt các loại hình du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng cuối tuần, du lịch văn hóa, lễ hội, thể dục thể thao... Các loại tài nguyên du lịch Thủy Nguyên đang được tổ chức khai thác là:

- Du lịch tham quan các danh lam thắng cảnh: hang Vua, hang Lương, hang Luồn, hang Ma, du thuyền sông Giá...

- Du lịch tham quan các di tích lịch sử - văn hoá như: đền Trần Quốc Bảo, đền An Lư, đình Kiên Bái, đền thờ Trạng nguyên Lê Ích Mộc, chùa Lâm Động, chùa Mỹ Cù...

- Du lịch tham quan kết hợp nghiên cứu, khảo cổ: khu mộ cổ Việt Khê, khu di tích Thành nhà Mạc, di chỉ khảo cổ Tràng Kênh, khu di tích bãi cọc Bạch Đằng...

3.1.2- Lượng khách đến và thị trường khách

- *Lượng khách:*

Hiện nay ở huyện Thủy Nguyên chưa có bộ phận nào chịu trách nhiệm về việc theo dõi và thống kê số lượng khách cụ thể. Tuy vậy, Ban quản lý ở một số di tích và danh lam thắng cảnh của địa phương cũng đã có những cố gắng theo dõi và ghi lại số liệu về lượng khách hàng năm đến với cơ sở của mình.

Đền Trần Quốc Bảo trung bình hàng năm có khoảng 30.000 khách, trong đó có khoảng 3% khách quốc tế. Đình Kiên Bái thu hút hàng năm khoảng 20.000 khách, trong đó có khoảng 5% khách quốc tế. Làng nghề trồng cau Cao Nhân mỗi năm cũng đón hơn 1000 khách, trong đó có 10% khách quốc tế. Riêng tháng 3/2010 đã đón 60 khách du lịch nước ngoài đến tham quan. Lượng khách nội địa đến với các đình, chùa, đền, miếu tập trung cao vào các ngày lễ hội, nhất là những ngày đầu xuân, sau Tết nguyên đán, có ngày tới mấy ngàn người, chủ yếu là khách đi lẻ. Khách quốc tế đến rải rác trong năm, chủ yếu do các công ty lữ hành tổ chức. Các danh lam thắng cảnh nổi tiếng như: sông Bạch Đằng, hang Vua, sông Giá... cũng thu hút được khá nhiều người đến tham quan, vào dịp hè mỗi ngày, mỗi nơi có từ 5 – 10 đoàn tới thăm [12].

- Thị trường khách:

+ Khách nội địa:

Khách du lịch nội địa đến với Thủy Nguyên chủ yếu là những học sinh, sinh viên của Hải Phòng hoặc các tỉnh giáp ranh. Với trí tò mò và lòng ham mê khám phá, họ thường tự tổ chức các chuyến đi vào dịp hè, cuối tuần hay thời gian đầu xuân mới. Những người dân địa phương, người dân các vùng lân cận như Hải Dương, Quảng Ninh, Thái Bình, Hà Nội... cũng thường ghé thăm nơi đây khi thực hiện các chuyến hành hương về Yên Tử hay Cửa Ông.

+ Khách quốc tế:

Phần lớn khách du lịch quốc tế là những người nước ngoài sống và làm việc tại các khu công nghiệp của Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên. Thành phần chủ yếu là người Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hà Lan, Philippin... Nhu cầu du lịch của họ rất đa dạng: tham quan, du ngoạn, nghỉ dưỡng cuối tuần, nhu cầu khảo cổ, sinh hoạt văn hoá lễ hội... Đôi khi họ có những tour nghiên cứu và tìm hiểu về các chợ xưa tại huyện.

3.1.3- Cơ sở lưu trú, ăn uống, phục vụ cho du lịch

Hiện nay ở Thủy Nguyên có ba khách sạn tư nhân, trong đó có hai khách sạn với mức độ tiện nghi trung bình, một khách sạn 2 sao. Đó là khách sạn Cty View (Tân Dương), Toàn Minh (Núi Đèo) và My Sơn (Minh Đức). Thủy Nguyên có khá nhiều nhà hàng phục vụ ăn uống, nhưng hầu hết đều nhỏ và chất lượng còn hạn chế. Chưa có nhà hàng nào đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch quốc tế với đúng yêu cầu đạt ra.

3.1.4 - Các dịch vụ du lịch khác

Các dịch vụ du lịch khác hầu như chưa được tổ chức một cách chu đáo theo tiêu chuẩn và yêu cầu của quy trình phục vụ khách du lịch. Cư dân địa phương tham gia vào hoạt động du lịch một cách tự phát theo yêu cầu mở hội của các di tích và danh lam. Khi có hội chùa hay đền, miếu họ mở bãi trông xe, bán đồ lưu niệm, hàng ăn, hàng nước phục vụ lễ hội, tan cuộc họ lại quay về cuộc sống thường ngày.

3.1.5- Một số nhận xét

Theo ông Trần Đức, Trưởng phòng Quy hoạch - Đầu tư Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch Hải Phòng thì phần lớn các điểm du lịch tại Thủy Nguyên mới chỉ ở dạng tiềm năng, vì vậy để xúc tiến một tuyến du lịch hoàn chỉnh tại đây sẽ còn rất nhiều việc phải làm vì chưa có tính xã hội hóa

Hiện nay chưa có một bộ phận nào của huyện chuyên trách về hoạt động du lịch. UBND huyện chỉ giao cho Phòng Văn hoá Thông tin nhiệm vụ quản lý và tổ chức các lễ hội lớn: lễ hội Đền thờ Trần Quốc Bảo, đền thờ Trạng Nguyên Lê Ích Mộc, lễ hội Kỷ niệm chiến thắng quân Nguyên Mông trên sông Bạch Đằng lịch sử... còn đối với các lễ hội thông thường thì các xã

lại uỷ nhiệm cho các Ban Thông tin, Ban Quản lý của địa phương tại các di tích có trách nhiệm trông coi, bảo vệ, mở hội.

Một vấn đề quan trọng nhất của các tour du lịch là giao thông và quản lý hành chính, nhưng đây lại là vấn đề khó khăn đối với Thủy Nguyên. Một số tuyến đường để vào được các điểm tham quan vừa nhỏ, vừa xấu không “kham” nổi các phương tiện chở khách cỡ lớn. Các điểm du lịch đã và đang được khai thác hiện tại lại chưa được các địa phương bảo tồn, còn nặng về quản lý theo cách trông coi. Chẳng hạn như đền thờ trạng nguyên Lê Ích Mộc, một điểm du lịch đang trong quá trình hoàn thiện không có người thường trực đón tiếp khách. Hang Vua (xã Minh Tân) trong hệ thống hang động thuộc tuyến Hạ Long cạn lại bị bỏ hoang và cấm người vào; sông Giá có cảnh quan tuyệt đẹp nhưng lại không có phương tiện chuyên chở khách; sản phẩm lưu niệm cho khách, thuyết minh điểm đến hầu như chưa có gì... Theo Lãnh đạo Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch thành phố, những khó khăn này sẽ được giải quyết triệt để nếu như các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương cùng “nắm tay” nhau vào cuộc. Tính xã hội hóa của tuyến du lịch này được nâng cao khi có sự tham gia của người dân tại các địa phương có điểm đến. Người dân sẽ tham gia hướng dẫn, thuyết minh, bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh trật tự và chế tác hàng lưu niệm.

Các tài nguyên du lịch đã được khai thác nhưng không theo quy hoạch cụ thể, hầu như vẫn mang tính tự phát. Đối với tài nguyên thiên nhiên cũng chỉ khai thác về mặt kinh tế đơn thuần, chưa có sự gắn kết tích cực giữa các di tích và danh lam thắng cảnh. Đối với tài nguyên du lịch văn hoá, việc khai thác cũng chỉ phát triển ở giai đoạn đầu và trong một phạm vi rất hẹp. Các hoạt động du lịch văn hoá ở đây đa số mang tính tự phát, chưa có đầu tư nghiêm cứu thị trường, chưa có các hoạt động quảng bá để thu hút khách...

Vậy vấn đề đặt ra là vì sao du lịch văn hoá ở Thủy Nguyên chưa phát triển tương xứng với tiềm năng của nó? Có rất nhiều nguyên nhân song nhìn chung là có một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Số lượng chương trình nghiên cứu đánh giá tài nguyên du lịch còn hạn chế, mới chỉ có một số nghiên cứu về du lịch sinh thái, khu sân golf cao cấp... còn các di tích gần như bị lãng quên.

- Quy hoạch du lịch hiện nay là một vấn đề cấp bách đối với huyện, bởi hiện nay chưa có một quy hoạch cụ thể, chính thức khoanh vùng hoặc xây dựng các tuyến điểm để phục vụ du lịch.

- Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật du lịch của huyện vẫn chưa phát triển đồng bộ. Hiện mới chỉ có đường quốc lộ số 10 chạy qua Thủy Nguyên sang Quảng Ninh. Có một số tuyến đường do dân địa phương tự làm nhưng chất lượng không cao, trọng tải kém. Có một số bến để đón khách nhưng khá sơ sài.

- Các điểm du lịch văn hoá hầu hết đang xuống cấp cần sự đầu tư đúng mức của các nhà hảo tâm và chính quyền địa phương cũng như thành phố. Một số điểm du lịch văn hoá được tu sửa song kiến trúc nghệ thuật đậm nét dân tộc đã bị phá huỷ. Những cột gỗ lim lâu năm đã được thay thế bằng những cột xi măng đồ sộ. Những bức phù điêu tinh tế đã không còn. Đó là sự đầu tư thiếu hiểu biết về văn hoá, làm giảm giá trị lịch sử của khu di tích

Vấn đề về đội ngũ lao động chuyên nghiệp trong lĩnh vực du lịch của huyện cũng là một vấn đề khá là mới mẻ, vì trên địa bàn huyện chưa có một tổ chức nào chuyên trách về du lịch.

Vấn đề môi trường đang là một mối lo ngại lớn đối với việc phát triển du lịch ở Thủy Nguyên trong hiện tại và tương lai. Hiện nay các dãy núi đá vôi đang bị khai thác một cách bừa bãi, các nhà máy gạch, xi măng, và các lò vôi xả khí thải làm ô nhiễm môi trường xung quanh gây nên hậu quả khá nghiêm trọng ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động du lịch.

3.3- XÂY DỰNG MỘT SỐ TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VĂN HOÁ DỌC CÁC SÔNG QUANH HUYỆN THỦY NGUYÊN

3.3.1- Phương pháp xác định các tuyến điểm du lịch văn hoá

3.3.1.1- Phương pháp đánh giá tổng hợp tài nguyên

Để đảm bảo việc xác định tuyến điểm du lịch có tính chất tổng hợp cao cần lượng hoá đến mức tối đa các chỉ tiêu dựa trên các đánh giá định lượng và định tính các đối tượng tài nguyên và các điểm du lịch.

Đối với mỗi chỉ tiêu cụ thể có hệ thống điểm là 4, 3, 2, 1 căn cứ vào bốn mức độ khác nhau từ cao tới thấp. Dựa vào tầm quan trọng của các chỉ tiêu để có hệ số thích hợp, bao gồm:

- Chỉ tiêu có ý nghĩa rất quan trọng, mang hệ số 3, tương ứng với thang điểm 12, 9, 6, 3. Đối với các điểm du lịch văn hoá của huyện Thủy Nguyên hiện nay đó là: Độ hấp dẫn của tài nguyên; Hiệu quả kinh tế; Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật.

- Chỉ tiêu có ý nghĩa quan trọng, mang hệ số 2, tương ứng với thang điểm là 8, 6, 4, 2. Đối với các điểm du lịch văn hoá của huyện Thủy Nguyên hiện nay đó là: Vị trí điểm du lịch; Sức chứa khách du lịch; Thời gian hoạt động du lịch.

- Chỉ tiêu có ý nghĩa, mang hệ số 1, tương ứng với thang điểm 4, 3, 2, 1. Đối với các điểm du lịch văn hoá của huyện Thủy Nguyên hiện nay đó là: Độ bền vững của tài nguyên.

Đánh giá tổng hợp tài nguyên dựa trên một số chỉ tiêu theo 4 mức độ được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1: Bảng phân bố hệ thống điểm đối với một số chỉ tiêu được lựa chọn để đánh giá các điểm du lịch văn hoá ở huyện Thủy Nguyên [4].

STT	Thang bậc	1	2	3	4
		Điểm	Điểm	Điểm	Điểm
1	Độ hấp dẫn khách du lịch	Rất hấp dẫn	Khá hấp dẫn	Trung bình	Kém hấp dẫn
		12	9	6	3
2	Hiệu quả kinh tế	Rất cao	Cao	Trung bình	Thấp
		12	9	6	3
3	Cơ sở hạ tầng và cơ sở kĩ thuật	Rất tốt	Tương đối tốt	Trung bình	Kém
		12	9	6	3
4	Vị trí điểm du lịch	Rất thuận lợi	Khá thuận lợi	Trung bình	Kém thuận lợi
		8	6	4	2
5	Sức chứa khách du lịch	Rất lớn	Tương đối lớn	Trung bình	Nhỏ
		8	6	4	2
6	Thời gian hoạt động du lịch	Rất dài	Dài	Trung bình	Ngắn
		8	6	4	2
7	Độ bền vững của tài nguyên	Rất bền vững	Khá bền vững	Trung bình	Kém bền vững
		4	3	2	1

Sự phân hoá các điểm du lịch được thể hiện như sau: rất quan trọng (hay rất thuận lợi) phải đạt số điểm từ 81-100% tổng điểm tối đa; khá quan trọng (hay thuận lợi) phải đạt số điểm 61-80% tổng điểm tối đa; trung bình là 40-60% và kém quan trọng (hay kém thuận lợi) là 25-40%.

3.3.1.2- Đối tượng đánh giá

Là các di tích lịch sử văn hoá, kiến trúc nghệ thuật, các lễ hội, các làng nghề, các đối tượng văn hoá nghệ thuật dân gian, văn hoá ẩm thực,

trang trại, kiến trúc, các công trình đương đại... tuy nhiên việc đánh giá tất cả các di tích là vấn đề khó khăn và phức tạp. Vì vậy người viết chỉ chọn lọc và đánh giá đối với một số điểm du lịch trọng điểm phân bố dọc các sông trong huyện.

3.3.1.3- Kết quả xác định

Qua thực tế áp dụng hệ thống thang điểm nói trên để tính điểm cho các điểm du lịch văn hoá dọc các sông quanh huyện Thủy Nguyên, có thể nhận xét như sau:

- *Về độ hấp dẫn của tài nguyên:*

Huyện Thủy Nguyên là một huyện lớn của thành phố Hải Phòng nơi tập trung nhiều di tích lịch sử - văn hoá như: đình Kiền Bái, đền Lê Ích Mộc, chùa Hoàng Pha, đình và chùa Trịnh Xá, miếu Phương Mỹ, đền Quảng Cư, miếu Thủy Tú, đình An Lư, hang Lương, hang Vua, cụm di tích khu vực Bạch Đằng - Tràng Kênh... Trong đó có nhiều di tích đã được công nhận là di tích lịch sử văn hoá cấp quốc gia. Các di tích lịch sử nơi đây thường tọa lạc ở những vị trí có thiên nhiên kì thú tạo nên các danh thắng đẹp nổi tiếng bậc nhất của Hải Phòng. Vì vậy rất thích hợp cho việc phát triển du lịch văn hoá, hoặc kết hợp du lịch văn hoá với du lịch cuối tuần, du lịch tự nhiên, du lịch kết hợp học tập nghiên cứu...

Về các điểm có mức độ rất hấp dẫn phải kể tới: đền thờ Trạng nguyên Lê Ích Mộc, đền thờ Trần Quốc Bảo, đình Kiền Bái, lễ hội Hát Đúm, lễ hội Đu xuân, di chỉ Việt Khê, di chỉ Tràng Kênh, làng nghề đúc Mỹ Đồng, làng nghề vận tải biển An Lư, mây tre đan Chính Mỹ, làng cau Cao Nhân. Ở mức độ trung bình gồm có: chùa Câu Tử Ngoại, chùa Lâm Động, chùa Lôi Động, cụm di tích Liên Khê, hệ thống điểm du lịch ở xã Minh Tân. Ở mức độ kém hấp dẫn gồm có hệ thống các di tích ở các xã: Hoà Bình, Lưu Kiếm, Kênh Giang, Tân Dương...

- *Về thời gian hoạt động du lịch:*

Đối với loại hình du lịch văn hoá, do đặc điểm của tài nguyên nhân văn là không bị ảnh hưởng bởi tính mùa vụ cho nên hoạt động du lịch của loại tài nguyên này là không giới hạn, nhất là loại hình du lịch tham quan các di tích lịch sử văn hoá. Đối với loại hình du lịch lễ hội thì lại phụ thuộc vào thời gian diễn ra lễ hội, thường được tổ chức vào những tháng đầu năm. Vì vậy

mà ta có thể tổ chức hoạt động du lịch bất kì lúc nào trong năm tại các di tích. Tuy nhiên các lễ hội như hát Đúm, Đu xuân, hội chùa phải tổ chức vào đầu năm.

- Về hiệu quả kinh tế:

Theo nghiên cứu thì nhìn chung hoạt động du lịch hiện nay tại huyện Thủy Nguyên đem lại hiệu quả kinh tế chưa cao so với tiềm năng sẵn có của nó. Chỉ có một vài điểm thu hút đông khách du lịch đó là: đền thờ trạng nguyên Lê Ích Mộc, đền thờ Trần Quốc Bảo, đình Kiền Bái, lễ hội hát Đúm, lễ hội đu xuân, di chỉ Việt Khê, di chỉ Tràng Kênh, làng nghề đúc đồng ở Mỹ Đông. Còn lại nhìn chung là rất kém, nhưng trong tương lai có thể đổi khác, nếu chúng ta tập trung phát triển đúng hướng .

- Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch:

Những năm gần đây, cơ sở hạ tầng của Thủy Nguyên có nhiều tiến bộ. Huyện đã chỉ đạo các ban ngành thực hiện xong quy hoạch chi tiết thị trấn Núi Đèo, thị trấn Minh Đức, khu đô thị Bắc Sông Cấm và lập dự án khai thác tài nguyên hồ Sông Giá. Ngoài ra, huyện còn tiến hành xây dựng 2 nhà máy nước loại nhỏ ở xã Tân Dương, Lập Lễ, xây dựng hệ thống cấp nước ở Lại Xuân, xây dựng 60 bể xử lý chất thải chăn nuôi góp phần cải thiện môi sinh. Tổng mức vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2002 đạt 50,5 tỷ đồng.

Hệ thống giao thông vận tải phát triển khá mạnh về số lượng và chất lượng, cải thiện 1 bước nhu cầu vận chuyển hàng hoá và đi lại của nhân dân. Bên cạnh đó, công tác quản lý phương tiện, giải toả hành lang an toàn giao thông được tăng cường, thường xuyên thực hiện chế độ duy tu, sửa chữa hệ thống đường sá. Năm 2002, huyện đã tiến hành cải tạo, nâng cấp 30 km đường, trong đó có 4,6 km đường huyện quản lý và 25,4 km đường liên thôn, xóm, xã.

Đến nay, huyện Thủy Nguyên đã cơ bản hoàn thành việc bàn giao lưới điện trung áp ở các xã, thị trấn, đưa vào sử dụng 5 công trình bằng nguồn vốn phụ thu và một phần đóng góp của nhân dân trị giá 644 triệu đồng. Bên cạnh đó, ngành Bru điện Thủy Nguyên cũng đạt được nhiều bước tiến vượt

bậc. Trang thiết bị được đầu tư mới khá hiện đại, số lượng máy mới được lắp đặt tăng nhanh, đạt 2,86 máy/100 dân [12].

Vì vậy, phần lớn các điểm du lịch văn hoá đều được đánh giá có cơ sở hạ tầng ở cấp độ tương đối tốt. Nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu của các hãng lữ hành, vì đường vào di tích vẫn bị hẹp, chưa thuận tiện cho các đoàn khách lớn.

Về cơ sở vật chất phục vụ du lịch, hiện nay ở Thủy Nguyên có ba khách sạn tư nhân, trong đó có hai khách sạn với mức độ tiện nghi trung bình, một khách sạn 2 sao. Đó là khách sạn Cty View (Tân Dương), Toàn Minh (Núi Đèo), My Sơn (Minh Đức). Số lượng như vậy là quá ít, chất lượng chưa đạt yêu cầu. Về phân bố, chúng nằm khá xa những điểm du lịch văn hoá, nên chưa thuận lợi cho phát triển du lịch.

- Về sức chứa khách du lịch:

Khu vực Bắc sông Cẩm và khu vực sông Bạch Đằng có sức chứa khá lớn.

Khu vực phía Bắc huyện có sức chứa trung bình. Khu vực trung tâm huyện có sức chứa kém.

- Vị trí và khả năng tiếp cận của điểm du lịch:

Vị trí và khả năng tiếp cận được đánh giá qua các chỉ tiêu về khoảng cách thời gian đi đường, chất lượng các loại phương tiện có thể sử dụng. Các di tích lịch sử văn hoá của huyện Thủy Nguyên nằm tương đối gần nhau và ta có thể dễ dàng di chuyển, hệ thống đường nhựa đảm bảo tốt cho quá trình vận chuyển. Bên cạnh đó hầu hết những di tích đều nằm ven sông vì vậy ta có thể dễ dàng vận chuyển bằng đường thủy.

Nhận xét: nhìn một cách tổng quát thì các tài nguyên du lịch văn hoá của huyện khá thuận tiện cho việc đưa vào khai thác phục vụ phát triển du lịch, đặc biệt là xây dựng một số tuyến du lịch văn hoá đặc thù dọc các sông quanh huyện.

3.3.2- Xây dựng một số tuyến du lịch văn hoá dọc các sông quanh Thủy Nguyên

Qua quá trình điều tra đánh giá sơ bộ người viết nhận thấy rằng hầu hết các tài nguyên du lịch văn hoá quan trọng của Thủy Nguyên đều nằm ven các sông quanh huyện. Vì vậy để thuận tiện trong quá trình vận chuyển cũng như tham quan các di tích, phương tiện vận chuyển chính của chúng ta sẽ là loại thuyền lớn chuyên dụng có khả năng phục vụ ăn uống, ngủ nghỉ tại chỗ cho du khách.

3.3.2.1- Một số tuyến du lịch văn hoá tiêu biểu:

3.3.2.1.1- Chương trình 1:

- *Tên chương trình:* “Hành trình văn hoá khám phá Thủy Nguyên”.

- *Thời gian:* Trong ngày.

- *Nội dung:* thuyền xuôi dòng đưa quý khách thưởng ngoạn phong cảnh sơn thủy hữu tình của vùng đất này, khám phá những giá trị văn hoá độc đáo trên mảnh đất ngàn năm lịch sử.

- *Lịch trình cụ thể:*

+ *Sáng:*

. 6h00: tàu sẽ đón quý khách tại bến Bính. Sau khi ổn định, tàu sẽ đưa quý khách tới thăm đền Trần Quốc Bảo chiêm ngưỡng cảnh hùng vĩ của thiên nhiên nơi đây và thấp nền hương thơm tưởng niệm vị anh hùng dân tộc. Tiếp theo đoàn sẽ ghé thăm khu di chỉ Tràng Kênh tìm hiểu giai đoạn văn hoá Phùng Nguyên và một số thành tựu của người Việt cổ trong buổi bình minh lịch sử.

. 8h00: Quý khách tiếp tục cuộc hành trình đến với di tích thành nhà Mạc, hiện còn được bảo tồn tại khu vực núi Thiêm Khê. Tiếp đó là thăm

quần thể di tích Liên Khê (đền Thụ Khê, chùa Thiểm Khê, chùa Mai Động) đã được Nhà nước công nhận là di tích cấp quốc gia.

. 10h00: Quý khách rời Liên Khê để đến với di chỉ Việt Khê, xem mộ thuyền của người Việt cổ và thăm chùa Phù Lưu một di tích văn hoá tiêu biểu có từ thời Lý.

. 11h30 – 14h00: Du khách ăn trưa trên tàu, ngắm cảnh trời mây non nước, quý khách có thể ngủ trưa hoặc câu cá nếu thích.

+ *Chiều:*

. 14h00: Hướng dẫn viên sẽ đưa quý khách đến với đền thờ Trạng nguyên Lê Ích Mộc và thăm chùa Câu Tử ngoại của đất Hợp Thành, Thủy Nguyên.

Câu Tử ngựa non vươn những bước

Hoang vu ngày trước chỉ còn địa danh...

. 15h00: Đoàn đến thăm ngôi đình Kiền Bái - ngôi đình lớn nhất Thủy Nguyên. Tiếp đó qua cầu Kiền đoàn sẽ đến với chùa Hoàng Pha.

. 16h00: Đoàn đến thăm cụm di tích Lôì Động, nơi có văn miếu Lôì Động.

. 17h00: Đoàn đến thăm chùa Lâm Động và sau đó về bến Bính kết thúc cuộc hành trình.

Chúc quý khách một chuyến tham quan đạt hiệu quả và vui vẻ

- *Giá trọn gói:* 350.000 đồng/người (Chưa bao gồm thuế VAT, áp dụng với đoàn khách 40 người trở lên). Bao gồm:

- 1) Ăn theo chương trình không có đồ uống: + Ăn chính một bữa: 70.000/bữa/người.
- 2) Tàu du lịch tiện nghi, sang trọng, điều hoà...
- 3) Bảo hiểm du lịch tối đa 10.000 đồng/người
- 4) HDV du lịch nhiệt tình suốt tuyến

5) Nước uống + khăn lạnh phục vụ trên trên tàu.

3.3.2.1.2- Chương trình 2:

- Tên chương trình: Hồng Bàng - Hải An - Thủy nguyên

- Thời gian: 2 ngày 1 đêm

- Nội dung:

- Lịch trình cụ thể:

+Ngày 1:

.Sáng:

. 6h00: Tàu xuất phát từ Bến Bính, đưa quý khách đến thăm miếu Hạ Đoạn và Xâm Bồ *noi thờ vị anh hùng dân tộc Ngô Quyền, là người có công lớn, làm nên chiến thắng Bạch Đằng lần thứ nhất (năm 938) đánh tan quân Nam Hán mở đầu kỷ nguyên độc lập của dân tộc.*

. 9h30: Kế tiếp là từ Lương Xâm: **Tưởng nhớ vị anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo, nhiều nơi ở Hải Phòng và trên đất nước lập đền, miếu và từ đường tôn thờ ông. Từ Lương Xâm được suy tôn là “Tù Cả” trong số các đền thờ Trần Hưng Đạo ở Hải Phòng.**

. 10h30 Sau khi ổn định, tàu sẽ đưa quý khách tới thăm đền Trần Quốc Bảo thắp hương tưởng niệm vị anh hùng dân tộc và văn cảnh thiên nhiên kỳ thú của núi Hoàng Tôn.

. 11h30- 14h00: Du khách ăn trưa trên tàu, ngắm cảnh trời mây non nước, quý khách có thể ngủ trưa hoặc câu cá nếu thích.

Chiều:

. 14h30: Đoàn sẽ ghé thăm khu di chỉ Tràng Kênh tìm hiểu về giai đoạn văn hoá Phùng Nguyên và một số thành tựu của người Việt cổ trong buổi bình minh lịch sử.

. 16h00: Quý khách tiếp tục cuộc hành trình đến với di tích thành nhà Mạc, hiện còn được bảo tồn tại khu vực núi Thiêm Khê, tiếp đó là

khu quần thể di tích Liên Khê (đền Thụ Khê, chùa Thiểm Khê, chùa Mai Động) được công nhận là di tích cấp quốc gia.

. 17h00: Quý khách rời Liên Khê để đến với di chỉ Việt Khê.

Đoàn sẽ nghỉ đêm trên tàu giao lưu ca nhạc, hoặc câu cá trên sông, thi bắt cá trong chum...

+ Ngày 2

Sáng:

. 06h00: Quý khách khởi hành tới Chùa Phù Lưu một di tích văn hoá tiêu biểu có từ thời Lý.

. 09h00: Hướng dẫn viên sẽ đưa quý khách đến với đền thờ Trạng nguyên Lê Ích Mộc, và chùa Câu Tử ngoại của đất Hợp Thành Thủy Nguyên.

Câu Tử ngựa non vươn những bước

Hoang vu ngày trước chỉ còn địa danh...

. 10h30: Đoàn đến thăm ngôi đình Kiền Bái ngôi đình lớn nhất Thủy Nguyên. Tiếp đó qua cầu Kiền, đoàn sẽ đến với chùa Hoàng Pha.

. 11h30 – 14h30: Đoàn ăn cơm và nghỉ ngơi trên tàu, hoặc câu cá trên sông theo sở thích.

Chiều:

. 14h30: Hướng dẫn viên sẽ đưa quý khách đến thăm cụm di tích Lôi Động, nơi có văn miếu Lôi Động.

. 15h30: Đoàn đến thăm chùa Lâm Động **nằm ven tả ngạn sông Cẩm là danh thắng có từ thời Bắc thuộc.**

. 17h00: Đoàn về Bến Bính kết thúc hành trình.

Chúc quý khách một chuyến tham quan đạt hiệu quả và vui vẻ.

- Giá trọn gói: 600.000 đồng/người (Chưa bao gồm thuế VAT, áp dụng với đoàn khách 40 người trở lên). Bao gồm:

- 1) Ăn theo chương trình không có đồ uống: + Ăn chính một bữa: 70.000/bữa/người.
- 2) Tàu du lịch tiện nghi, sang trọng, điều hoà...
- 3) Bảo hiểm du lịch tối đa 10.000 đồng/người
- 4) HDV du lịch nhiệt tình suốt tuyến
- 5) Nước uống + khăn lạnh phục vụ trên trên tàu.

3.3.2.1.3-Chương trình 3:

- Tên chương trình: Hải Phòng - Hải An - Thủy Nguyên - Quảng Yên (Quảng Ninh) - Hải Phòng.

- Thời gian: 3 ngày 2 đêm,

- Nội dung: kết hợp tham quan bãi cọc sông Chanh, chùa Hang Sơn.

3.3.2.2- Một số giải pháp hỗ trợ để đảm bảo xây dựng thành công tuyến du lịch văn hoá dọc các sông quanh huyện Thủy Nguyên

Ngày nay, du lịch là một trong những xu thế được nhiều địa phương ở Việt Nam lựa chọn làm ngành kinh tế mũi nhọn. Vì vậy mà sự cạnh tranh có khi quyết liệt giữa các vùng, các tỉnh, các huyện là khó tránh khỏi. Để ngành du lịch còn sơ khai ở Thủy Nguyên đứng vững và phát triển được không phải là dễ dàng. Không những cần có sự đầu tư đúng đắn của chính quyền địa phương, sự hợp tác của nhân dân trong huyện, mà còn cần có sức sáng tạo cũng như tìm được sự độc đáo mới mẻ cho riêng mình, tạo sức hấp dẫn cho du khách. Họ đến mà không thấy nhàm chán. Đó mới là điều kiện thực sự đảm bảo cho sự thành công của tuyến du lịch. Để thực hiện được điều đó cần có những biện pháp sau:

3.3.2.2.1- Đẩy mạnh việc phát triển cơ sở hạ tầng

Trên địa bàn huyện thủy nguyên hiện nay có các tuyến đường 10, 351, 352 chạy qua và hệ thống giao thông thủy bao bọc quanh huyện. Từ đây có thể liên hệ với các nơi khác và các khu du lịch lớn như Đồ Sơn, Hạ Long, Cát Bà, Hà Nội... nhưng việc đi lại bằng đường bộ vẫn chưa thuận tiện, đường thủy vẫn chưa có bến tàu du lịch.

Bên cạnh đó là những trang thiết bị, cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ cho du lịch hầu như là chưa có gì. Khu vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng cũng như phục vụ ăn uống đều khá đơn sơ, vì vậy huyện cần khẩn trương có những chương trình và giải pháp cụ thể, nhanh chóng giải quyết vấn đề này.

3.3.2.2.2- Tăng cường quản lý Nhà nước về du lịch

- Thành lập Bộ phận Du lịch thuộc Phòng Văn hoá – Thông tin - Thể thao và Du lịch của huyện để tham mưu cho UBND huyện về quản lý Nhà nước về du lịch và Kinh doanh du lịch trên địa bàn huyện.

- Kết hợp với công an để giảm bớt các thủ tục hành chính, nhất là đối với khách quốc tế. Bảo vệ an toàn cho khách khi đến tham quan, nghỉ dưỡng.

- Cơ quan thuế Nhà nước cần miễn giảm các khoản thuế và các thủ tục hành chính phiền hà.

- Cần có các quy định chặt chẽ đảm bảo vệ sinh môi trường.

3.3.2.2.3- Tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức về phát triển du lịch

Lấy cộng đồng làm tâm điểm để phát triển: bắt nguồn từ ý thức bảo vệ di tích văn hoá cũng như cảnh quan môi trường của người dân. Giáo dục và giúp họ nhận thức được giá trị lịch sử của di tích địa phương giúp họ có cái nhìn tích cực về du lịch đồng thời xây dựng được lòng tự hào của họ về quê hương. Và khi đến với Thủy Nguyên mỗi người dân du khách gặp sẽ là một hướng dẫn viên giúp du khách hiểu về quê hương mình. Đó mới là mục tiêu phấn đấu của phát triển du lịch.

Một yếu tố quan trọng không thể bỏ qua đó là nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc phát triển du lịch huyện đối với đội ngũ cán bộ, nhân viên để họ cố gắng hoàn thành công việc. Đồng thời tuyên truyền, quảng bá, nâng cao nhận thức về du lịch, ý thức bảo vệ cảnh quan và tài nguyên du lịch đối với nhân dân địa phương. Đặc biệt là phải đưa ra các chương trình về lịch sử, địa lý Thủy Nguyên vào các trường phổ thông để giáo dục nâng cao ý thức của thế hệ trẻ, từ đó họ sẽ yêu mến quê hương và sau này gắn bó phục vụ tốt cho ngành du lịch quê nhà.

3.3.2.2.4- Quan tâm bảo vệ và tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá, bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên

Hiện nay phần lớn các di tích của huyện đang bị xuống cấp nghiêm trọng, thậm chí có di tích đã bị đổ nát do không được bảo vệ chu đáo. Tuy nhiên trong quá trình tu và tôn tạo cần giữ nguyên dáng vẻ, kiến trúc cổ không nên thay đổi bằng các kiến trúc hiện đại. Khôi phục những lễ hội truyền thống, làng nghề truyền thống để nơi đây sẽ là một điểm phục vụ du khách thưởng thức nét văn hoá độc đáo của địa phương.

Tình trạng ô nhiễm môi trường ở các làng nghề vùng nông thôn của Thủy Nguyên đang là vấn đề nghiêm trọng do công nghệ sản xuất rất lạc hậu, thủ công là chính, quy mô sản xuất nhỏ, phân tán, nằm xen kẽ trong dân cư và hầu hết là không có hệ thống xử lý nước thải và khí thải. Điển hình là làng nghề Mỹ Đồng- huyện Thủy Nguyên chuyên đúc các mặt hàng như chân máy khâu, nồi gang, cối, tượng. Bên cạnh đó là những lò nung vôi của các xã như: Minh Tân, Liên Khê, Minh Đức gây ô nhiễm môi trường khá nặng nề cho môi trường huyện. Thêm vào đó là nhà máy xi măng chinfon đang ngày đêm khai thác một khối lượng khá lớn, kèm theo đó là những hoá chất độc hại huỷ hoại môi trường xung quanh. Nhiều khu dân cư đã trở thành “làng ung thư” vì ô nhiễm môi trường quá nặng. Vì vậy huyện cần có những biện pháp lâu dài để đem lại môi trường trong lành cho người dân cũng như du khách.

Thêm vào đó là những dãy núi đá vôi có giá trị về mặt địa hình địa mạo đang bị khai thác, và nguy cơ “Hạ Long cạn” của Thủy Nguyên sẽ không còn cho thế hệ sau chiêm ngưỡng nữa.

Đây sẽ là một bài học quý giá về vấn đề kinh tế và môi trường của huyện.

3.3.2.2.5- Kêu gọi các dự án đầu tư nước ngoài

Hiện nay dự án sân golf Sông Giá đã tương đối hoàn thành và sắp đi vào hoạt động. Đây sẽ là cơ hội lớn đối với việc quảng bá du lịch Thủy Nguyên với bạn bè thế giới. Huyện cần kêu gọi nguồn đầu tư hơn nữa vào du lịch văn hoá cũng như du lịch sinh thái. Kết hợp hai loại hình du lịch này sẽ là một bước đệm vững chắc cho du lịch huyện phát triển.

3.3.2.2.6- Kết nối với các đơn vị lữ hành có uy tín

Đây là một trong những giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển du lịch văn hoá của huyện. Kết hợp với các công ty lữ hành có uy tín tổ chức các chương trình du lịch văn hoá, du lịch văn hoá kết hợp tự nhiên, tham quan nghỉ dưỡng, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá hình ảnh Thủy Nguyên tới khách du lịch trong nước và quốc tế. Đây cũng là cơ hội giúp ngành du lịch còn non trẻ của huyện có cơ hội học hỏi và trau dồi kinh nghiệm vững bước trong tương lai không xa.

KẾT LUẬN

Qua các phần đã trình bày ở trên, có thể đi tới các kết luận sau:

1 - Du lịch văn hoá là một hướng ưu tiên lựa chọn rất phù hợp với các vùng nghèo và các nước đang phát triển.

2 - Thuỷ Nguyên là một huyện giàu tài nguyên du lịch nhân văn bậc nhất ở Hải Phòng. Đánh giá tổng hợp tài nguyên theo các chỉ tiêu cần thiết để xác định các tuyến điểm du lịch ở Thuỷ Nguyên cho thấy ở đây có đủ điều kiện xây dựng một hệ thống các tuyến điểm du lịch văn hoá đặc thù, có sức hấp dẫn lớn đối với du khách trong và ngoài nước. Tuy nhiên hiện nay, trình độ phát triển du lịch nói chung, cũng như du lịch văn hoá nói riêng của Thuỷ Nguyên còn rất khiêm tốn, mặc dù đã có những cố gắng, nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

3 - Trên cơ sở đánh giá tổng hợp tài nguyên, kết hợp với việc phân tích các điều kiện kinh tế - xã hội và nguồn khách đến Thuỷ Nguyên và Hải Phòng, tác giả đề xuất 3 chương trình du lịch văn hoá áp dụng cho tuyến du lịch đường thủy dọc các sông quanh huyện Thuỷ Nguyên, đó là:

- Chương trình “Hành trình văn hoá khám phá huyện Thuỷ Nguyên”, thời gian 1 ngày;

- Chương trình “Hải An - Thuỷ Nguyên”, thời gian 2 ngày 1 đêm;

- Chương trình “Hồng Bàng - Hải An - Thuỷ Nguyên - Quảng Yên”, thời gian 3 ngày 2 đêm.

4- Để đảm bảo cho các tuyến du lịch văn hoá này vận hành được thành công cần áp dụng bổ trợ các giải pháp sau:

- Phát triển cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật;

- Tăng cường quản lý nhà nước về du lịch;

- Tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức về phát triển du lịch;

- Bảo vệ và tôn tạo di tích, bảo vệ tài nguyên – môi trường;

- Tích cực kêu gọi các dự án đầu tư nước ngoài;

- Chủ động kết nối với các đơn vị lữ hành có uy tín.

Sau quá trình nghiên cứu và xây dựng “Một số tuyến du lịch văn hoá dọc các sông quanh huyện Thủy Nguyên” người viết nhận thấy rằng: để các tuyến du lịch này trở thành hiện thực và đem lại hiệu quả kinh tế cần có những bước đi đúng đắn. Tuy nhiên trên địa bàn huyện hiện nay có nhiều vấn đề bức xúc, là nhân tố gây ảnh hưởng xấu và trực tiếp tới hoạt động du lịch, cần khẩn trương giải quyết. Người viết xin đưa ra những kiến nghị sau:

- Hiện nay trên sông Hàn, tại khu vực Lại Xuân và Phi Liệt đang xảy ra tình trạng lấn chiếm dòng chảy do việc khai thác than và đá vôi, tàu bè cũ nát qua lại vô tổ chức rất dễ xảy ra tai nạn giao thông đường thủy. Đặc biệt đây là nơi hay xảy ra những tệ nạn cướp giật, là một trong những nguyên nhân làm an ninh khu vực này mất ổn định và là mối lo ngại lớn cho du khách khi qua khu vực này bằng đường thủy. Vì vậy chính quyền địa phương cần có những biện pháp khắc phục ngay tình trạng này, đảm bảo an ninh khu vực, đảm bảo an toàn cho khách du lịch.

- Tình trạng ô nhiễm môi trường ở khu vực Minh Đức, và nạn khai thác đá vôi bừa bãi làm nguyên liệu phục vụ sản xuất cho các nhà máy xi măng khiến cho cảnh quan tự nhiên nơi đây bị phá huỷ trầm trọng. Không gian “Làng ung thư” do ô nhiễm chất thải của các nhà máy ngày càng mở rộng. Khu vực này trước đây là nơi có khung cảnh thiên nhiên trù phú, núi non trùng điệp, dòng sông Bạch Đằng thơ mộng, phong cảnh hữu tình nhưng nay không còn nữa. Thay vào đó là cảnh làng xóm chìm trong khói bụi, núi đá vôi bị khai thác nham nhở. Hơn nữa, đây là khu vực đầu sóng ngọn gió của huyện, mỗi khi gió mùa Đông Bắc thổi vào thì nhân dân trong toàn huyện chìm trong khói bụi độc hại. Thiết nghĩ có du khách nào muốn dừng chân tại một nơi như vậy? Đứng trước những vấn đề nhức nhối trên lẽ nào các cấp chính quyền huyện, các tổ chức lại có thể làm ngơ?

- Tình trạng đánh cắp cổ vật đang diễn ra một cách nghiêm trọng tại khu vực An Sơn, Liên Khê, gây khó khăn cho quá trình nghiên cứu. Thêm vào đó là sự thiếu hiểu biết của nhân dân địa phương, trong khi san đất làm nhà ở thấy xuất hiện những chum tiền cổ, cùng với vò gốm cũ đã vỡ lại vứt đi, hoặc phá hỏng. Trong khi đó không hề có sự quản lý, can thiệp nào của chính quyền nhân dân địa phương.

Với phương châm: “Tất cả cho Thủy Nguyên nhanh chóng trở thành 1 trong 3 cụm du lịch quan trọng nhất của Thành phố (sau Cát Bà, Đồ Sơn)” thì huyện cần phải giải quyết những vấn đề trên một cách nhanh chóng và

triệt để, khắc phục những yếu kém, phát huy tiềm năng sẵn có dồi dào mọi tâm trí và nguồn lực, kiên quyết đưa ngành du lịch của huyện tiến lên. Người viết tin rằng với tài nguyên phong phú, con người thân thiện, cùng với sự nỗ lực to lớn của toàn thể cán bộ và nhân dân địa phương, ngành Du lịch của huyện sẽ có những bước chuyển mình đáng kể trong tương lai.

★ ★

★

Là một sinh viên ngành Văn hoá - Du lịch, nhận thấy vai trò quan trọng và tiềm năng to lớn của du lịch văn hoá của địa phương, người viết mạnh dạn chọn Đề tài “*Xây dựng tuyến du lịch văn hoá dọc các sông quanh huyện Thủy Nguyên*”, với mong muốn góp phần hiểu biết ít ỏi của mình vào sự phát triển du lịch của quê nhà. Tuy nhiên do bước đầu tiên trên con đường nghiên cứu khoa học, kiến thức hạn chế, thời gian không dài, Khoá luận không thể tránh khỏi thiếu sót, người viết mong tiếp tục nhận được những chỉ dẫn của các thầy cô, góp ý của các bạn đồng nghiệp quan tâm tới đề tài này.

Xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Ban Sử Thuỷ Nguyên, 1989.** *Đất và người Thuỷ Nguyên.* NXB Hải Phòng.
2. **Bùi Thị Hải Yến, 2005.** *Tuyến điểm du lịch Việt Nam.* NXB Giáo Dục.
3. **Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên), 1999.** *Địa lý du lịch.* NXB thành phố Hồ Chí Minh.
4. **Nguyễn Minh Tuệ, 1992.** *Phương pháp xác định mức độ tập trung các di tích lịch sử - văn hoá theo lãnh thổ trong nghiên cứu địa lý du lịch.* Thông báo khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội số 2/1992.
5. **Nhiều tác giả, 1998.** *Thuỷ Nguyên quê hương em,* NXB Hải Phòng.
6. **Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, 2005.** *Luật Du lịch Việt Nam.* NXB Chính trị Quốc gia.
7. **Trần Ngọc Thêm, 2000.** *Cở sở văn hoá Việt Nam.* NXB Giáo Dục.
8. **Trần Phương, 2006.** *Du lịch văn hoá Hải Phòng,* NXB Hải Phòng - Sở Du lịch Hải Phòng.
9. **Trịnh Minh Hiền (Chủ biên), 2006.** *Lễ hội truyền thống tiêu biểu của Hải Phòng.* NXB Hải Phòng.
10. **Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Hải Phòng, 2000.** *Một số di sản văn hoá tiêu biểu của Hải Phòng (Tập I).* NXB Hải Phòng.
11. **Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Hải Phòng, 2002.** *Một số di sản văn hoá tiêu biểu của Hải Phòng (Tập II).* NXB Hải Phòng.
12. Website: <http://www.anhp.vn>.
13. Website: <http://diendan.haiphong360.net>.
14. Website: google.com.vn.

